

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO **BỘ Y TẾ**
HỌC VIỆN Y DƯỢC HỌC CỔ TRUYỀN VIỆT NAM



ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Đối tượng: Tiến sĩ – chuyên ngành Y học cổ truyền

HÀ NỘI - 2023

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành đề cương các học phần trong chương trình đào tạo Tiến sĩ, Chuyên khoa II, Chuyên khoa I, Thạc sĩ định hướng nghiên cứu, Bác sĩ nội trú ngành Y học cổ truyền, chuyên khoa I ngành Dược liệu - Dược học cổ truyền và chuyên khoa I ngành Châm cứu

GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN Y - DƯỢC HỌC CỔ TRUYỀN VIỆT NAM

Căn cứ Quyết định số 30/QĐ- TTg ngày 02 tháng 02 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 484/QĐ-BGDĐT ngày 17 tháng 02 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc giao nhiệm vụ đào tạo trình độ tiến sĩ chuyên ngành Y học cổ truyền cho Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam;

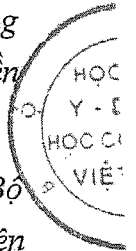
Căn cứ Quyết định số 392/QĐ-BYT ngày 25 tháng 10 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc giao nhiệm vụ đào tạo chuyên khoa cấp I chuyên ngành Y học cổ truyền cho Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 1501/QĐ-BGDĐT ngày 01 tháng 04 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc giao nhiệm vụ đào tạo trình độ thạc sĩ chuyên ngành Y học cổ truyền cho Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 1224/QĐ-BYT ngày 15 tháng 4 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc giao nhiệm vụ đào tạo trình độ bác sĩ chuyên khoa II chuyên ngành Y học cổ truyền cho Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 3051/QĐ-BYT ngày 10 tháng 11 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc giao nhiệm vụ đào tạo chuyên khoa cấp I cho Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 1730/QĐ-BYT ngày 24 tháng 5 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc giao nhiệm vụ đào tạo trình độ Bác sĩ nội trú cho Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam;



Căn cứ Nghị quyết 481/NQ-HĐTHVYDHCTVN ngày 24 tháng 06 năm 2021 của Hội đồng trường Học viện Y-Dược học cổ truyền Việt Nam ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Học viện Y- Dược học cổ truyền Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 604/QĐ-HVYDCT ngày 22 tháng 3 năm 2023 của giám đốc Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam về việc Ban hành khung chương trình đào tạo ngành Y học cổ truyền trình độ thạc sĩ theo định hướng nghiên cứu;

Căn cứ Quyết định số 649/QĐ-HVYDCT ngày 27 tháng 3 năm 2023 của giám đốc Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam về việc Ban hành khung chương trình đào tạo chuyên khoa II ngành Y học cổ truyền;

Căn cứ Quyết định số 823/QĐ-HVYDCT ngày 07 tháng 4 năm 2023 của giám đốc Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam về việc Ban hành khung chương trình đào tạo Bác sĩ nội trú ngành Y học cổ truyền;

Căn cứ Quyết định số 976/QĐ-HVYDCT ngày 21 tháng 4 năm 2023 của giám đốc Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam về việc Ban hành khung chương trình đào tạo bác sĩ chuyên khoa I ngành Châm cứu;

Căn cứ Quyết định số 995/QĐ-HVYDCT ngày 24 tháng 4 năm 2023 của giám đốc Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam về việc Ban hành khung chương trình đào tạo Dược sĩ chuyên khoa I ngành Dược liệu - Dược học cổ truyền;

Căn cứ Quyết định số 997/QĐ-HVYDCT ngày 24 tháng 4 năm 2023 của giám đốc Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam về việc Ban hành khung chương trình đào tạo chuyên khoa I ngành Y học cổ truyền;

Căn cứ Quyết định số 1053/QĐ-HVYDCT ngày 27 tháng 4 năm 2023 của Giám đốc Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam về việc Ban hành khung chương trình đào tạo Tiến sĩ ngành Y học cổ truyền;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo sau đại học.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này đề cương các học phần trong chương trình đào tạo Tiến sĩ, Chuyên khoa II, Chuyên khoa I, Thạc sĩ định hướng nghiên cứu, Bác sĩ nội trú ngành Y học cổ truyền, chuyên khoa I ngành Châm cứu và chuyên khoa I ngành Dược liệu - Dược học cổ truyền (Đề cương chi tiết học phần kèm theo).

TIẾN
SĨ
CHUYÊN
KHOA
I
DƯỢC
LIỆU -
DƯỢC
HỌC
CỔ
TRUYỀN

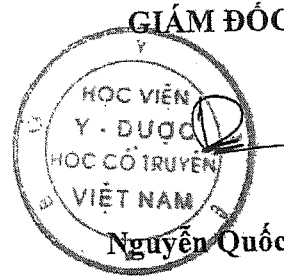
Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký, ban hành và được áp dụng cho khóa tuyển sinh từ năm 2023.

Điều 3. Các ông/bà Trưởng phòng: Đào tạo sau đại học, Quản lý chất lượng, Công tác chính trị và Quản lý sinh viên, Hành chính - Tổng hợp, Tài chính kế toán, các Trưởng khoa Khoa học cơ bản, Y học lâm sàng, Dược và các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Hội đồng trường (đề b/c);
- Ban Giám đốc (đề b/c);
- Đăng Website;
- Lưu: VT, SĐH.

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Quốc Huy

1

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

LÝ THUYẾT

Đối tượng đào tạo: **Nghiên cứu sinh Tiến sĩ – Y học cổ truyền**

Mã số đào tạo:

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/ mô đun:

* Tiếng Việt: **Khái quát lý luận Y học cổ truyền**

* Tiếng Anh:

- Mã học phần/ mô đun:

- Số tín chỉ: 02 LT (30 tiết)

- Đối tượng học: năm thứ nhất

- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				
		Kiến thức cơ sở ngành X		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc X	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	X	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

- Các học phần tiên quyết/học trước: *không*

- Số tiết đối với các hoạt động học tập: tiết

+ Lý thuyết: 24 tiết

+ Thực hành: 0 tiết

+ Bài tập: 0 tiết

+ Thảo luận, hoạt động nhóm: 06 tiết

+ Kiểm tra: 0 tiết

+ Thời gian tự học: 80 giờ

- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn Y lý Y học cổ truyền

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1.	Trần Thị Hồng Ngãi	0915009672	Ngaidytw72@yahoo.com

3	Vũ Nam	0978163646	
4	Phạm Quốc Bình	0912757262	phamquocbinh68@gmail.com
5	Nguyễn Duy Tuấn	0828991883	tuanzibi@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CDR của CTĐT [3]	Mức độ [4] (thang đo trong tài liệu hướng dẫn)
1	Kiến thức: - Nhận thức đúng về quá trình lịch sử phát triển và lí luận cơ bản của Y học cổ truyền thông qua các tác phẩm Hải Thượng Y tông tâm lĩnh, Y dịch - Trình bày đúng và sâu sắc về Tiên thiên bát quái, Hậu thiên bát quái, Y huân cách ngôn, Học thuyết Âm Dương, Học thuyết Thủy Hỏa, Học thuyết tạng phủ, Cơ chế gây bệnh, Phép tắc điều trị theo YHCT	CDR 2 CDR 4 CDR 5	03
2	Kỹ năng : - Tổng hợp và phân tích đúng về Tiên thiên bát quái, Hậu thiên bát quái, Y huân cách ngôn, Học thuyết Âm Dương, Học thuyết Thủy Hỏa, Học thuyết tạng phủ, Cơ chế gây bệnh, Phép tắc điều trị theo YHCT - Vận dụng tốt các Học thuyết và Y huân cách ngôn trong chăm sóc sức khỏe nhân dân - Vận dụng tốt kỹ năng, phương pháp nghiên cứu, phát triển các kiến thức kinh điển, bồi dưỡng năng lực nghiên cứu của Y học cổ truyền	CDR 2 CDR 4 CDR 5 CDR 6	03
3	Mức độ tự chủ và trách nhiệm : - Thể hiện tốt thái độ, trách nhiệm và nhiệm vụ nghề nghiệp và đạo đức trong hành nghề theo Y huân cách ngôn trong chăm sóc sức khỏe	CDR 4 CDR 7	03

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CDR của CTĐT [3]	Thang đo (thang đo trong tài liệu hướng dẫn)
	nhân dân - Tiếp thu đầy đủ cơ sở lí luận cho việc nghiên cứu và thực hành lâm sàng. Nghiêm túc, trung thực, khách quan, có tinh thần tốt trong nghiên cứu khoa học và học tập nâng cao trình độ		

4. Chuẩn đầu ra của học phần (ký hiệu: CDR)

Mục tiêu học phần	CDR của học phần
Kiến thức	
MT1: Nhận thức đúng về quá trình lịch sử phát triển và lí luận cơ bản của Y học cổ truyền thông qua các tác phẩm Hải Thượng Y tông tâm lĩnh, Y dịch	<p>CDR2: có khả năng đào tạo và hợp tác quốc tế, tổ chức nghiên cứu khoa học độc lập và phát triển công nghệ với trình độ cao.</p> <p>CDR4: Có kiến thức lý thuyết và lâm sàng tiên tiến chuyên sâu ở vị trí hàng đầu của một lĩnh vực thuộc ngành y học cổ truyền, có khả năng hành nghề chuyên nghiệp dựa trên bằng chứng ở một lĩnh vực chuyên môn; phân tích, tổng hợp đánh giá dữ liệu để đưa ra giải pháp xử lý trong một số lĩnh vực chuyên ngành y học cổ truyền, kết hợp y học cổ truyền với y học hiện đại một cách khoa học.</p> <p>CDR5: Ứng dụng được kỹ thuật hiện đại trong chẩn đoán, điều trị, dự phòng trong một số lĩnh vực chuyên môn sâu.</p>
- Trình bày đúng và sâu sắc về Tiên thiên bát quái, Hậu thiên bát quái, Y huấn cách ngôn, Học thuyết Âm Dương, Học thuyết Thủy Hỏa, Học thuyết tạng phủ, Cơ chế gây bệnh, Phép tắc điều trị theo YHCT	
Kỹ năng	
MT1: Tổng hợp và phân tích đúng về Tiên thiên bát quái, Hậu thiên bát quái, Y huấn	<p>CDR2: Có khả năng đào tạo và hợp tác quốc tế, tổ chức nghiên cứu khoa học độc lập và phát triển công nghệ với trình độ cao.</p>

<p>Dương, Học thuyết Thủy Hỏa, Học thuyết tạng phủ, Cơ chế gây bệnh, Phép tắc điều trị theo YHCT</p>	<p>CDR4: Có kiến thức lý thuyết và lâm sàng tiên tiến chuyên sâu ở vị trí hàng đầu của một lĩnh vực thuộc ngành y học cổ truyền, có khả năng hành nghề chuyên nghiệp dựa trên bằng chứng ở một lĩnh vực chuyên môn; phân tích, tổng hợp đánh giá dữ liệu để đưa ra giải pháp xử lý trong một số lĩnh vực chuyên ngành y học cổ truyền, kết hợp y học cổ truyền với y học hiện đại một cách khoa học.</p>
<p>MT2: Vận dụng tốt kỹ năng, phương pháp nghiên cứu, phát triển các kiến thức kinh điển, bồi dưỡng năng lực nghiên cứu của Y học cổ truyền</p>	<p>CDR5: Ứng dụng được kỹ thuật hiện đại trong chẩn đoán, điều trị, dự phòng trong một số lĩnh vực chuyên môn sâu.</p> <p>CDR6: Có kỹ năng làm việc nhóm, tác phong hành nghề chuyên nghiệp và kỹ năng tổ chức, quản lý và điều hành các hoạt động tại đơn vị công tác.</p>
<p>Năng lực tự chủ và trách nhiệm</p>	
<p>MT1: Thể hiện tốt thái độ, trách nhiệm và nhiệm vụ nghề nghiệp và đạo đức trong hành nghề theo Y huấn cách ngôn trong chăm sóc sức khỏe nhân dân</p>	<p>CDR4: Có kiến thức lý thuyết và lâm sàng tiên tiến chuyên sâu ở vị trí hàng đầu của một lĩnh vực thuộc ngành y học cổ truyền, có khả năng hành nghề chuyên nghiệp dựa trên bằng chứng ở một lĩnh vực chuyên môn; phân tích, tổng hợp đánh giá dữ liệu để đưa ra giải pháp xử lý trong một số lĩnh vực chuyên ngành y học cổ truyền, kết hợp y học cổ truyền với y học hiện đại một cách khoa học.</p>
<p>MT2: Tiếp thu đầy đủ cơ sở lý luận cho việc nghiên cứu và thực hành lâm sàng. Nghiêm túc, trung thực, khách quan, có tinh thần tốt trong nghiên cứu khoa học và học tập nâng cao trình độ</p>	<p>CDR7: Giao tiếp chính thức có hiệu quả với đồng nghiệp, người bệnh và gia đình người bệnh.</p>

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun

Mức 1: Thấp;

Mức 2: Trung bình ;

Mức 3: Cao

	CDR2	CDR4	CDR5	CDR6	CDR7					
Tiên thiên bát quái trong Y dịch	2	2	2	2	3					
Hậu thiên bát quái trong Y dịch	2	2	2	2	3					
Âm dương trong Hải thượng Y tông tâm lĩnh	3	3	3	3	3					
Thủy hỏa trong Y tông tâm lĩnh	3	3	3	3	3					
Tạng phủ trong Y tông tâm lĩnh	3	3	3	3	3					
Cơ chế trong Y tông tâm lĩnh.	3	3	3	3	3					
Y huấn trong Y tông tâm lĩnh	3	3	3	3	3					
Phép tắc chữa bệnh trong Y tông tâm lĩnh	3	3	3	3	3					

6. Mô tả học phần/ mô đun (Vị trí, vai trò của học phần/ mô đun đối với chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần/ mô đun)

Học phần Khái quát lý luận Y học cổ truyền là nội dung cơ bản để các tiến sĩ YHCT làm nền tảng trong học tập, khám chữa bệnh và Nghiên cứu khoa học, Mục đích của học phần này nhằm trang bị kiến thức lõi sâu sắc nhất trong hệ thống các học thuyết, Y huấn cách ngôn và phép tyacs chữa bệnh theo YHCT

7. Nội dung chi tiết học phần/ mô đun

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học						Yêu cầu đối với học viên
	Lên lớp (Tiết)					Tự học (Giờ)	
	LT	TH	LT/KT		Tổng cộng		
Tiên thiên bát quái trong Y dịch	04	0	03/01		04	10	1. Học tập tích cực 2. Vận dụng sáng tạo 3. Hiện thực hóa các kiến thức vào thực tế giảng dạy, lâm sàng và NCKH
Hậu thiên bát quái trong Y dịch	04	0	03/01		04	10	
Âm dương trong Hải thượng Y tông tâm lĩnh	04	0	03/01		04	10	
Thủy hỏa trong Y tông tâm lĩnh	04	0	03/01		04	10	
Tạng phủ trong Y	04	0	03/01		04	10	

Cơ chế trong Y tông tâm lĩnh.	04	0	03/01		04	10
Y huấn cách ngôn trong Y tông tâm lĩnh	02	0	01/01		02	10
Phép tắc chữa bệnh trong Y tông tâm lĩnh	04	0	03/01		04	10
Tổng	30		22/08		30	80

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra; TH: Thực hành,

8. Tài liệu học tập

8.1. Tài liệu chính (TLC)

- **Y dịch**, Khoa Y học cổ truyền – Đại học Y Hà Nội, Nhà Xuất bản Y học.

- **Hải Thượng Y Tông Tâm Lĩnh**, Nhà Xuất bản Y học.

8.2. Tài liệu tham khảo

- **Kinh dịch ứng dụng trong y học cổ truyền**, PGS.TS. Vũ Nam, Nhà Xuất bản Y học.

9. Kế hoạch giảng dạy lý thuyết

Tuần	Nội dung	Giảng viên lên lớp (giờ)					Học viên tự học, tự nghiên cứu (giờ)
		Lý thuyết	Kiểm tra	Bài tập	Thảo luận	Các hình thức khác	
Buổi 1	Tiên thiên bát quái trong Y dịch	04			01		10
Buổi 2	Hậu thiên bát quái trong Y dịch	04			01		10
Buổi 3	Âm dương trong Hải thượng Y tông tâm lĩnh	04			01		10
Buổi 4	Âm dương trong Hải thượng Y tông tâm lĩnh	04			01		10
Buổi 5	Thủy hỏa trong Hải thượng Y tông tâm lĩnh	04			01		10
Buổi 6	Tạng phủ trong Hải thượng Y tông tâm lĩnh	04			01		10
Buổi 7	Y huấn cách ngôn	02			01		10
Buổi 8	Phép tắc chữa bệnh trong Y tông	04			01		10

	TỔNG	30		08		80

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần/ mô đun

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm

Thuyết trình x Động não x Từng cặp /Chia sẻ x Học dựa trên vấn đề x Hoạt động nhóm x Đóng vai Học dựa vào dự án Mô phỏng

Nghiên cứu tình huống Thực hiện đề án/ thực hành/thực tập

✓ Cách thức giảng dạy: phương pháp giảng dạy trực tiếp, phương pháp giảng dạy online sử dụng ZOOM

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy học phần/ mô đun:

Có giảng đường, máy chiếu, phấn bảng, các phương tiện phục vụ giảng dạy theo nội dung bài học.

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với học viên

- Dự lớp: Học viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

✓ Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

✓ Học viên phải đi học đúng giờ quy định. Học viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

✓ Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

✓ Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm

- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên

- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi kết thúc học phần

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80%.

Sinh viên phải hoàn thành các bài tập và đạt điểm 5/10 trở lên; tham gia đủ và đạt điểm 5/10 trở lên đối với các bài kiểm tra trên lớp.

✓ Trong quá trình học tập, sinh viên được khuyến khích đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới dưới nhiều hình thức khác nhau.

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CDR của học phần
1	Điểm thi kết thúc học phần			
	Ví dụ: Trắc nghiệm trên máy tính	100%		CDR1 đến 11

12.3. Điểm học phần/ mô đun

Cách đánh giá: Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

9.1 Điểm lý thuyết: Bài tiểu luận

9.2 Điểm kiểm tra: bài kiểm tra

9.3 Điểm tổng kết học phần:

Điểm đánh giá kết thúc học phần = Điểm kiểm tra x 0,3 + Điểm bài tiểu luận x 0,7

12.4. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN


- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

Hà Nội, ngày tháng năm 2023

BAN GIÁM ĐỐC

TRƯỞNG KHOA
(Ký, ghi rõ họ tên)

PT. BỘ MÔN
(Ký, ghi rõ họ tên)


Trần Thị Mỹ Ngọc

GIẢI THÍCH MỘT SỐ KÝ HIỆU

- (1) Ký hiệu mục tiêu bằng ký hiệu MT từ 1,2,...;
- (2) Ký hiệu chuẩn đầu ra bằng ký hiệu CDR từ 1,2,...;
- (3) Mô tả CDR theo thang Bloom;
- (4) Thang trình độ năng lực:

Trình độ năng lực	Mô tả
0.0 -> 2.0	Nhớ (trình bày, định nghĩa, liệt kê,...)
2.0 -> 3.0	Hiểu (giải thích, mô tả, nhận xét,...)
3.0 -> 3.5	Áp dụng (vận dụng, chỉ ra, minh họa,...)
3.5 -> 4.0	Phân tích (phân biệt, phân tích, khảo sát,...)
4.0 -> 4.5	Đánh giá (đánh giá, so sánh, liên hệ, nhận định,...)
4.5 -> 5.0	Sáng tạo (thiết kế, đề xuất, tổ chức,...)

Hà Nội, ngày tháng năm 2023

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN:
TÀI NGUYÊN CÂY THUỐC**

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/ mô đun:
- * Tiếng Việt: TÀI NGUYÊN CÂY THUỐC
- * Tiếng Anh: Medicinal Plant Resources
- Mã học phần/ mô đun: 251202
- Số tín chỉ: 02 LT/ 01 TH/LS
- Số tiết đối với các hoạt động học tập: 150 tiết
 - + Lý thuyết: 30 tiết
 - + Thực hành/ Lâm sàng/Seminar: 30 tiết
 - + Kiểm tra, đánh giá: 2 tiết
 - + Thời gian tự học: 88 tiết
- Đối tượng học (năm thứ): Tiến sĩ YHCT
- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input checked="" type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Điều kiện tham gia học phần:
 - + Học phần tiên quyết:
 - + Học phần học trước:
 - + Học phần song hành: Không
- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn Thực vật – Dược liệu

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	PGS. TS. Nguyễn Duy Thuận	0913328031	thuanhvdyd@gmail.com
2	PGS. TS. Phương Thiện Thương	0972872418	phuongthienthuong@yahoo.com
3	PGS. TS. Nguyễn Quốc Huy	0984.398989	huyhup2010@gmail.com

4	Giảng viên thỉnh giảng theo yêu cầu của học phần		
---	--	--	--

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Bảng 3.1. Mục tiêu của học phần/ mô đun

Ký hiệu Mục tiêu	Nội dung MT HP
MT1	Phân tích được khái niệm của tài nguyên cây thuốc, các giá trị của tài nguyên cây thuốc, hiện trạng tài nguyên cây thuốc trên thế giới và ở Việt Nam, các phương pháp bảo tồn và phát triển tài nguyên cây thuốc; một số chính sách của Đảng và Nhà nước về tài nguyên cây thuốc ở Việt Nam
MT2	Phân tích được các nguyên tắc và phương pháp đánh giá chất lượng dược liệu; các nguyên tắc chung của trồng trọt, thu hái dược liệu theo tiêu chuẩn GACP.
MT3	Vận dụng được kiến thức đã học vào phân tích, đánh giá việc bảo tồn, phát triển tài nguyên cây thuốc; thu hái, làm khô, bảo quản, đánh giá chất lượng và sử dụng dược liệu tại địa phương/ đơn vị
MT4	Có khả năng tổ chức hoạt động và làm việc theo nhóm, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm

Bảng 3.2. Mối liên hệ MT HP đến MT của CTĐT

MT CTĐT	(1)	(2)	(3)
MT1		2	1
MT2		2	1
MT3	2	2	
MT4	2		

1 – Mức đóng góp ít; 2 – Mức đóng góp vừa ; 3 – Mức đóng góp nhiều

4. Chuẩn đầu ra (CĐR) của học phần/ mô đun (ký hiệu: CLO)

Sau khi học xong học phần, người học có thể:

Bảng 4.1. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun

Ký hiệu CĐR	Nội dung CĐR HP (CLO)
CLO1	Phân tích khái niệm của tài nguyên cây thuốc, các giá trị của tài nguyên cây thuốc, hiện trạng tài nguyên cây thuốc trên thế giới và ở Việt Nam, các phương pháp bảo

	tồn và phát triển tài nguyên cây thuốc; một số chính sách của Đảng và Nhà nước về tài nguyên cây thuốc ở Việt Nam
CLO2	Phân tích các nguyên tắc và phương pháp đánh giá chất lượng dược liệu; các nguyên tắc chung của trồng trọt, thu hái dược liệu theo tiêu chuẩn GACP.
CLO3	Vận dụng kiến thức đã học vào phân tích, đánh giá việc bảo tồn, phát triển tài nguyên cây thuốc; thu hái, làm khô, bảo quản, đánh giá chất lượng và sử dụng dược liệu tại địa phương/ đơn vị
CLO4	Có khả năng tổ chức hoạt động và làm việc theo nhóm, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm

5. Ma trận mức độ đóng góp của chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (CLO) vào chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO)

1 – Thấp; 2 – Trung bình ; 3 – Cao

Bảng 5.1. Mối liên hệ của CDR HP (CLO) đến CDR của CTĐT (PLO)

PLO	1	2	3	4	5	6	7
CLO1				2			
CLO2				2			
CLO3		2				2	1
CLO4		2				2	1

6. Yêu cầu của học phần/ mô đun

6.1. Yêu cầu của về điều kiện cơ sở vật chất tổ chức giảng học phần/ mô đun:

6.1.1. Lý thuyết: Giáo trình, tài liệu tham khảo như mục 10.1 và 10.2

Có máy chiếu projector, máy tính, các tài liệu giảng dạy và tài liệu học tập

6.1.2. Lâm sàng: không có

6.1.3. Thực hành:

Bảng 6.1.3. Cơ sở vật chất giảng dạy của HP

STT	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ thực hành
1	Tủ sấy
2	Tủ bảo quản mẫu tiêu bản/ dược liệu
3	Mẫu tiêu bản tươi/ khô/ mẫu dược liệu
4	Phòng thực hành trang bị máy chiếu/ màn hình
5	Cơ sở thực hành điều tra về TNCT (vườn quốc gia/ khu bảo tồn...)
6	Phòng thực hành được trang bị đầy đủ mẫu cây thuốc/ vị thuốc/ dược liệu hoặc tranh ảnh, cơ sở dữ liệu về các cây thuốc, vị thuốc, nhóm thuốc trong chương trình giảng dạy

7	Phòng thực hành được trang bị đầy đủ máy móc, trang thiết bị, dụng cụ, vật tư, dung môi, hóa chất phục vụ kiểm tra, đánh giá các cây thuốc, vị thuốc trong chương trình giảng dạy.
---	--

6.2. Yêu cầu đối với học viên

- Học viên phải có giáo trình.
- Học viên phải tự đọc tối thiểu đầy đủ tài liệu học tập (tại mục 10), đảm bảo kết quả thi kết thúc học phần với kiến thức có trong giáo trình, trong tài liệu tham khảo và kiến thức cập nhật mới.
- Dự lớp học lý thuyết: Học viên có trách nhiệm tham gia đầy đủ các buổi học và các hoạt động học tập tại lớp; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.
- Thực hành/thảo luận: Thực hiện đầy đủ các bài thực hành/thảo luận phân theo cá nhân, theo nhóm. Đọc trước nội dung liên quan đến phần thực hành/thảo luận và viết báo cáo tóm tắt quy trình thực hành trước các buổi học.
- Tự học: Chủ động tổ chức giờ tự học bao gồm: Ôn bài học trước, **tự đọc** giáo trình và tài liệu tham khảo có liên quan tới chuẩn bị cho bài học mới theo tên bài kèm nội dung ghi tại cột 2 trong các bảng ở mục 8 (bao gồm cả phần tự đọc không giảng trên lớp - nếu có), phân phối thời gian tự học ôn tập phục vụ cho các bài thảo luận/kiểm tra/thi hết thực hành/ thi kết thúc học phần (các hình thức ghi tại mục 9.3); Đảm bảo thời gian tự học theo quy định.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự lý thuyết tối thiểu đạt 80 %. Hoàn thành 100% số bài kiểm tra và bài thực hành.

7. Mô tả chung học phần/ mô đun

Học phần Tài nguyên cây thuốc dành cho đối tượng Tiến sĩ YHCT là học phần quan trọng trong chương trình đào tạo Tiến sĩ YHCT, giữ vai trò trong việc cung cấp cho người học khái niệm, giá trị của tài nguyên cây thuốc, tài nguyên cây thuốc trên thế giới và ở Việt Nam, bảo tồn và phát triển bền vững tài nguyên cây thuốc, một số chính sách về tài nguyên cây thuốc; trồng cây thuốc và thu hái dược liệu hoang dã theo tiêu chuẩn GACP.

Từ đó người học có thể nhận biết được tầm quan trọng của dược liệu và thuốc cổ truyền trong chăm sóc sức khỏe, vận dụng kiến thức đã học vào phân tích, đánh giá việc bảo tồn, phát triển tài nguyên cây thuốc; thu hái, làm khô, bảo quản, đánh giá chất lượng và sử dụng dược liệu tại địa phương/ đơn vị.

8. Kế hoạch, nội dung giảng dạy học phần/ mô đun, liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

8.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Bảng 8.1.1.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

Tuần/ Buổi (4 tiết/b)	Các nội dung cơ bản của bài học (chương)	Số tiết (LT/KT/ Tự học)	CĐR của bài học (chương)/ chủ đề	Lquan đến CLO nào ở bảng 4.1	PP giảng dạy đạt CĐR	Hoạt động học của SV	Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.1.1)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Khái niệm về TNCT - Giá trị của cây thuốc và nhu cầu sử dụng	4/0/4	Phân tích và cho ví dụ về khái niệm về TNCT; Giá trị của cây thuốc và nhu cầu sử dụng	CLO 1	Thuyết trình ngắn tích cực hoá người học	- Đọc tài liệu - Lắng nghe, trao đổi - Trả lời câu hỏi	
2	Tài nguyên cây thuốc trên thế giới	4/0/4	Phân tích và cho ví dụ về hiện trạng TNCT trên thế giới	CLO 1	Thuyết trình ngắn tích cực hoá người học	- Đọc tài liệu - Lắng nghe, trao đổi - Trả lời câu hỏi	
3	Tài nguyên cây thuốc ở Việt Nam	4/0/4	Phân tích và cho ví dụ về hiện trạng TNCT ở Việt Nam	CLO 1	Thuyết trình ngắn tích cực hoá người học	- Đọc tài liệu - Lắng nghe, trao đổi - Trả lời câu hỏi	
4	Bảo tồn và phát triển tài nguyên cây thuốc	4/0/4	Phân tích và cho ví dụ về các phương pháp bảo tồn TNCT	CLO 1	Thuyết trình ngắn tích cực hoá người học	- Đọc tài liệu - Lắng nghe, trao đổi - Trả lời câu hỏi	
5	Bảo tồn và phát triển tài nguyên cây thuốc (tiếp)	4/0/4	Phân tích và cho ví dụ về các phương pháp bảo tồn TNCT	CLO 1	Thuyết trình ngắn tích cực hoá người học	- Đọc tài liệu - Lắng nghe, trao đổi - Trả lời câu hỏi	
6	Các chính sách về tài nguyên cây thuốc	4/0/4	Trình bày và phân tích về một số chính sách của Đảng và Nhà nước về TNCT ở Việt Nam	CLO 1	Thuyết trình ngắn tích cực hoá người học thảo luận nhóm	- Đọc tài liệu - Lắng nghe, trao đổi - Trả lời câu hỏi - Phán biện, nhận xét	
7	Trồng cây thuốc và thu hái dược liệu hoang dại theo tiêu chuẩn GACP	4/0/4	Vận dụng các kiến thức về các nguyên tắc và phương pháp đánh giá chất lượng dược liệu; các nguyên tắc chung của trồng	CLO 2	Thuyết trình ngắn tích cực hoá người học kết hợp thảo luận nhóm	- Đọc tài liệu - Lắng nghe, trao đổi - Trả lời câu hỏi - Phán biện, nhận xét	

Tuần/ Buổi (4 tiết/b)	Các nội dung cơ bản của bài học (chương)	Số tiết (LT/KT/ Tự học)	CDR của bài học (chương)/ chủ đề	Lquan đến CLO nào ở bảng 4.1	PP giảng dạy đạt CDR	Hoạt động học của SV	Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.1.1)
8	Trồng cây thuốc và thu hái được liệu hoang dại theo tiêu chuẩn GACP (tiếp)	2/0/2	trọt, thu hái được liệu theo tiêu chuẩn GACP. Vận dụng các kiến thức về các nguyên tắc và phương pháp đánh giá chất lượng dược liệu; các nguyên tắc chung của trồng trọt, thu hái dược liệu theo tiêu chuẩn GACP.	CLO 2	Thuyết trình ngắn tích cực hoá người học kết hợp thảo luận nhóm	- Đọc tài liệu - Lắng nghe, trao đổi - Trả lời câu hỏi - Phán biện, nhận xét	
9	Kiểm tra	0/2/2		CLO 1 CLO 2	Tự luận ngắn kết hợp trắc nghiệm khách quan	Làm bài kiểm tra theo yêu cầu	Bài kiểm tra thường xuyên
10	Tiểu luận kết thúc học phần	0/0/16		CLO 1 CLO 2			

8.2. Kế hoạch, nội dung giảng dạy thực hành/ lâm sàng và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Bảng 8.2.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy thực hành/ lâm sàng và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

Tuần/ Buổi (4 tiết/b)	Các nội dung cơ bản của bài TH/LS (chương)	Số tiết (TH/LS/ KT/ Tự học)	CDR của bài TH/LS (chương)	Lquan đến CLO nào ở bảng 4.1	Trang thiết bị quy chiếu ở bảng 6.1.3	PP giảng dạy đạt CDR	Hoạt động học của SV	Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.2.1)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1-7	Thực hành tài nguyên cây thuốc	27//0/30	- Vận dụng kiến thức đã học vào việc bảo tồn, phát triển tài nguyên cây thuốc - Vận dụng kiến thức đã học vào việc thu hái, làm khô, bảo quản	CLO 3 CLO 4	Các TTB theo yêu cầu	Bài tập nhóm/ nhân theo chủ đề	Làm bài tập nhóm/ cá nhân theo yêu cầu	

Tuần/ Buổi (4 tiết/b)	Các nội dung cơ bản của bài TH/LS (chương)	Số tiết (TH/LS/ KT/ Tự học)	CĐR của bài TH/LS (chương)	Lquan đến CLO nào ở bảng 4.1	Trang thiết bị quy chiếu ở bảng 6.1.3	PP giảng dạy đạt CĐR	Hoạt động học của SV	Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.2.1)
8	Báo cáo thực hành	3 tiết	và đánh giá chất lượng và sử dụng được liệu trong điều trị bệnh.	CLO 3 CLO 4		Báo cáo, thảo luận theo nhóm/ cá nhân theo chủ đề	Báo cáo theo nhóm/ cá nhân theo chủ đề	

9. Phương pháp đánh giá học phần

9.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

9.2. Rubric:

Rubric 1: Đánh giá bài kiểm tra/bài tập lớn/ Bài tập của bài thực hành

Tiêu chí đánh giá	Trọng số %	Chuẩn đầu ra của Học phần	Mô tả mức chất lượng				Điểm
			8.5-10 điểm	7.0-8.4 điểm	5.5- 6.9 điểm	4.0-5.4 điểm	
Kết quả bài kiểm tra/bài tập lớn	50%	CLO 1	Kết quả đúng, đầy đủ	Kết quả đúng đến 85%	Kết quả đúng đến 70%	Kết quả đúng dưới 40%	100%
Lập luận	30%	CLO 2 CLO 3	Lập luận logic	Lập luận logic, chưa đầy đủ	Có lập luận; chưa rõ logic	Lập luận sai, không lập luận	

Tiêu chí đánh giá	Trọng số %	Chuẩn đầu ra của Học phần	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			8.5-10 điểm	7.0-8.4 điểm	5.5- 6.9 điểm	4.0-5.4 điểm	0-3.9 điểm	
Hình thức trình bày;	20%		Chữ viết rõ ràng; trình bày đẹp, sạch sẽ; Bố cục chặt chẽ, mạch lạc; Không lỗi chính tả	Chữ viết rõ ràng; trình bày đẹp; Bố cục tương đối chặt chẽ; mô tả kết quả chưa rõ ràng	Chữ viết đọc được; Bố cục chưa chặt chẽ; không mô tả được kết quả	Chữ viết xấu, khó đọc; Bố cục không rõ ràng; còn một số lỗi chính tả	Câu trả; Không có bố cục cụ thể; sai nhiều lỗi chính tả;	

Rubric 2 – Nội dung thuyết trình thảo luận nhóm (có slides đi kèm)

STT	Nội dung tính điểm	Tỉ trọng	Chuẩn đầu ra học phần	Mức độ					
				8.5-10 điểm	7.0-8.4 điểm	5.5- 6.9 điểm	4.0-5.4 điểm	0-3.9 điểm	
1	Nội dung báo cáo	25%	CLO3	<ul style="list-style-type: none"> Nội dung chuyên môn đúng, theo đúng đảm bảo trích dẫn phù hợp Nội dung đúng hệ thống, logic 	<ul style="list-style-type: none"> Nội dung chuyên môn đúng, theo đúng đảm bảo trích dẫn phù hợp Nội dung tương đối đúng hệ thống, logic 	<ul style="list-style-type: none"> Nội dung chuyên môn trích dẫn còn sai sót Nội dung tương đối đúng hệ thống, logic 	<ul style="list-style-type: none"> Nội dung chuyên môn đúng, trích dẫn chưa phù hợp Nội dung chưa theo hệ thống 	<ul style="list-style-type: none"> Nội dung chuyên môn chưa đúng, trích dẫn chưa phù hợp Nội dung chưa theo hệ thống, logic 	0-3.9 điểm
2	Hình thức các slides	10%	CLO3	<ul style="list-style-type: none"> Các slide rõ ràng, dễ theo dõi, Đảm bảo tính hệ thống liên lạc trong trình bày 	<ul style="list-style-type: none"> Các slide rõ ràng, dễ theo dõi, Đảm bảo tính hệ thống liên lạc trong trình bày 	<ul style="list-style-type: none"> Các slide rõ ràng, dễ theo dõi, Chưa đảm bảo tính hệ thống liên lạc trong trình bày 	<ul style="list-style-type: none"> Các slide chưa rõ ràng, khó theo dõi Chưa đảm bảo tính hệ thống liên lạc trong trình bày 	<ul style="list-style-type: none"> Các slide chưa rõ ràng, khó theo dõi Chưa đảm bảo tính hệ thống liên lạc trong trình bày 	0-3.9 điểm

STT	Nội dung tính điểm	Tỉ trọng	Chuẩn đầu ra học phần	Mức độ				
				8.5-10 điểm	7.0-8.4 điểm	5.5- 6.9 điểm	4.0-5.4 điểm	0-3.9 điểm
3	Kỹ năng trình bày	25%	CLO3	<ul style="list-style-type: none"> - Khuyến khích một số hiệu ứng khi cần thiết - Thuyết trình rõ ràng, đầy đủ nội dung, đủ thời lượng - Thuyết trình sinh động, tự tin, tạo được sự hứng thú quan tâm của người nghe. 	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết trình rõ ràng, đầy đủ nội dung, đủ thời lượng - Thuyết trình sinh động, thiếu tự tin, chưa tạo được sự hứng thú quan tâm của người nghe 	<ul style="list-style-type: none"> - Hiệu ứng xuất hiện khi cần thiết - Thuyết trình rõ ràng, đầy đủ nội dung, vượt thời lượng ít - Thuyết trình thiếu tự tin, chưa tạo được sự hứng thú quan tâm của người nghe 	<ul style="list-style-type: none"> - Hiệu ứng xuất hiện khi cần thiết - Thuyết trình rõ ràng, đầy đủ nội dung, vượt thời lượng ít - Thuyết trình thiếu tự tin, chưa tạo được sự hứng thú quan tâm của người nghe 	<ul style="list-style-type: none"> - Hiệu ứng xuất hiện ảnh hưởng đến theo dõi - Thuyết trình không rõ ràng, đầy đủ nội dung, vượt thời lượng nhiều - Thuyết trình khó khăn, chưa tạo được sự hứng thú quan tâm của người nghe
4	Trả lời câu hỏi	10%	CLO3	<ul style="list-style-type: none"> - Trả lời đúng nội dung ($\geq 85\%$) - Trả lời ngắn gọn, đi thẳng vào trọng tâm vấn đề 	<ul style="list-style-type: none"> - Trả lời tương đối đúng nội dung ($\geq 70\%$) - Trả lời ngắn gọn, đi thẳng vào trọng tâm vấn đề 	<ul style="list-style-type: none"> - Trả lời còn nhiều chỗ nội dung không chính xác - Trả lời có nói tới trọng tâm vào vấn đề 	<ul style="list-style-type: none"> - Trả lời còn nhiều chỗ nội dung chưa chính xác - Trả lời chưa đi vào trọng tâm vấn đề 	<ul style="list-style-type: none"> - Trả lời sai cơ bản nội dung; lan man
5	Làm việc nhóm 1. Thành viên nhóm	15%	CLO4	<ul style="list-style-type: none"> 1. - Tham gia nhiệt tình - Hoàn thành công việc được phân công 	<ul style="list-style-type: none"> 1. - Tham gia nhiệt tình - Hoàn thành công việc được phân công 	<ul style="list-style-type: none"> 1. - Tham gia nhiệt tình - Hoàn thành công việc được phân công 	<ul style="list-style-type: none"> 1. - Ít tham gia nhiệt tình - Hoàn thành công việc được phân công 	<ul style="list-style-type: none"> 1. - Tham gia không nhiệt tình - Chưa hoàn thành công việc được phân công

STT	Nội dung tính điểm	Tỉ trọng	Chuẩn đầu ra học phần	Mức độ				
				8.5-10 điểm	7.0-8.4 điểm	5.5- 6.9 điểm	4.0-5.4 điểm	0-3.9 điểm
2.	Trưởng nhóm			<ul style="list-style-type: none"> Chia sẻ công việc thành viên Tham gia ý kiến chung 2. – Kế hoạch rõ ràng Phân công cụ thể Giám sát thành viên Kiểm soát kết quả Đánh giá thành viên 	<ul style="list-style-type: none"> Chia sẻ công việc thành viên Ít tham gia ý kiến chung 2. – Kế hoạch rõ ràng Phân công cụ thể Giám sát thành viên Kiểm soát kết quả Chưa đánh giá thành viên 	<ul style="list-style-type: none"> Ít chia sẻ công việc thành viên Ít tham gia ý kiến chung 2. – Kế hoạch rõ ràng Phân công cụ thể Giám sát thành viên Chưa kiểm soát kết quả Chưa đánh giá thành viên 	<ul style="list-style-type: none"> Không chia sẻ công việc thành viên Ít tham gia ý kiến chung 2. – Kế hoạch đầy đủ Không phân công cụ thể Giám sát thành viên Chưa kiểm soát kết quả Chưa đánh giá thành viên 	<ul style="list-style-type: none"> Không chia sẻ công việc thành viên Ít tham gia ý kiến chung 2. – Kế hoạch không rõ ràng Không phân công cụ thể Giám sát thành viên Chưa kiểm soát kết quả Chưa đánh giá thành viên

Rubric 3. Đánh giá tiêu luận

Tiêu chí	Nội dung yêu cầu	Tỉ trọng	CDR học phần	Mức độ chất lượng			Điểm
				8,5 – 10 điểm	7,0 – 8,4 điểm	5,0 – 6,9 điểm	
Nội dung	<ul style="list-style-type: none"> Ngắn gọn, rõ ràng Phù hợp giữa mục tiêu và tên tiêu luận 	10%	CLO 1 CLO 2	Viết ngắn gọn, rõ ràng; dẫn dắt đưa ra được các mục tiêu phù hợp với tên tiêu luận và dài không quá 1,5 trang.	Viết ngắn gọn, rõ ràng; dẫn dắt tương đối tốt để đưa ra được mục tiêu luận phù hợp tên	Viết chưa thật súc tích; dẫn dắt đề đưa ra được mục tiêu luận tương đối phù hợp tên	0 – 4,9 điểm

Tiêu chí	Nội dung yêu cầu	Tỉ trọng	CDR học phần	Mức độ chất lượng				Điểm
				8,5 – 10 điểm	7,0 – 8,4 điểm	5,0 – 6,9 điểm	0 – 4,9 điểm	
Tổng quan tài liệu	<ul style="list-style-type: none"> - Hệ thống hóa được thông tin liên quan quan trọng; + Về cơ sở lý luận + Về thực tiễn trong nước + Về thực tiễn ngoài nước 	20%		Đáp ứng yêu cầu đầy đủ cả 3 nội dung về cơ sở lý luận, thực tiễn trong nước và nước ngoài	<ul style="list-style-type: none"> - Thiếu 1 nội dung hoặc - Cả 3 nội dung trình bày cơ bản đáp ứng yêu cầu 	Trình bày cả 3 nội dung đáp ứng yêu cầu	<ul style="list-style-type: none"> - Thiếu hai nội dung hoặc - 2/3 nội dung trình bày không đáp ứng yêu cầu 	
				Đáp ứng đầy đủ và chính xác cả 2 nội dung: phù hợp với mục tiêu và tương đối chính xác	<ul style="list-style-type: none"> - Đáp ứng đầy đủ một nội dung và một nội dung đạt trên 50% yêu cầu; hoặc - 2 nội dung đáp ứng trên 2/3 yêu cầu 	Đáp ứng mỗi nội dung trên 50% yêu cầu	<ul style="list-style-type: none"> - Thiếu 1 nội dung hoặc - Cả hai nội dung không đáp ứng yêu cầu 	
Phương pháp, phương tiện tiên hành và kết quả	<ul style="list-style-type: none"> - Phương pháp và tiện nghiên cứu - Phù hợp với mục tiêu - Tương đối chính xác 	20%		Đáp ứng cả 4 nội dung đầy đủ và chính xác	<ul style="list-style-type: none"> - Đáp ứng 4 nội dung đầy đủ; hoặc - cả 4 nội dung đều đạt trong đó 3 nội dung đạt trên 75% 	Đáp ứng ít nhất 2 nội dung và các nội dung còn lại đạt yêu cầu	<ul style="list-style-type: none"> - Từ 3/4 nội dung không đạt yêu cầu; hoặc - Thiếu 2 nội dung 	
	<ul style="list-style-type: none"> - Kết quả - Đáp ứng được mục tiêu - Trung thực, đáng tin cậy - Minh chứng rõ ràng, chính xác - Nhận xét, bàn luận ngắn gọn, logic, xác đáng 	20%						

Tiêu chí	Nội dung yêu cầu	Tỉ trọng	CĐR học phần	Mức độ chất lượng				Điểm
				8,5 – 10 điểm	7,0 – 8,4 điểm	5,0 – 6,9 điểm	0 – 4,9 điểm	
Kết luận và đề xuất	<ul style="list-style-type: none"> - Thâu tóm được nội dung - Đề xuất đúng vấn đề 	10%		<p>8,5 – 10 điểm</p> <p>Thâu tóm được nội dung yêu cầu đầy đủ chính xác và có đề xuất xác đáng</p>	<p>7,0 – 8,4 điểm</p> <p>- Đáp ứng đầy đủ và chính xác 1 nội dung yêu cầu và tiêu chí còn lại đạt trên 50% hoặc</p> <p>- cả 2 tiêu chí đáp ứng trên 70%</p>	<p>5,0 – 6,9 điểm</p> <p>Cả 2 nội dung đáp ứng yêu cầu trên 50%</p>	<p>0 – 4,9 điểm</p> <p>- Thiếu 1 nội dung Hoặc</p> <p>- Cả 2 nội dung không đạt yêu cầu</p>	
Tài liệu tham khảo	<ul style="list-style-type: none"> - Trích dẫn đủ, đúng quy định - Viết tài liệu tham khảo đúng quy định - Tài liệu tham khảo có cả tiếng Việt và tiếng nước ngoài 	10%		<p>Viết tài liệu tham khảo đúng quy định; Trích dẫn đủ số tài liệu > 20, trích dẫn đúng quy định về cách viết và vào phần nội dung tiêu chí, có cả tài liệu trong nước và nước ngoài</p>	<p>Trích dẫn đúng quy định trong đó có cả tài liệu tham khảo trong và ngoài nước với số lượng 10-20</p>	<p>Trích dẫn có trên 3 lỗi không đúng quy định, trong đó có cả tài liệu tham khảo trong và ngoài nước 5-9 hoặc chỉ có tài liệu trong nước hoặc nước ngoài</p>	<p>Mắc nhiều lỗi trích dẫn sai quy định, viết tài liệu tham khảo sai quy định hoặc số tài liệu tham khảo quá ít (<5)</p>	
Trình bày	<ul style="list-style-type: none"> - Format đúng quy định - Bảng biểu rõ ràng, chính xác - Lỗi chính tả: 	10%		<p>Đúng và chính xác cả 3 nội dung yêu cầu</p>	<p>Format đúng quy định, 2/3 số Bảng biểu rõ ràng, chính xác, lỗi chính tả 5-10</p>	<p>Format một vài chỗ chưa đúng quy định, Bảng biểu rời mắt khó hiểu, Lỗi chính tả 11-20</p>	<p>Format > 5 chỗ chưa đúng quy định, Nhiều Bảng biểu rời mắt khó hiểu hoặc vẽ sai</p> <p>Lỗi chính tả > 20</p>	

9.3. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Bảng 9.3.1. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Thành phần đánh giá chính	Trọng số điểm (%)	Nội dung đánh giá	Bài đánh giá	Trọng số con (%)	Rubric	Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1	Mô tả cách thực hiện
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Điểm kiểm tra thường xuyên	10%	Thảo luận nhóm/ bài tập lớn/ kiểm tra	Điểm đánh giá quá trình	100%	Rubric 1	CLO1 CLO2	Theo KH của Bộ môn
Điểm thực hành	30%	Theo từng chủ đề	Báo cáo thực hành	100%	Rubric 1 Rubric 2	CLO3 CLO4	Theo KH bài giảng
Điểm kết thúc học phần	60%	Tiểu luận	Bài kết thúc học phần	100%	Rubric 3	CLO1 CLO2	Theo KH của Bộ môn

9.4. Ma trận đề kiểm tra và thang điểm đánh giá

Điểm tiểu luận kết thúc học phần được tính theo thang điểm 10.

9.5. Điểm học phần

Cách đánh giá: Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

9.1 Điểm lý thuyết = điểm tiểu luận kết thúc học phần

9.2 Điểm thực hành/lâm sàng = điểm báo cáo phần thực hành

9.3 Điểm tổng kết học phần:

- Điểm đánh giá kết thúc học phần = (Điểm tổng kết phần thực hành/lâm sàng X 1.0 + Điểm tổng kết phần lý thuyết X 2.0)/3

- Điểm đạt khi: điểm đánh giá kết thúc học phần từ 5,5 điểm trở lên theo thang điểm 10.

10. Tài liệu học tập

10.1. Tài liệu chính (TLC)

[1]. Bộ môn Thực vật - Dược liệu – Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam (2023), Tài nguyên cây thuốc, Tài liệu lưu hành nội bộ

10.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

[1]. Bộ Y tế (2019), *Thông tư 19/2019/TT-BYT Quy định thực hành tốt nuôi trồng, thu hái dược liệu và các nguyên tắc, tiêu chuẩn khai thác dược liệu tự nhiên*

11. Hướng dẫn thực hiện

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.
- ✓ Sinh viên thực hiện đầy đủ và trung thực các nhiệm vụ học tập, kiểm tra, đánh giá theo Đề cương chi tiết học phần và hướng dẫn của giảng viên giảng dạy học phần.

12. Cấp phê duyệt

Hà Nội, ngày tháng năm 2023

TRƯỞNG KHOA

(Ký, ghi rõ họ tên)

BỘ MÔN

(Ký, ghi rõ họ tên)



Trần Thị Thu Hiền

13. Tiến trình cập nhật đề cương

Cập nhật đề cương chi tiết lần 1: <i>Ngày/tháng/năm.</i>	Người cập nhật
Cập nhật đề cương chi tiết lần 2: <i>Ngày/tháng/năm.</i>	Người cập nhật

Hà Nội, ngày tháng năm 2023

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/MÔN HỌC

Đối tượng đào tạo: Đào tạo học viên Tiến sĩ, Mã số đào tạo:

Năm thứ: 2

1. Thông tin chung về Học phần/ Môn học

- Tên Học phần/ Môn học: Quản lý nhà nước về y tế
- * Tiếng Việt: Quản lý nhà nước về y tế
- * Tiếng Anh:
- Mã Học phần/ Môn học:
- Số tín chỉ: 01LT/01.TH/LS
- Số tiết đối với các hoạt động học tập: 15 tiết LT/30 tiết TH
 - + Lý thuyết: 15 tiết
 - + Thực hành/ Lâm sàng: 30 tiết
 - + Bài tập: tiết
 - + Thảo luận, hoạt động nhóm: 10 tiết
 - + Kiểm tra:.....tiết
 - + Thời gian tự học: 105 tiết

3

(Hướng dẫn điền số tiết: Theo khoản 1 điều 7 thông tư 17/2021/TT-BGDĐT có quy định:

Khối lượng học tập của chương trình đào tạo, của mỗi thành phần hoặc của mỗi học phần trong chương trình đào tạo được xác định bằng số tín chỉ.

a) Một tín chỉ được tính tương đương 50 giờ học tập định mức của người học, bao gồm cả thời gian dự giờ giảng, giờ học có hướng dẫn, tự học, nghiên cứu, trải nghiệm và dự kiểm tra, đánh giá;

b) Đối với hoạt động dạy học trên lớp, một tín chỉ yêu cầu thực hiện tối thiểu 15 giờ giảng hoặc 30 giờ thực hành, thí nghiệm, thảo luận trong đó một giờ trên lớp được tính bằng 50 phút.)

- Đối tượng học: Đào tạo học viên Tiến sĩ Y học cổ truyền

- Vị trí của Học phần/ Môn học trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>							
		Kiến thức cơ sở khối ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>	
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>		

- Điều kiện tham gia học phần:

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	TS. Lưu Minh Châu	0963171071	minhchauytdp@gmail.com
2	PGS. TS. Nguyễn Quốc Huy		
3	PGS. TS. Phạm Quốc Bình		
4	PGS.TS. Phạm Vũ Khánh		
5	Ths. Trương Thị Minh Trang	0916359842	
	Mời giảng		

3. Mục tiêu của Học phần/ Môn học

Sau khi kết thúc Học phần/ Môn học, học viên đạt được các mục tiêu sau:

Bảng 3.1. Mục tiêu của học phần/ mô đun

Ký hiệu Mục tiêu	Nội dung MT HP
MT HP1	Hiểu đại cương về quản lý nhà nước về y tế

MT HP2	Trình bày và phân tích được về hệ thống chính trị nhà nước; Nguyên tắc hoạt động và điều hành của hệ thống y tế Việt Nam
MT HP3	Phân tích được các hệ thống văn bản quy phạm pháp luật và các Luật liên quan đến quá trình hành nghề
MT HP4	Xây dựng được kế hoạch hoạt động Y tế
MT HP5	Kiểm soát nhiễm khuẩn bệnh viện và công tác quản lý chất thải bệnh viện; Sắp xếp đơn vị theo chuẩn 5S

Bảng 3.2. Mối liên hệ MT HP đến MT của CTĐT

MT CTĐT	(1)	(2)	(3)
MT HP1	3	3	3
MT HP2	3	3	3
MT HP3	3	3	3
MT HP4	3	3	3
MT HP5	3	3	3

Ghi chú: Mức độ đóng góp của mục tiêu học phần/ modul (MT HP) vào mục tiêu của chương trình đào tạo (MT CTĐT) được xác định cụ thể:

- 1 – MT HP có đóng góp ít vào MT CTĐT
- 2 – MT HP có đóng góp vừa vào MT CTĐT
- 3 – MT HP có đóng góp nhiều vào MT CTĐT

Chú thích: 3, 2, 1 phụ thuộc vào mức hỗ trợ của MT HP đối với MT CTĐT ở mức bắt đầu (1) hoặc mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế, ... (2) hay mức thuần thục (3)

4. Chuẩn đầu ra (CĐR) của học phần/ mô đun (ký hiệu: CLO)

Bảng 4.1. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun

Ký hiệu CĐR	Nội dung CĐR HP (CLO)
CLO1	Xác định được vai trò Quản lý nhà nước về y tế theo pháp luật
CLO2	Phân tích và Vận dụng nguyên tắc hoạt động và điều hành của hệ thống y tế Việt Nam

CLO3	Xây dựng được kế hoạch hoạt động Y tế
CLO4	Kiểm soát nhiễm khuẩn bệnh viện và công tác quản lý chất thải bệnh viện; Sắp xếp đơn vị theo chuẩn 5S
CLO5	Vận dụng các Bộ luật liên quan hoạt động chăm sóc sức khỏe người dân

5. Ma trận mức độ đóng góp của chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (CLO) vào chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO)

Mức độ đóng góp của chuẩn đầu ra của học phần/ modun (CLO) vào chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO) được xác định cụ thể:

- 1 – CLO có đóng góp ít vào PLO
- 2 – CLO có đóng góp vừa vào PLO
- 3 – CLO có đóng góp nhiều vào PLO

Chú thích: 3, 2, 1 phụ thuộc vào mức hỗ trợ của CLO đối với PLO ở mức bắt đầu (1) hoặc mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,...(2) hay mức thuần thực (3)

Bảng 5.1. Mối liên hệ của CDR HP (CLO) đến CDR của CTĐT (PLO)

PLO	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CLO 1						3	
CLO 2						3	
CLO 3						3	
CLO 4						3	
CLO 5						3	

6. Yêu cầu của học phần/ mô đun

6.1. Yêu cầu của về điều kiện cơ sở vật chất tổ chức giảng học phần/ mô đun:

6.1.1. Lý thuyết: Giảng đường, máy chiếu, loa míc

6.1.2. Lâm sàng:

6.1.3. Thực hành:

Bảng 6.1.3. Cơ sở vật chất giảng dạy của HP

STT	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ thực hành
1	Giảng đường tiêu chuẩn
2	Máy chiếu
3	Loa mic

6.2. Yêu cầu đối với học viên

- Dự lớp: học viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

✓ Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

✓ Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

✓ Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

✓ Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm

- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên

- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi kết thúc học phần

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80 %; các bài thực hành, kiểm tra phải ở mức đạt ở tất cả số bài yêu cầu.

Học viên phải đạt điểm trung bình môn học đạt 5/10 trở lên

✓ Trong quá trình học tập, học viên được khuyến khích đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới dưới nhiều hình thức khác nhau.

7. Tóm tắt nội dung Học phần/ Môn học

Môn học cung cấp cho học viên kiến thức; Kỹ năng quản lý bệnh viện và vận dụng các Luật trong quá trình hành nghề, các văn bản quản lý Nhà nước về Y tế; các xây dựng kế hoạch hoạt động y tế, sắp xếp đơn vị theo tiêu chuẩn 5S.

8.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Bảng 8.1.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

Tuần/ Buổi (... tiết/b)	Các nội dung cơ bản của bài học (chương)	Số tiết (LT/KT /Tự học)	CDR của bài học (chương) /chủ đề	Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1	PP giảng dạy đạt CDR	Hoạt động học của SV	Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.1.1)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Đại cương về quản lý nhà nước; Các văn bản quy phạm pháp Luật trong quản lý nhà nước về Y học cổ truyền và Chiến lược phát triển Y học cổ truyền	4		6	Phương pháp giảng dạy tích cực giải quyết vấn đề và mục tiêu, thuyết trình ngắn	Hoạt động nhóm Động não Học dựa trên vấn đề	
2	Giới thiệu Luật Dược và Luật Bảo hiểm Y tế	4		6	Phương pháp giảng dạy tích cực giải quyết vấn đề và mục tiêu, thuyết trình ngắn	Hoạt động nhóm Động não Học dựa trên vấn đề	

3	Giới thiệu về Luật Khám chữa bệnh	4		6	Phương pháp giảng dạy tích cực giải quyết vấn đề và mục tiêu, thuyết trình ngắn	Hoạt động nhóm Động não Học dựa trên vấn đề	
4	Xây dựng được kế hoạch hoạt động Y tế	3		6	Phương pháp giảng dạy tích cực giải quyết vấn đề và mục tiêu, thuyết trình ngắn	Hoạt động nhóm Động não Học dựa trên vấn đề	

8.2. Kế hoạch, nội dung giảng dạy thực hành/ lâm sàng và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

9. Phương pháp đánh giá học phần

9.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

9.2. Rubric:

9.2.1. Rubric đánh giá chuyên cần:

Tiêu chí	Tỷ lệ	Mức chất lượng				Đánh giá
		Đạt			Không đạt	
		Rất tốt	Tốt	Đạt		
Mức độ tham dự theo thời khóa biểu	Tính độc lập	95-100% số tiết trên lớp	85-94% số tiết trên lớp	80-84% số tiết trên lớp	<80% số tiết trên lớp	Nếu 1 trong 2 tiêu chí không đạt là không

Tham gia các bài kiểm tra và hoạt động	Tính độ lặp	Tham gia đầy đủ các hoạt động và hoàn thành mức đạt ở tất cả các bài kiểm tra	Không tham gia và thiếu bài kiểm tra hoặc bài kiểm tra không đạt	đạt điều kiện thi kết thúc học phần
--	-------------	---	--	-------------------------------------

9.2.2. Rubric đánh giá bài thực hành

9.2.3. Rubric đánh giá tiểu luận:

Tiêu chí	Tỷ lệ	Mức chất lượng				Đánh giá
		Đạt			Không đạt	
		Rất tốt	Tốt	Đạt		
Hình thức	10%	Không lỗi chính tả, trình bày rõ ràng, sạch			nhiều lỗi chính tả, trình bày không rõ ràng	
Bố cục	10%	Đầy đủ các phần theo quy định			không theo quy định	
Tài liệu Tham khảo	10%	Phong phú, sắp xếp theo đúng quy định			Rất ít, sắp xếp không theo đúng quy định	
Nội dung Đạt vấn đề, mục tiêu (điều kiện tiên quyết phải đạt)	20%	Đúng yêu cầu tiêu chuẩn	Thiếu một phần	Cần viết rõ	Không đúng yêu cầu	
Phần giới thiệu mở đầu	10%	Đúng yêu cầu tiêu chuẩn, logic	Thiếu một phần	Cần viết rõ	Không đúng yêu cầu, logic	
Các nội dung cân đối, phù hợp mục tiêu	30%	Đúng yêu cầu tiêu chuẩn, logic	Thiếu một phần	Cần viết rõ	Không đúng yêu cầu, logic	
Thông tin phân tích có nguồn gốc	10%	Đúng yêu cầu tiêu chuẩn, logic	Thiếu một phần	Cần viết rõ	Không đúng yêu cầu, logic	

9.3. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Bảng 9.3.1. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Thành phần đánh giá chính	Trọng số điểm (%)	Nội dung đánh giá	Bài đánh giá	Trọng số con (%)	Rubric	Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1	Mô tả cách thực hiện
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Điểm kiểm tra	Điều kiện thi kết thúc học phần	Bài tập	Thảo luận xác định nội dung báo cáo	Điều kiện thi kết thúc học phần	2	1,2	Thảo luận nhóm và viết báo cáo của các nhân (mỗi SV theo một vấn đề sức khỏe riêng biệt)
Điểm thi kết thúc học phần/mô đun	100%	Điểm tiểu luận	Báo cáo theo chuyên đề	100%	3	1,2,3,4,5	Mỗi HV hoàn thành báo cáo theo chuyên đề

9.4. Ma trận đề kiểm tra và thang điểm đánh giá

9.5. Điểm học phần/ mô đun

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của *Điểm lý thuyết* và *Điểm thực hành* theo bảng 9.3.1

Điểm kết thúc học phần đạt khi điểm trung bình chung học phần đạt điểm từ 5.0 trở lên

10. Tài liệu học tập

10.1. Tài liệu chính (TLC)

Giáo trình Quản lý nhà nước về y tế (tài liệu lưu hành nội bộ).

10.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

1. Bộ Y tế (2014). Tài liệu đào tạo liên tục quản lý chất lượng bệnh viện. Nhà xuất bản Y học.
2. Bộ Y tế (2016), *Các thực hành tốt quản lý chất lượng và an toàn người bệnh tại một số bệnh viện Việt Nam*, Nhà xuất bản Hồng Đức, Hà Nội 2016
3. Bộ Y tế (2014), *Quản lý nhà nước về Y tế*, Nhà xuất bản Y học, Hà Nội.
4. Quản lý 5S trong y tế.
5. Bộ Y tế (2016), *Bộ tiêu chí chất lượng bệnh viện Việt Nam*

11. Hướng dẫn thực hiện

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

Học viên thực hiện đầy đủ và trung thực các nhiệm vụ học tập, kiểm tra, đánh giá theo Đề cương chi tiết học phần và hướng dẫn của giảng viên giảng dạy học phần.

12. Cấp phê duyệt

TRƯỞNG KHOA
(Ký, ghi rõ họ tên)

Hà Nội, ngày tháng năm
BỘ MÔN/MÔ ĐUN
(Ký, ghi rõ họ tên)


TS. Lưu Minh Châu

13. Tiến trình cập nhật đề cương

Cập nhật đề cương chi tiết lần 1: <i>Ngày/tháng/năm.</i>	Người cập nhật
---	-----------------------

<p>Cập nhật đề cương chi tiết lần 2:</p> <p><i>Ngày/tháng/năm.</i></p>	<p>Người cập nhật</p>
--	------------------------------

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÂM SÀNG: CHUYÊN NGÀNH NỘI YHCT

4

2023

Đối tượng đào tạo: Tiến sĩ y học cổ truyền, Mã số đào tạo:

1. Thông tin tổng quát

- Tên học phần/ mô đun:

Tiếng Việt: Chuyên ngành Nội y học cổ truyền

Tiếng Anh: Traditional Internal Medicine

- Mã học phần/ mô đun:

- Số tín chỉ: 5 LS (150 tiết)

- Đối tượng học: năm thứ 2

- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành X		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc X	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	X	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Phương tế học, Y lý

- Số tiết đối với các hoạt động học tập: 900 tiết

+ Lâm sàng: 450 tiết

+ Thảo luận, hoạt động nhóm: 200 tiết

+ Tự học: 250tiết

- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn Nội

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1.	Đoàn Quang Huy	0984 55 8888	huydoanquang195@gmail.com
2.	Nguyễn Tiến Chung	0989 304 689	nguyentienchung89@gmail.com
3.	Trần Anh Tuấn	0904 337 910	tuantrananh@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CDR của CTĐT (X.x.x) [3] (ghi ký hiệu CDR cấp độ ... của chương trình đào tạo)	Mức độ [4] (thang đo trong tài liệu hướng dẫn)
1	<p>Kiến thức:</p> <p>1/ Hiểu được bệnh sinh cốt lõi, phương thuốc, dược vị trọng yếu và đối chứng gia giảm điều trị các chứng bệnh nội khoa y học cổ truyền.</p> <p>2/ Phân tích và giải quyết tốt những vấn đề lâm sàng thuộc bệnh chứng nội khoa y học cổ truyền thường gặp.</p>	CDR...	
2	<p>Kỹ năng :</p> <p>Vận dụng được việc kết hợp y học cổ truyền và y học hiện đại trong thực hành lâm sàng các bệnh nội khoa y học cổ truyền thường gặp.</p>	CDR....	
3	<p>Mức độ tự chủ và trách nhiệm :</p> <p>Ý thức được vai trò, vị trí của môn học với người học.</p>	CDR...	

[1]: Ký hiệu mục tiêu của học phần. [2]: Mô tả mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CDR (X.x.x) của học phần và bối cảnh áp dụng tổng quát. [3], [4]: Ký hiệu CDR của CTĐT và trình độ năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần (sử dụng mức độ đánh giá theo phân loại theo các thang đo như sau Kiến thức: Bloom 2001; Kỹ năng: Dave 1975; Mức độ tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp: Krathwohl 1973 .

4. Chuẩn đầu ra của học phần (ký hiệu: CDR)

Mục tiêu học phần	CDR của học phần
Kiến thức	

MT1: Hiểu được bệnh sinh cốt lõi, phương thuốc, được vị trọng yếu và đối chứng gia giảm điều trị các chứng bệnh nội khoa y học cổ truyền.	CĐR(1): ...GHI RÕ NỘI DUNG CĐR CỦA HỌC PHẦN
MT2: 2/ Phân tích và giải quyết tốt những vấn đề lâm sàng thuộc bệnh chứng nội khoa y học cổ truyền thường gặp.	CĐR...
Kỹ năng	
MT: Vận dụng được việc kết hợp y học cổ truyền và y học hiện đại trong thực hành lâm sàng các bệnh nội khoa y học cổ truyền thường gặp.	CĐR....: ...
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
MT: Ý thức được vai trò, vị trí của môn học với người học.	CĐR....: ...

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun

Mức 1: Thấp;	Mức 2: Trung bình ;	Mức 3: Cao			
Nội dung học phần	Chuẩn đầu ra				
	CĐR1	CĐR2	CĐR3	CĐR4	CĐR5
Chương					

6. Mô tả học phần (Vị trí, vai trò của học phần/ mô đun đối với chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần/ mô đun)

Trang bị cho người học kiến thức chuyên ngành về lý pháp phương dược của các chứng bệnh thường gặp trong lâm sàng y học cổ truyền, bao gồm: chủ chứng, bệnh sinh cốt lõi, phương thuốc và dược vị trọng yếu.

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>					Thực tập và khóa luận tốt nghệ <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành X		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>			
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc X	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>		

7. Nội dung chi tiết học phần

TT	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học						Yêu cầu đối với học viên
		Lên lớp (Tiết)					Tự học	
		LT	TH	TL	BT	Tổng cộng		
1.	Đại cương học phần	0	0	0	0	4	0	- Chuẩn bị nội dung theo hướng dẫn - Biết sử dụng phần mềm Powerpoint
2.	Vị quản thông	2	8	2	0	15	1	
3.	Tiết tả	2	8	2	0	15	1	
4.	Tiền bí	2	8	2	0	15	1	
5.	Hoàng đàn	2	8	2	0	15	1	
6.	Tọa cốt phong	2	8	2	0	15	1	
7.	Lịch tiết phong	2	8	2	0	15	1	
8.	Hạc tất phong	2	8	2	0	15	1	
9.	Cảnh chùy thống	2	8	2	0	15	1	
10.	Ma mộc	2	8	2	0	15	1	
11.	Tiêu khát	2	8	2	0	15	1	
12.	Huyễn vựng	3	8	2	0	15	1	
13.	Khái thấu	3	8	2	0	15	1	
14.	Lâm chứng	3	8	2	0	15	1	
15.	Bán thân bất toại	3	8	2	0	15	1	
16.	Hư lao	3	8	2	0	15	1	
17.	Tâm quý	3	8	2	0	15	1	
18.	Thất miên	3	8	2	0	15	1	
	Tổng	45		34	0	255	18	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra; TH: Thực hành,

8. Tài liệu học tập

8.1. Tài liệu chính

Bài giảng Bệnh học Nội khoa y học cổ truyền, Bộ môn Nội, Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam.

8.2. Tài liệu tham khảo

Nội khoa y học cổ truyền, Trường Đại học Y Hà Nội.

9. Kế hoạch giảng dạy lý thuyết

TT	Nội dung	Giảng viên lên lớp (giờ)					Sinh viên tự học (giờ)
		Lý thuyết	Kiểm tra	Bài tập	Thảo luận	Các hình thức khác	
1.	Đại cương học phần	0	0	0	0	0	0
2.	Vị quản thống	2	0	0	2	1	8
3.	Tiết tả	2	0	0	2	1	8
4.	Tiện bí	2	0	0	2	1	8
5.	Hoàng đản	2	0	0	2	1	8
6.	Tọa cốt phong	2	0	0	2	1	8
7.	Lịch tiết phong	2	0	0	2	1	8
8.	Hạc tất phong	2	0	0	2	1	8
9.	Cảnh chùy thống	2	0	0	2	1	8
10.	Ma mộc	2	0	0	2	1	8
11.	Tiêu khát	2	0	0	2	1	8
12.	Huyễn vụng	3	0	0	2	1	8
13.	Khái thấu	3	0	0	2	1	8
14.	Lâm chứng	3	0	0	2	1	8
15.	Bán thân bất toại	3	0	0	2	1	8
16.	Hư lao	3	0	0	2	1	8
17.	Tâm quý	3	0	0	2	1	8
18.	Thất miên	3	0	0	2	1	8
TỔNG		45	0	0	34	18	138

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần/ mô đun

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy học phần/ mô đun:

Có giảng đường, máy chiếu, phấn bảng, các phương tiện phục vụ giảng dạy theo nội dung bài học.

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với học viên

- Học viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập.

- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên.

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80%. Sinh viên phải hoàn thành các bài tập và đạt điểm 4/10 trở lên; tham gia đủ và đạt điểm 4/10 trở lên đối với các bài kiểm tra trên lớp.

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CDR của học phần
1	Điểm thi kết thúc học phần			
	Thi tự luận hoặc trình bày tiểu luận	67%		

12.3. Điểm học phần/ mô đun

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của Điểm thi thực hành và Điểm thi kết thúc học phần (Điểm đánh giá cuối kỳ), sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

BAN GIÁM ĐỐC

TRƯỞNG KHOA

Hà Nội, ngày tháng năm 20

PHỤ TRÁCH HỌC PHẦN



PGS.TS Đoàn Quang Huy

Hà Nội, ngày tháng năm 2023

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN:

MÔN: Ngoại YHCT kết hợp YHHD

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/ mô đun:

* Tiếng Việt: Ngoại YHCT kết hợp YHHD

* Tiếng Anh:

- Mã học phần/ mô đun:

- Số tín chỉ: 2 LT/ 3 LS

- Số tiết đối với các hoạt động học tập: 120 tiết

+ Lý thuyết: 30 tiết

+ Thực hành/ Lâm sàng/Seminar: 90 tiết

+ Kiểm tra, đánh giá: tiết

+ Thời gian tự học: tiết

- Đối tượng học (năm thứ): Chuyên khoa I ngành Y học cổ truyền

- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input checked="" type="checkbox"/>	

- Điều kiện tham gia học phần:

+ Học phần tiên quyết:

+ Học phần học trước:

+ Học phần song hành: Không

- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn Ngoại

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	PGS.TS. Đoàn Minh Thụy	0912933156	doanminhthuyvn@yahoo.com
2	PGS. TS. Lê Mạnh Cường	0912234722	drcong68@gmail.com
3	Ths. Lữ Đoàn Hoạt Mười	0979449588	md.hoatmuoi@gmail.com

4	Ths. Đặng Thị Lan Phương	0944143089	drlanphuong89@gmail.com
---	--------------------------	------------	-------------------------

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Bảng 3.1. Mục tiêu của học phần/ mô đun

Ký hiệu Mục tiêu	Nội dung MT HP
MT1	Giải thích cơ chế bệnh nguyên, bệnh sinh và triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng, vận dụng một cách thành thạo để chẩn đoán được các bệnh lý ngoại khoa theo YHHD.
MT2	Phân tích được các chỉ định cận lâm sàng, chẩn đoán và phương pháp điều trị các bệnh lý ngoại khoa theo YHHD.
MT3	Phân tích được nguyên nhân, biện chứng luận trị, chẩn đoán và pháp phương điều trị các bệnh lý ngoại khoa bằng YHCT
MT4	Tổng hợp đánh giá đưa ra pháp phương điều trị các bệnh lý ngoại khoa theo YHCT và thực hiện thành thạo các phương pháp điều trị bệnh lý ngoại khoa kết hợp YHCT với YHHD một cách khoa học.

Bảng 3.2. Mối liên hệ MT HP đến MT của CTĐT

MT CTĐT	CĐR1	CĐR2	CĐR3	CĐR4	CĐR5	CĐR6	CĐR7	CĐR8
MT1	2	1	1	2	3	3	1	1
MT2	2	2	1	2	3	3	1	1
MT3	2	2	1	2	3	3	1	1
MT4	2	2	2	2	3	3	2	2

1 – Mức đóng góp ít; 2 – Mức đóng góp vừa ; 3 – Mức đóng góp nhiều

4. Chuẩn đầu ra (CĐR) của học phần/ mô đun (ký hiệu: CLO)

Sau khi học xong học phần, người học có thể:

Bảng 4.1. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun

Ký hiệu CĐR	Nội dung CĐR HP (CLO)
CLO1	Giải thích cơ chế bệnh nguyên, bệnh sinh và triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng, vận dụng một cách thành thạo để chẩn đoán được các bệnh lý ngoại khoa theo YHHD.
CLO2	Phân tích được các chỉ định cận lâm sàng, chẩn đoán và phương pháp điều trị các bệnh lý ngoại khoa theo YHHD.
CLO3	Phân tích được nguyên nhân, biện chứng luận trị, chẩn đoán và pháp phương điều trị các bệnh lý ngoại khoa bằng YHCT
CLO4	Tổng hợp đánh giá đưa ra pháp phương điều trị các bệnh lý ngoại khoa

	theo YHCT và thực hiện thành thạo các phương pháp điều trị bệnh lý ngoại khoa kết hợp YHCT với YHHĐ một cách khoa học
CLO5	Có tinh thần tự chủ và chịu trách nhiệm trước tổ/nhóm/lớp trong chuẩn bị bài học chung, hợp tác trong học tập mang tính kỷ luật cao
CLO6	Thể hiện được sự cẩn trọng, tỉ mỉ, tính chuyên nghiệp đối với các chứng cứ y học khi đưa ra chẩn đoán, điều trị các bệnh lý ngoại khoa theo YHCT và YHHĐ

5. Ma trận mức độ đóng góp của chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (CLO) vào chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO)

1 – Thấp; 2 – Trung bình ; 3 – Cao

Bảng 5.1.Mối liên hệ của CDR HP (CLO) đến CDR của CTĐT (PLO)

PLO	1	2	3	4	5	6	7	8
CLO1	2	1	1	2	3	3	1	1
CLO2	2	2	1	2	3	3	1	1
CLO3	2	2	1	2	3	3	1	1
CLO4	2	2	2	2	3	3	2	2
CLO5	1	1	1	3	1	1	3	3
CLO6	1	2	1	3	3	3	1	1

6. Yêu cầu của học phần/ mô đun

6.1. Yêu cầu của về điều kiện cơ sở vật chất tổ chức giảng học phần/ mô đun:

6.1.1. Lý thuyết: Giáo trình, tài liệu tham khảo như mục 10.1 và 10.2

Máy chiếu, loa, mic, bảng, phấn...

6.1.2. Lâm sàng: Thực tập lâm sàng tại các bệnh viện thuộc khu vực Hà Nội: Bệnh viện YHCT Trung Ương, Bệnh viện YHCT Bộ Công An, Bệnh viện Tuệ Tĩnh, Bệnh viện YHCT Quân Đội, Bệnh viện châm cứu Trung Ương, Bệnh viện đa khoa YHCT Hà Nội, Bệnh viện YHCT Hà Đông, Bệnh viện E, Bệnh viện 198, Bệnh viện Bạch Mai, Bệnh viện Việt Đức (đạt chuẩn Bệnh viện thực hành theo ND 111/2017/ND-CP).

6.1.3. Thực hành:(Tổ chức dạng SEMINAR)

Bảng 6.1.3. Cơ sở vật chất giảng dạy của HP

STT	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ thực hành
1	Máy chiếu PROJECTER, LAPTOP
2	loa, mic...
3

6.2. Yêu cầu đối với học viên

- Học viên phải có giáo trình.

- Học viên phải tự đọc tối thiểu đầy đủ tài liệu học tập (tại mục 10), đảm bảo kết quả thi kết thúc học phần với kiến thức có trong giáo trình, trong tài liệu tham khảo và kiến thức cập nhật mới.

- Dự lớp học lý thuyết: Học viên có trách nhiệm tham gia đầy đủ các buổi học và các hoạt động học tập tại lớp; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

- Thực hành/thảo luận: Thực hiện đầy đủ các bài thực hành/thảo luận phân theo cá nhân, theo nhóm. Đọc trước nội dung liên quan đến phần thực hành/thảo luận và viết báo cáo tóm tắt qui trình thực hành trước các buổi học.

- Tự học: Chủ động tổ chức giờ tự học bao gồm: Ôn bài học trước, **tự đọc** giáo trình và tài liệu tham khảo có liên quan tới chuẩn bị cho bài học mới theo tên bài kèm nội dung ghi tại cột 2 trong các bảng ở mục 8 (bao gồm cả phần tự đọc không giảng trên lớp - nếu có), phân phối thời gian tự học ôn tập phục vụ cho các bài thảo luận/kiểm tra/thi hết thực hành/ thi kết thúc học phần (các hình thức ghi tại mục 9.3); Đảm bảo thời gian tự học theo quy định.

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự lý thuyết tối thiểu đạt 80 %. Hoàn thành 100% số bài kiểm tra và bài thực hành.

7. Mô tả chung học phần/ mô đun

Giúp học viên có kiến thức tổng hợp, phân tích và vận dụng các kiến thức của YHCT trong việc học tập và nghiên cứu về bệnh nguyên, bệnh sinh, triệu chứng, biện chứng luận trị đưa ra chẩn đoán và pháp phương điều trị các mặt bệnh ngoại khoa theo YHCT, kết hợp YHCT và YHHĐ một cách khoa học. Đồng thời giúp sinh viên ứng dụng một số kỹ thuật hiện đại trong thăm khám, chẩn đoán, đưa ra pháp phương điều trị, dự phòng các bệnh lý ngoại khoa theo YHCT và YHHĐ.

8. Kế hoạch, nội dung giảng dạy học phần/ mô đun, liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

8.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Bảng 8.1.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

Tuần/ Buổi (... tiết/b)	Các nội dung cơ bản của bài học (chương)	Số tiết (LT/ KT/ Tự học)	CDR của bài học (chương)/ chủ đề	Liên quan đến CLO nào ở bảng 5.1	PP giảng dạy đạt CDR	Hoạt động học của Sinh viên	Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.1.1)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Buổi 1 (4 tiết)	<p>Chương 1. Bệnh lý mạch máu</p> <p>Bệnh động mạch ngoại vi mãn tính</p> <p>A. Y học hiện đại</p> <ol style="list-style-type: none"> Giải phẫu thành mạch, cơ chế hình thành mảng xơ, cục máu đông, vôi hóa thành mạch, giải phẫu bệnh động mạch chi dưới. Các yếu tố nguy cơ bệnh động mạch ngoại vi. Sinh bệnh học, tiên lượng bệnh động mạch ngoại vi. Lâm sàng, cận lâm sàng và các giai đoạn bệnh. Chẩn đoán xác định và chẩn đoán phân biệt bệnh động mạch ngoại vi. Các phương pháp điều trị, phòng bệnh bằng y học hiện đại. <p>B. Y học cổ truyền</p> <ol style="list-style-type: none"> Bệnh danh, bệnh nguyên, bệnh cơ. Chẩn đoán và điều trị các thể lâm sàng. 	4/0/0	CDR 5, CDR 6	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO6	<ol style="list-style-type: none"> Thuyết trình Động não Giai quyết vấn đề 	<ol style="list-style-type: none"> Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi, suy nghĩ - trả lời Suy nghĩ - Trả lời; Lắng nghe ghi chép 	

<p>Buổi 1 (4 tiết)</p> <p>Buổi 2 (4 tiết)</p>	<p>Chương 2. Bệnh lý hậu môn trực tràng</p> <p>1. Đồ hậu môn</p> <p>A. Y học hiện đại</p> <p>1. Đại cương, nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh và phân loại rò hậu môn, yếu tố thuận lợi hình thành bệnh rò hậu môn</p> <p>2. Triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng của rò hậu môn</p> <p>3. Chẩn đoán xác định và chẩn đoán phân biệt rò hậu môn</p> <p>4. Các phương pháp điều trị, phòng bệnh rò hậu môn bằng y học hiện đại.</p> <p>B. Y học cổ truyền</p> <p>1. Bệnh danh, nguyên nhân, triệu chứng, biện chứng luận trị và điều trị theo thể bệnh của rò hậu môn</p> <p>2. Phương pháp điều trị không dùng thuốc, thảo dược điều trị bệnh rò hậu môn</p> <p>3. Phòng bệnh</p> <p>2. Bệnh trĩ</p> <p>A. Y học hiện đại</p> <p>1. Đại cương, nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh và phân độ Trĩ, yếu tố thuận lợi hình thành bệnh trĩ</p> <p>2. Triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng của bệnh trĩ</p> <p>3. Chẩn đoán xác định và chẩn đoán phân biệt bệnh trĩ</p> <p>4. Các phương pháp điều trị, phòng bệnh trĩ bằng</p>	<p>8/0/0</p>	<p>CDR 5 , CDR 6</p>	<p>CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO6</p>	<p>1. Thuyết trình</p> <p>2. Động não</p> <p>3. Giải quyết vấn đề</p>	<p>1. Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi,</p> <p>2. suy nghĩ - trả lời</p> <p>3. Suy nghĩ - Trả lời; Lắng nghe ghi chép</p>	
---	---	--------------	----------------------	---	---	--	--

	<p>y học hiện đại.</p> <p>B. Y học cổ truyền</p> <p>1. Bệnh danh, nguyên nhân, triệu chứng, biện chứng luận trị và điều trị theo thể bệnh của trí</p> <p>2. Phương pháp điều trị không dùng thuốc, thảo dược điều trị bệnh trí</p> <p>3. Phòng bệnh</p>						
<p>Buổi 1 (4 tiết)</p> <p>Buổi 2 (4 tiết)</p>	<p>Chương 3: Bệnh tăng sản tuyến tiền liệt</p> <p>A. Y học hiện đại</p> <p>1. Giải phẫu, mô học, sinh lý tuyến tiền liệt, mô bệnh học và sinh lý bệnh tăng sinh lành tính tuyến tiền liệt</p> <p>2. Bảng điểm IPSS, triệu chứng thực thể bệnh tăng sinh lành tính tuyến tiền liệt.</p> <p>3. Xét nghiệm để chẩn đoán tăng sinh lành tính tuyến tiền liệt</p> <p>4. Các phương pháp điều trị, phòng bệnh tăng sinh lành tính tuyến tiền liệt bằng y học hiện đại.</p> <p>B. Y học cổ truyền</p> <p>1. Sinh lý tạng thận, can, tỳ, bàng quang. Một số hội chứng bệnh: tạng thận, bàng quang, tỳ thận dương hư, can khí uất kết</p> <p>2. Bệnh danh, nguyên nhân, triệu chứng và điều trị theo thể bệnh tăng sinh lành tính tuyến tiền liệt.</p> <p>3. Phương pháp điều trị không dùng thuốc.</p>	8/0/0	CDR 5, CDR 6	<p>CLO1</p> <p>CLO2</p> <p>CLO3</p> <p>CLO4</p> <p>CLO6</p>	<p>1. Thuyết trình</p> <p>2. Động não</p> <p>3. Giải quyết vấn đề</p>	<p>1. Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi,</p> <p>2. suy nghĩ - trả lời</p> <p>3. Suy nghĩ - Trả lời; Lắng nghe ghi chép</p>	
<p>Buổi 1 (4 tiết)</p>	<p>Chương 4: Sỏi tiết niệu</p>	8/0/0	CDR 5, CDR 6	CLO1	<p>1. Thuyết trình</p>	<p>1. Nghe, ghi chép, đặt câu</p>	

<p>Buổi 2 (4 tiết)</p>	<p>A. Y học hiện đại</p> <ol style="list-style-type: none"> Đại cương, nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh và các loại sỏi tiết niệu, yếu tố làm sỏi tiết niệu dễ hình thành Triệu chứng sỏi đường tiết niệu trên, sỏi đường tiết niệu dưới và các xét nghiệm cận lâm sàng để chẩn đoán sỏi tiết niệu Chẩn đoán xác định và chẩn đoán phân biệt sỏi tiết niệu Các phương pháp điều trị, phòng bệnh sỏi tiết niệu bằng y học hiện đại. <p>B. Y học cổ truyền</p> <ol style="list-style-type: none"> Nguyên nhân, biện chứng luận trị chứng thạch lâm Triệu chứng, biện chứng luận trị và pháp phương điều trị các thể bệnh chứng thạch lâm. Phương pháp điều trị không dùng thuốc, thảo dược điều trị sỏi tiết niệu Phòng bệnh 			<p>CLO2 CLO3 CLO4 CLO6</p>	<p>2. Động não 3. Giải quyết vấn đề</p>	<p>hỏi, 2. suy nghĩ - trả lời 3. Suy nghĩ - Trả lời; Lắng nghe ghi chép</p>	
<p>Buổi 1 (4 tiết)</p>	<p>Chương 5: Gãy xương</p> <p>A. Y học hiện đại</p> <ol style="list-style-type: none"> Định nghĩa và phân loại gãy xương Triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng, xử trí và nguyên tắc cố định, kỹ thuật sơ cứu các loại gãy xương Tiến triển của gãy xương <p>B. Y học cổ truyền</p> <ol style="list-style-type: none"> Thời gian nắn chỉnh, các phương pháp vô cảm và các thủ pháp nắn chỉnh, tiêu chuẩn nắn 	<p>4/0/0</p>	<p>CDR 5, CDR 6</p>	<p>CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO6</p>	<p>1. Thuyết trình 2. Động não 3. Giải quyết vấn đề</p>	<p>1. Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi, 2. suy nghĩ - trả lời 3. Suy nghĩ - Trả lời; Lắng nghe ghi chép</p>	

	chính. 2. Các nhân tố gây di lệch thứ phát sau khi nắn chỉnh và cố định xương gãy, tác dụng của cố định ngoài cục bộ, các phương pháp và các loại cố định ngoài cục bộ. 3. Những điểm cần chú ý sau cố định nẹp cục bộ, xử lý những biến cố sau khi bó nẹp, thời gian bó nẹp và tiêu chuẩn liền xương 2. Luyện tập công năng: 3 thời kỳ 4. Thuốc - Thuốc dùng ngoài - Thuốc dùng trong: 3 thời kỳ Thi kết thúc học phần	0,5 tiết							KTHP
--	--	----------	--	--	--	--	--	--	------

8.2. Kế hoạch, nội dung giảng dạy thực hành/ lâm sàng và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Bảng 8.2.1.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy thực hành/ lâm sàng và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

Ví dụ Hình thức: Thảo luận seminar

Tuần/ Buổi (... tiết/b)	Các nội dung cơ bản của bài TH/LS (chương)	Số tiết (TH/LS/ KT/ Tự học)	CDR của bài TH/LS (chương)	Liên quan đến CLO nào ở bảng 5.1	Trang thiết bị quy chiếu ở bảng 6.1.3	PP giảng dạy đạt CDR	Hoạt động học của SV	Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.2.1)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
Buổi 1 (4 tiết)	Bệnh lý mạch máu	0/12/0/0	1. Giải thích cơ chế bệnh nguyên, bệnh sinh và triệu chứng lâm sàng,	CLO1 CLO2 CLO3	Máy chiếu PROJECTER , LAPTOP,	1. Giảng dạy trên lâm sàng, hướng dẫn thăm khám,	1. Nghe, Trả lời, Ghi chép	Đánh giá cho điểm bài
Buổi 2 (4							2. Suy nghĩ –	

<p>tiết) Buổi 3 (4 tiết)</p>				<p>cận lâm sàng, vận dụng một cách thành thạo để chẩn đoán được Bệnh lý mạch máu theo YHHĐ</p> <p>2. Phân tích được các chỉ định cận lâm sàng, chẩn đoán và phương pháp điều trị Bệnh lý mạch máu theo YHHĐ.</p> <p>3. Phân tích được nguyên nhân, biện chứng luận trị, chẩn đoán và pháp phương điều trị Bệnh lý mạch máu bằng YHCT</p>	<p>CLO4 CLO5 CLO6</p>	<p>loa, mic...</p>	<p>điều trị bệnh nhân tại khoa thực tập. 2. Động não 3 Giải quyết vấn đề 3. Thảo luận 4. Vấn đáp</p>	<p>trả lời</p> <p>3. Tiến hành phân tích, chỉ định cận lâm sàng, chẩn đoán và phương pháp điều trị 5. Phản biện 6. Viết bệnh án</p>	<p>1</p>
<p>Buổi 1 (4 tiết)</p>	<p>Buổi 2 (4 tiết)</p>	<p>Buổi 3 (4 tiết)</p>	<p>Buổi 4 (4 tiết)</p>	<p>Buổi 5 (4 tiết)</p>	<p>Buổi 6 (2 tiết)</p>	<p>Máy chiếu PROJECTOR , LAPTOP, loa, mic...</p>	<p>1. Giảng dạy trên lâm sàng, hướng dẫn thăm khám, điều trị bệnh nhân tại khoa thực tập. 2. Động não 3 Giải quyết vấn đề 3. Thảo luận 4. Vấn đáp</p>	<p>1. Nghe, Trả lời, Ghi chép 2. Suy nghĩ – trả lời 3. Tiến hành phân tích, chỉ định cận lâm sàng, chẩn đoán và phương pháp điều trị 5. Phản biện 6. Viết bệnh án</p>	<p>Đánh giá cho điểm bài 2</p>

						3. Phân tích được nguyên nhân, biện chứng luận trị, chẩn đoán và pháp phương điều trị Bệnh lý hậu môn trực tràng bằng YHCT						
Buổi 1 (4 tiết)	Buổi 2 (4 tiết)	Buổi 3 (4 tiết)	Buổi 4 (4 tiết)	Buổi 5 (4 tiết)	Bệnh tăng sản tuyến tiền liệt	1. Giải thích cơ chế bệnh nguyên, bệnh sinh và triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng, vận dụng một cách thành thạo để chẩn đoán được Bệnh tăng sản tuyến tiền liệt theo YHHD 2. Phân tích được các chỉ định cận lâm sàng, chẩn đoán và phương pháp điều trị Bệnh tăng sản tuyến tiền liệt theo YHHD. 3. Phân tích được nguyên nhân, biện chứng luận trị, chẩn đoán và pháp phương điều trị Bệnh tăng sản tuyến tiền liệt bằng YHCT	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6	Máy chiếu PROJECTER , LAPTOP, loa, mic...	1. Giảng dạy trên lâm sàng, hướng dẫn thăm khám, điều trị bệnh nhân tại khoa thực tập. 2. Động não 3. Giải quyết vấn đề 3. Thảo luận 4. Vấn đáp	1. Nghe, Trả lời, Ghi chép 2. Suy nghĩ – trả lời 3. Tiến hành phân tích, chỉ định cận lâm sàng, chẩn đoán và phương pháp điều trị 5. Phản biện 6. Viết bệnh án	Đánh giá cho điểm bài 3	
Buổi 1 (4 tiết)		0/20/0/0			Sỏi tiết niệu	1. Giải thích cơ chế bệnh nguyên, bệnh sinh và	CLO1 CLO2	Máy chiếu PROJECTER	1. Giảng dạy trên lâm sàng, hướng	1. Nghe, Trả lời, Ghi chép	Đánh giá cho	

Buổi 2 (4 tiết)			triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng, vận dụng một cách thành thạo để chẩn đoán được Bệnh Sỏi tiết niệu theo YHHD	CLO3 CLO4 CLO5 CLO6	, LAPTOP, loa, mic...	đẫn thăm khám, điều trị bệnh nhân tại khoa thực tập. 2. Động não 3 Giải quyết vấn đề 3. Thảo luận 4. Vấn đáp	2. Suy nghĩ – trả lời 3. Tiến hành phân tích, chỉ định cận lâm sàng, chẩn đoán và phương pháp điều trị 5. Phản biện 6. Viết bệnh án	điểm bài 4
Buổi 3 (4 tiết)			2. Phân tích được các chỉ định cận lâm sàng, chẩn đoán và phương pháp điều trị Bệnh Sỏi tiết niệu theo YHHD.					
Buổi 4 (4 tiết)			3. Phân tích được nguyên nhân, biện chứng luận trị, chẩn đoán và pháp phương điều trị Bệnh Sỏi tiết niệu bằng YHCT					
Buổi 5 (4 tiết)								
Buổi 1 (4 tiết)	Gãy xương		1. Giải thích cơ chế bệnh nguyên, bệnh sinh và triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng, vận dụng một cách thành thạo để chẩn đoán được Gãy xương theo YHHD	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6	Máy chiếu PROJECTER , LAPTOP, loa, mic...	1. Giảng dạy trên lâm sàng, hướng dẫn thăm khám, điều trị bệnh nhân tại khoa thực tập. 2. Động não 3 Giải quyết vấn đề 3. Thảo luận 4. Vấn đáp	1. Nghe, Trả lời, Ghi chép 2. Suy nghĩ – trả lời 3. Tiến hành phân tích, chỉ định cận lâm sàng, chẩn đoán và phương pháp điều trị 5. Phản biện 6. Viết bệnh án	Đánh giá cho điểm bài 5
Buổi 2 (4 tiết)		0/12/0/0						
Buổi 3 (4 tiết)								

Hỏi Thi lâm sàng	80%		Lập luận logic	Luận luận chưa đầy đủ	Có lập luận; chưa rõ logic	Có lập luận; chưa logic	Lập luận sai, không lập luận	
------------------	-----	--	----------------	-----------------------	----------------------------	-------------------------	------------------------------	--

9.3. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Bảng 9.3.1. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm với học phần có cả lý thuyết và thực hành

Thành phần đánh giá chính	Trọng số điểm (%)	Nội dung đánh giá	Bài đánh giá	Trọng số con (%)	Rubric	Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1	Mô tả cách thực hiện
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Điểm thi lâm sàng kết thúc học phần	33.4%	Theo từng chủ đề	01 bài	100%	Rubric 1 Rubric 2	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6	Theo KH của Bộ môn
Điểm thi kết thúc học phần	66.6%	Thi trắc nghiệm trên máy	Bài kết thúc học phần	100%	Không	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO6	Theo KH của Bộ môn

9.4. Ma trận đề kiểm tra và thang điểm đánh giá

Ví dụ:

Thời gian: 20 phút ;

Tổng số câu: 40

Chuẩn đầu ra học phần/mô đun	Trọng số	Tổng số câu hỏi	Số câu hỏi bậc 1 (Tái hiện: Nhớ)	Số câu hỏi bậc 2 (Tái tạo: Hiểu, Áp dụng)	Số câu hỏi bậc 3 (Lập luận sáng tạo: Phân tích, Tổng hợp, Đánh giá, Sáng tạo)
CLO1	25%	10	3 (30%)	5 (50%)	2 (20%)
CLO2	25%	10	3 (30%)	5 (50%)	2 (20%)
CLO3	25%	10	3 (30%)	5 (50%)	2 (20%)
CLO4	25%	10	3 (30%)	5 (50%)	2 (20%)
Tổng	100%	40	12	20	8

Điểm thi được tính theo thang điểm 10.

9.5. Điểm học phần

Cách đánh giá: Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

Điểm đánh giá kết thúc học phần = (Điểm tổng kết phần lâm sàng X 1.0 + Điểm tổng kết phần lý thuyết X 2.0)/3.

9.1 Điểm lý thuyết: Điểm thi kết thúc học phần thi test hoặc luận văn.

9.2 Điểm thực hành/lâm sàng: Điểm thi lâm sàng sau khi kết thúc thời gian thực tập lâm sàng tại các Bệnh viện thực tập.

Điểm đánh giá kết thúc lâm sàng = (Điểm bệnh án X 20 + Điểm hỏi thi lâm sàng X 80)/100

9.3 Điểm tổng kết học phần:

- Các môn học có lý thuyết và thực hành: căn cứ tỷ lệ tín chỉ từng phần để tổng hợp thành điểm chung

- Các môn học chuyên ngành: điểm lý thuyết và thực hành tính độc lập.

- Điểm lý thuyết và thực hành phải đạt từ 6, riêng môn chuyên ngành phải từ 7 trở lên thang điểm 10, làm tròn đến 0,5.

10. Tài liệu học tập

10.1. Tài liệu chính (TLC)

[1]. Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam (2016), *Giáo trình ngoại khoa y học cổ truyền*, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia.

[2]. Tài liệu phát tay.

10.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

[1]. Bộ y tế (2008), *Ngoại bệnh lý*, Nhà xuất bản y học.

[2]. Trường đại học y Hà Nội, Bộ môn ngoại(2013), *Bài giảng triệu chứng học ngoại khoa*. Nhà xuất bản y học.

[3]. Trường đại học y Hà Nội, Bộ môn ngoại(2010), *Bài giảng bệnh học ngoại khoa*. Nhà xuất bản y học.

[4]. Trường đại học y Hà Nội, Khoa y học cổ truyền(2007), *Ngoại khoa y học cổ truyền*. Nhà xuất bản y học.

11. Hướng dẫn thực hiện

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.
- ✓ Sinh viên thực hiện đầy đủ và trung thực các nhiệm vụ học tập, kiểm tra, đánh giá theo Đề cương chi tiết học phần và hướng dẫn của giảng viên giảng dạy học phần.

12. Cấp phê duyệt

Hà Nội, ngày tháng năm 2023

TRƯỜNG KHOA
(Ký, ghi rõ họ tên)

BỘ MÔN
(Ký, ghi rõ họ tên)

Thuy
Đoàn Minh Thuy

13. Tiến trình cập nhật đề cương

Cập nhật đề cương chi tiết lần 1: <i>Ngày/tháng/năm.</i>	Người cập nhật
Cập nhật đề cương chi tiết lần 2: <i>Ngày/tháng/năm.</i>	Người cập nhật

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
MÔN: DA LIỄU.

1. Thông tin tổng quát về học phần

- Tên học phần: Da liễu YHCT kết hợp YHHD

Tên môn học: Da Liễu

Tên tiếng Anh: Dermatology

- Mã học phần

- Số tín chỉ: 2 Lý thuyết và 3 Lâm sàng

- Số tiết đối với các hoạt động học tập: tiết

+ Lý thuyết: 30 tiết

+ Lâm sàng: 45 tiết chuẩn (90 tiết quy đổi)

+ Kiểm tra, đánh giá: 8 tiết

+ Thời gian tự học: 120 tiết

- Đối tượng học: Tiến sỹ - ngành Y học cổ truyền

- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Điều kiện tham gia học phần:

+ Học phần tiên quyết:

+ Học phần học trước:

+ Học phần song hành: Không

- Đơn vị phụ trách học phần: Bộ môn Da Liễu

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	TS. Nguyễn Thế Vỹ	0904250502	
2	TS. Phan Thị Hoa	0988301005	dr.pthoa@gmail.com
3	ThS. Vũ Thị Thom	0915642865	drthomvu@gmail.com

4	ThS. Trần Thị Thu Hiền	0906299155	methosoc2013@gmail.com
5	ThS. Nguyễn Thị Phương	0905566565	phuong.nguyen0901@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần (ký hiệu: MT)

3.1. Mục tiêu chung:

Đào tạo bác sĩ chuyên khoa hai là đào tạo chuyên gia có phẩm chất chính trị, ý thức tác phong chuyên nghiệp, kỹ năng quản lý, có kiến thức tiên tiến, trình độ cao về năng lực thực hành nghề nghiệp, có khả năng phát hiện và giải quyết những vấn đề mới, khả năng đào tạo nghiên cứu khoa học thuộc lĩnh vực da liễu y học cổ truyền, y học cổ truyền kết hợp y học hiện đại

3.2. Mục tiêu HP cụ thể

1. Có kiến thức lý thuyết và lâm sàng chuyên sâu, tiên tiến, cập nhật. Có khả năng thực hành nghề nghiệp thành thạo, có trình độ cao về năng lực thực hành nghề nghiệp phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu để đưa ra các giải pháp xử lý trong lĩnh vực chuyên ngành da liễu y học cổ truyền kết hợp y học cổ truyền với y học hiện đại một cách khoa học

2. Tôn trọng pháp luật thực hiện đúng đầy đủ yêu cầu nghề nghiệp, trung thực khách quan tác phong hành nghề chuyên nghiệp và ý thức học tập phát triển nghề nghiệp suốt đời có khả năng đồng cảm chia sẻ và hết lòng phục vụ người bệnh luôn đặt quyền lợi được chăm sóc sức khỏe an toàn chất lượng của người bệnh và cộng đồng

Bảng 3.2. Mối liên hệ MT HP đến MT của CTĐT

MT CTĐT	(1)	(2)	(3)
MT1		3	
MT2			3

1 – Mức đóng góp ít; 2 – Mức đóng góp vừa ; 3 – Mức đóng góp nhiều

4. Chuẩn đầu ra của môn Da liễu

Bảng 4.1. Chuẩn đầu ra (CDR) của HP

Sau khi học xong học phần, học viên có khả năng:

Ký hiệu CDR HP	Nội dung CDR HP (CLO)
----------------	-----------------------

CLO1	Nghiên cứu khoa học độc lập, giảng dạy hướng dẫn trên lâm sàng
CLO2	Có kiến thức lý thuyết và lâm sàng chuyên sâu tiên tiến cập nhật, thực hiện thành thạo một số các thủ thuật trên da. Phân tích, tổng hợp, đánh giá những vấn đề thuộc lĩnh vực da liễu YHCT để đưa ra giải pháp xử lý một cách khoa học
CLO3	Ứng dụng được kĩ thuật hiện đại trong chuẩn đoán, điều trị một số bệnh da liễu và một số vấn đề của da liễu thẩm mỹ chuyên sâu.
CLO4	Có kỹ năng làm việc nhóm và kỹ năng tổ chức quản lý điều hành các hoạt động tại đơn vị công tác trong lĩnh vực da liễu YHCT
CLO5	Tác phong chuyên nghiệp, giao tiếp ứng xử hiệu quả với bệnh nhân, người nhà bệnh nhân và đồng nghiệp.

5. Ma trận mức độ đóng góp của chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (CLO) vào chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO)

1 – Thấp; 2 – Trung bình ; 3 – Cao

Bảng 5.1. Mối liên hệ của CDR HP (CLO) đến CDR của CTĐT (PLO)

PLO	1	2	3	4	5	6	7
CLO1			3				
CLO2				3			
CLO3					3		
CLO4						3	
CLO5							3

6. Yêu cầu của học phần/ mô đun

6.1. Yêu cầu của về điều kiện cơ sở vật chất tổ chức giảng học phần/ mô đun:

6.1.1. Lý thuyết: Giáo trình, tài liệu tham khảo như mục 10.1 và 10.2

Máy chiếu, loa, mic, bảng, phấn...

6.1.2. Lâm sàng:(đạt chuẩn Bệnh viện thực hành theo NĐ 111/2017/NĐ-CP)

Bảng 6.1.3. Cơ sở vật chất giảng dạy của HP

STT	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ thực hành
1	Máy chiếu PROJECTER, LAPTOP
2	loa, mic...
3

6.2. Yêu cầu đối với học viên

- Học viên phải có giáo trình.
- Học viên phải tự đọc tối thiểu đầy đủ tài liệu học tập (tại mục 10), đảm bảo kết quả thi kết thúc học phần với kiến thức có trong giáo trình, trong tài liệu tham khảo và kiến thức cập nhật mới.
- Dự lớp học lý thuyết: Học viên có trách nhiệm tham gia đầy đủ các buổi học và các hoạt động học tập tại lớp; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.
- Lâm sàng: Thực hiện đầy đủ các buổi học lâm sàng tại bệnh viện. Đọc trước nội dung liên quan đến phần lâm sàng và làm bệnh án đầy đủ trước các buổi học.
- Tự học: Chủ động tổ chức giờ tự học bao gồm: Ôn bài học trước, tự đọc giáo trình và tài liệu tham khảo có liên quan tới chuẩn bị cho bài học mới theo tên bài kèm nội dung ghi tại cột 2 trong các bảng ở mục 8 (bao gồm cả phần tự đọc không giảng trên lớp - nếu có), phân phối thời gian tự học ôn tập phục vụ cho các bài kiểm tra, thi kết thúc học phần lý thuyết và lâm sàng (các hình thức ghi tại mục 9.3); Đảm bảo thời gian tự học theo quy định.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự lý thuyết tối thiểu đạt 80 %. Hoàn thành 100% số bài lâm sàng.

7. Mô tả chung học phần/ mô đun

- Học phần tự chọn đối với chuyên ngành YHCT
- Mục đích chính của học phần là đào tạo cho học viên thành thạo thực hành lâm sàng về chẩn đoán, điều trị, phòng ngừa một số bệnh da liễu và một số vấn đề da liễu thẩm mỹ bằng YHHD và YHCT.
- Nội dung chính của học phần là cung cấp kiến thức lý thuyết, giảng dạy lâm sàng và một số thủ thuật chuyên sâu trong thẩm mỹ da. Chẩn đoán, điều trị và phòng bệnh bằng YHCT kết hợp YHCT và YHHD.

8. Kế hoạch, nội dung giảng dạy học phần/ mô đun, liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

8.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Bảng 8.1.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra



Tuần/ Buổi (... tiết/b)	Các nội dung cơ bản của bài học (chương)	Số tiết (LT/ KT/ Tự học)	CDR của bài học (chương)/ chủ đề	Liên quan đến CLO nào ở bảng 5.1	PP giảng dạy đạt CDR	Hoạt động học của Sinh viên	Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.1.1)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Buổi 1 (4 tiết)	Cấu trúc da Cung cấp cho học viên nguồn tài liệu lý thuyết liên quan đến da liễu YHCT và YHHD	4/0/16	Phân tích được những dấu hiệu bệnh lý liên quan đến từng cấu trúc da theo YHCT và YHHD	CLO1 CLO2	Thuyết trình Đặt câu hỏi	Đọc trước nội dung (tài liệu) Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi, suy nghĩ - trả lời	
Buổi 2 (6 tiết)	Lão hoá da Các phương pháp chống lão hoá bằng YHCT	4/0/16	Viết được một tiêu luận tổng quan các phương pháp chống lão hoá hiện nay bằng YHCT và YHHD	CLO1 CLO2	Nêu mục tiêu bài học Giao bài tập cho học viên	Đọc trước nội dung (tài liệu) Trình bày slide Thảo luận nhóm	
Buổi 3	Trùng cá	4/0/16	Viết được một tiêu luận tổng quan các phương pháp điều trị trùng cá mới nhất hiện nay bằng YHCT và YHHD	CLO1 CLO2	Nêu mục tiêu bài học	Đọc trước nội dung (tài liệu) Trình bày slide	

(4 tiết)						Thảo luận nhóm	
Buổi 4 (4 tiết)	Nấm da		4/0/16	Báo cáo trên slide những cập nhật mới nhất về nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh và phương pháp điều trị YHCT và YHHĐ	CLO1 CLO2	Góp ý Đặt câu hỏi Giao bài tập cho học viên thảo luận	Đọc trước nội dung (tài liệu) Trình bày slide Thảo luận nhóm
Buổi 5 (4 tiết)	Viêm da cơ địa		4/0/16	Viết được một tiêu luận tổng quan các phương pháp điều trị viêm da cơ địa mới nhất hiện nay bằng YHCT và YHHĐ và trình chiếu được trên slide	CLO1 CLO2	Góp ý Đặt câu hỏi Giao bài tập cho học viên thảo luận	Đọc trước nội dung (tài liệu) Trình bày slide Thảo luận nhóm
Buổi 6 (4 tiết)	Vẩy nến			Viết được một tiêu luận tổng quan các phương pháp điều trị vẩy nến mới nhất hiện nay bằng YHCT và YHHĐ và trình chiếu được trên slide	CLO1 CLO2	Góp ý Đặt câu hỏi Giao bài tập cho học viên thảo luận	Đọc trước nội dung (tài liệu) Trình bày slide Thảo luận nhóm
Buổi 7 (4 tiết)	Mây đay YHCT			Viết được một tiêu luận tổng quan các phương pháp điều trị mây đay mới nhất hiện nay bằng YHCT và YHHĐ và	CLO1 CLO2	Góp ý Đặt câu hỏi	Đọc trước nội dung (tài liệu) Trình bày slide

		trình chiếu được trên slide		Thảo luận nhóm	
	Thi kết thúc học phần	4 tiết		Giao bài tập học viên thảo luận	KTHP

8.2. Kế hoạch, nội dung giảng dạy thực hành/ làm sàng và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Bảng 8.2.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lâm sàng và liên kết nội dung với chuẩn đầu ra

Tuần/ Buổi (... tiết/b)	Các nội dung cơ bản của bài học (chương)	Số tiết (LS/ Tự học)	Liên quan đến CLO nào ở bảng 5.1	PP giảng dạy đạt CDR	Hoạt động học của Sinh viên	Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.1.1)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Buổi 1 (4 tiết)	Đại cương da liễu Y học cổ truyền	8/16	Khám tổng thể da 1 bệnh nhân, phân tích, đánh giá một số tổn thương trên da, so sánh giữa da lành và ba bệnh lý	CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	Giảng viên khám trên bệnh nhân	Làm bệnh án khám trên người bệnh thường và người bệnh	
	Lão hoá da	8/16	Thực hiện một số thủ thuật chuyên sâu trên da. PRP.	CLO3 CLO4	Giảng viên thực thủ thuật	Quan sát Thảo luận nhóm	

Buổi 2 (4 tiết)	Các phương pháp chống lão hoá bằng YHCT			CLO5	trên nhân bệnh	
Buổi 3 (4 tiết)	Trứng cá	8/16	Phân tích được các triệu chứng lâm sàng. Chẩn đoán nguyên nhân, chẩn đoán phân biệt chẩn đoán xác định Kê đơn và làm một số thủ thuật điều trị (châm cứu, thủy châm thuốc bôi, đắp, uống)	CLO2 CLO3 CLO5	Khám Đặt câu hỏi Giao việc cho học viên. Đưa ra phác đồ điều trị	Làm bệnh án Quan sát thao tác của thầy Thảo luận nhóm
Buổi 4 (4 tiết)	Nám da	4/0/16	Phân tích được các triệu chứng lâm sàng. Chẩn đoán nguyên nhân, chẩn đoán phân biệt nám Thực hiện một số thủ thuật điều trị nám (Massage, châm cứu, thủy châm, cấy chỉ, peel, vi kim, thuốc bôi, đắp, uống)	CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	Khám Đặt câu hỏi Giao việc cho học viên Đưa ra phác đồ điều trị	Làm bệnh án thành thạo Quan sát thao tác của thầy Thảo luận nhóm
Buổi 5 (4 tiết)	Viêm da cơ địa YHCT	4/0/16	tích được các triệu chứng lâm sàng. Chẩn đoán nguyên nhân, chẩn đoán phân biệt viêm da cơ địa Kê đơn và làm một số thủ thuật điều trị viêm da cơ địa (châm cứu, thủy châm	CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	Khám Đặt câu hỏi Giao việc cho học viên	Làm bệnh án thành thạo Quan sát thao tác của thầy

			thuốc bôi, đắp, uống)			viên	Thảo luận nhóm
Buổi 6 (4 tiết)	Vảy nến YHCT		Phân tích được các triệu chứng lâm sàng, đánh giá được tổn thương, chẩn đoán nguyên nhân, chẩn đoán phân biệt vảy nến Kê đơn và làm một số thủ thuật điều trị vảy nến (chắm cứu, thủy chắm thuốc bôi, đắp, uống)	4/0/16	CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	Khám Đặt câu hỏi Giao việc cho học viên Đưa ra phác đồ điều trị	Làm bệnh án thành thạo Quan sát thao tác của thầy Thảo luận nhóm
Buổi 7 (4 tiết)	Mày đay YHCT		Khai thác tiền sử, bệnh sử, khám thực thể, làm hồ sơ bệnh án. Phân tích được các triệu chứng lâm sàng. Chẩn đoán nguyên nhân, chẩn đoán phân biệt mày đay Kê đơn và làm một số thủ thuật điều trị mày đay (chắm cứu, thủy chắm thuốc bôi, đắp, uống)	4/0/16	CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	Khám Đặt câu hỏi Giao việc cho học viên Đưa ra phác đồ điều trị	Làm bệnh án thành thạo Quan sát thao tác của thầy Thảo luận nhóm
Buổi 8 (2 tiết)	Zona. YHCT		Khai thác tiền sử, bệnh sử, khám thực thể, làm hồ sơ bệnh án. Phân tích được các triệu chứng lâm sàng. Chẩn đoán nguyên nhân, chẩn đoán phân biệt zona Kê đơn và làm một số thủ thuật điều trị zona (chắm cứu, thủy chắm thuốc bôi, đắp, uống)		CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6 CLO7	Khám Đặt câu hỏi Giao việc cho học viên Đưa ra phác đồ điều trị	Làm bệnh án thành thạo Quan sát thao tác của thầy Thảo luận nhóm

	Thi hết thực hành/làm sáng: Chấm hợp điểm các bài	4 tiết							KTHP

9. Phương pháp đánh giá học phần

9.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

9.2. Rubric:

Ví dụ Rubric 1: Đánh giá bài kiểm tra/bài tập lớn/ Bài tập của bài thực hành

Tiêu chí đánh giá	Trọng số %	Chuẩn đầu ra của Học phần	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			8.5-10 điểm	7.0-8.4 điểm	5.5- 6.9 điểm	4.0-5.4 điểm	0 – 3.9 điểm	
Kết quả bài kiểm tra/bài tập lớn	50%	CLO 1 CLO2	Kết quả đúng, đầy đủ	Kết quả đúng đến 85%	Kết quả đúng đến 70%	Kết quả đúng đến 55%	Kết quả đúng dưới 40%	100%
Lập luận	30%		Lập luận logic đầy đủ	Lập luận logic, chưa đầy đủ	Có lập luận; chưa rõ logic	Có lập luận; chưa logic	Lập luận sai, không lập luận	
Hình thức trình bày;	20%		Chữ viết rõ ràng; trình bày đẹp, sạch sẽ; Bỏ cục chặt chẽ,	Chữ viết rõ ràng; trình bày đẹp; Bỏ cục tương đối chặt chẽ; mô	Chữ viết đọc được; Bỏ cục chưa chặt chẽ; không mô tả được	Chữ viết xấu, khó đọc; Bỏ cục không rõ ràng; còn một số lỗi	Câu trả; Không có bố cục cụ thể; sai nhiều lỗi chính tả;	

9.3. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Bảng 9.3.1 Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của SV ở HP

Th/phần đánh giá	Bài đánh giá	Trọng số	Rubric	Lquan đến CDR nào ở bảng 4.1	HD PP đánh giá
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
A1. Kiểm tra thường xuyên (KTTX)	Điểm danh	10%		CLO 1 CLO 2	- Tham gia đầy đủ buổi học lý thuyết - Tham gia tích cực thực tế ngoại khoá:
	Thực tế ngoại khoá	10%		CLO 4 CLO 5	
				CLO 1 CLO 2,3	
A2. Kỹ năng lâm sàng	Điểm danh Bài tập về nhà (đọc trước bài trước khi đi lâm sàng)			CLO 4 CLO 5	GV cho SV lập các nhóm SV ngay từ đầu HP theo hướng dẫn giáo viên phụ trách n/cứu tài liệu, đi lâm sàng tại các bệnh viện làm hồ sơ, bệnh án .
A3. Đánh giá cuối kỳ	Bài ktra cuối kỳ: Thi tự luận :LT Vấn đáp, bệnh án: LS			CLO 1,2,3 CLO 4,5	

SV tham dự $\geq 80\%$ số buổi của HP. Nếu nghỉ $>20\%$ số buổi lý thuyết hoặc nghỉ 1 buổi lâm sàng sẽ không được dự thi kết thúc HP.

Điểm học phần/ mô đun

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của Điểm quá trình (Điểm đánh giá quá trình) và Điểm thi kết thúc học phần (Điểm đánh giá cuối kỳ).

Bảng 9.3.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm với học phần có cả lý thuyết và thực hành

Thành phần đánh giá chính	Trọng số điểm (%)	Nội dung đánh giá	Bài đánh giá	Trọng số con (%)	Rubric	Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1	Mô tả cách thực hiện
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Điểm kiểm tra thường xuyên	10%	Thảo luận nhóm/ bài tập lớn/ kiểm tra	Điểm đánh giá quá trình	100%	Rubric 1,	CLO1 CLO2 CLO3	Theo KH của Bộ môn
Điểm thực hành	30%	Theo từng chủ đề	04 bài	25%/bài	Rubric 1 Rucbric 2	CLO2 CLO3	Theo KH bài giảng

						CLO4 CLO5	
Điểm thi kết thúc học phần	60%	Thi tự luận Thi trên bệnh nhân or ca lâm sàng	Bài kết thúc học phần	100%	Không	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	Theo KH của Bộ môn

9.4. Ma trận đề kiểm tra và thang điểm đánh giá

Ví dụ:

Thời gian: 20 phút ;

Tổng số câu: 40

Chuẩn đầu ra học phần/mô đun	Trọng số	Tổng số câu hỏi	Số câu hỏi bậc 1 (Tái hiện: Nhớ)	Số câu hỏi bậc 2 (Tái tạo: Hiểu, Áp dụng)	Số câu hỏi bậc 3 (Lập luận sáng tạo: Phân tích, Tổng hợp, Đánh giá, Sáng tạo)
CLO1	100%	12	12 (30%)	20 (50%)	8 (20%)
Tổng	100%	40	12	20	8

Điểm thi được tính theo thang điểm 10.

9.5. Điểm học phần

Cách đánh giá: Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

9.1 Điểm lý thuyết: theo thực tế quy định của bộ môn (bộ môn viết chi tiết cách tính của bộ môn)

9.2 Điểm thực hành/lâm sàng: theo thực tế quy định của bộ môn (bộ môn viết chi tiết cách tính của bộ môn)

9.3 Điểm tổng kết học phần:

- Điểm đánh giá kết thúc học phần các môn có cả lý thuyết và thực hành = (Điểm tổng kết phần thực hành/lâm sàng X 1.0 + Điểm tổng kết phần lý thuyết X 2.0)/3

- Điểm đánh giá kết thúc học phần đối với các môn lâm sàng: điểm lý thuyết và thực hành tính độc lập.

- Điểm lý thuyết và thực hành phải đạt 5 điểm trở lên theo thang điểm 10 (làm tròn đến 0,5).

10. Tài liệu học tập

Bảng 10.1. Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/ nơi ban hành VB
Giáo trình chính				
1	Bộ môn Da liễu	2015	Bệnh học da liễu	Lưu hành nội bộ
Sách, giáo trình tham khảo				
2	Bộ Y tế - Trường Đại học Y Hà nội	2010	Một số bệnh da liễu	Nhà xuất bản Y học
3	Bộ môn Da liễu - Học viện Quân Y.	2008	Bệnh học Da liễu	Nhà xuất bản Quân đội.
4	Bộ môn Da liễu - Đại học Y Dược thành phố Hồ Chí Minh	2005	Bài giảng bệnh Da liễu	Nhà xuất bản Y học chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh
5	Bộ Y Tế Phạm Văn Hiến	2010	Da liễu học	Nhà xuất bản Giáo dục
6	Layton, Alison	2010	Rock textbook 8 th edition	
7		2006	黄帝.黄帝内经素问[M]. 北京: 中国中医药出版社(Hoàng đế nội kinh tổ vấn)	NXB Trung y dược Trung quốc
8	Sào Nguyên Phương.	2006	巢元方. 诸病源候论[M]. 北京: 人民军医出版社 (Chư bệnh nguyên hậu luận)	NXB quân y dân nhân

11. Hướng dẫn thực hiện


- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.

- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.
- ✓ Sinh viên thực hiện đầy đủ và trung thực các nhiệm vụ học tập, kiểm tra, đánh giá theo Đề cương chi tiết học phần và hướng dẫn của giảng viên giảng dạy học phần.

12. Cấp phê duyệt

TRƯỞNG KHOA
(Ký, ghi rõ họ tên)

Hà Nội, ngày tháng năm 2023
BỘ MÔN
(Ký, ghi rõ họ tên)


Phan Thị Hoa

13. Tiến trình cập nhật đề cương

Cập nhật đề cương chi tiết lần 1: <i>Ngày/tháng/năm.</i>	Người cập nhật
Cập nhật đề cương chi tiết lần 2: <i>Ngày/tháng/năm.</i>	Người cập nhật

Hà Nội, ngày tháng năm 2023

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN:
MÔN: Sinh dục và giới tính YHCT kết hợp YHHĐ

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/ mô đun:

* Tiếng Việt: Sinh dục và giới tính YHCT kết hợp YHHĐ

* Tiếng Anh: Reproductive system and Sexual Medicine Traditional medicine combined with modern medicine

- Mã học phần/ mô đun: 151306

- Số tín chỉ: 2 LT/ 3 LS

- Số tiết đối với các hoạt động học tập: 120 tiết

+ Lý thuyết: 30 tiết

+ Thực hành/ Lâm sàng/Seminar: 90 tiết

+ Kiểm tra, đánh giá: tiết

+ Thời gian tự học: tiết

- Đối tượng học (năm thứ): Tiến sĩ Y học cổ truyền

- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input checked="" type="checkbox"/>	

- Điều kiện tham gia học phần:

+ Học phần tiên quyết:

+ Học phần học trước:

+ Học phần song hành: Không

- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn Ngoại

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	PGS.TS. Đoàn Minh Thụy	0912933156	doanminhthuyvn@yahoo.com

2	TS.BS. Quách Thị Yến	0912661423	Quachthiyen@gmail.com
3	TS.BS. Dương Minh Sơn	0913553209	tuongson.dng@gmail.com
4	ThS.BS. Lữ Đoàn Hoạt Mười	0979449588	md.hoatmuoi@gmail.com
5	ThS.BS. Đặng Thị Lan Phương	0944143089	drlanphuong89@gmail.com
6	Giảng viên thỉnh giảng theo yêu cầu của học phần		

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Bảng 3.1. Mục tiêu của học phần/ mô đun

Ký hiệu Mục tiêu	Nội dung MT HP
MT1	Biện luận, phân tích được cơ chế bệnh nguyên, bệnh sinh và triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng, chẩn đoán, điều trị một số bệnh lý Sinh dục và giới tính theo YHHD và YHCT
MT2	Thực hiện thành thạo thuần thực các kỹ năng thăm khám, chỉ định cận lâm sàng tiên tiến, chẩn đoán, chỉ định và thực hiện tốt các phương pháp điều trị phù hợp bệnh lý Sinh dục và giới tính theo YHCT kết hợp YHHD.
MT3	Cảm thông, sẵn sàng giúp đỡ, tôn trọng sự riêng tư trong hoạt động chuyên môn về bệnh lý Sinh dục và giới tính kết hợp YHCT với YHHD một cách khoa học.

Bảng 3.2. Mối liên hệ MT HP đến MT của CTĐT

MT CTĐT	CĐR1	CĐR2	CĐR3	CĐR4	CĐR5	CĐR6	CĐR7	CĐR8
MT1	2	1	1	2	3	3	1	1
MT2	2	2	1	2	3	3	1	1
MT3	2	2	1	2	3	3	1	1

1 – Mức đóng góp ít; 2 – Mức đóng góp vừa ; 3 – Mức đóng góp nhiều

4. Chuẩn đầu ra (CĐR) của học phần/ mô đun (ký hiệu: CLO)

Sau khi học xong học phần, người học có thể:

Bảng 4.1. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun

Ký hiệu CĐR	Nội dung CĐR HP (CLO)
CLO1	Biện luận, phân tích được cơ chế bệnh nguyên, bệnh sinh và triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng, chẩn đoán, điều trị một số bệnh lý Sinh dục và giới tính theo YHHD và YHCT

CLO2	Thực hiện thành thạo thuần thực các kỹ năng thăm khám, chỉ định cận lâm sàng tiên tiến, chẩn đoán, chỉ định và thực hiện tốt các phương pháp điều trị phù hợp một số bệnh lý Sinh dục và giới tính theo YHCT kết hợp YHHĐ
CLO3	Cảm thông, sẵn sàng giúp đỡ, tôn trọng sự riêng tư trong hoạt động chuyên môn về bệnh lý Sinh dục và giới tính kết hợp YHCT với YHHĐ một cách khoa học.

5. Ma trận mức độ đóng góp của chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (CLO) vào chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO)

1 – Thấp; 2 – Trung bình ; 3 – Cao

Bảng 5.1.Mối liên hệ của CDR HP (CLO) đến CDR của CTĐT (PLO)

PLO	1	2	3	4	5	6	7	8
CLO1	2	1	1	2	3	3	1	1
CLO2	2	2	1	2	3	3	1	1
CLO3	2	2	1	2	3	3	1	1

6. Yêu cầu của học phần/ mô đun

6.1. Yêu cầu của về điều kiện cơ sở vật chất tổ chức giảng học phần/ mô đun:

6.1.1. Lý thuyết: Giáo trình, tài liệu tham khảo như mục 10.1 và 10.2

Máy chiếu, loa, mic, bảng, phấn...

6.1.2. Lâm sàng: Thực tập lâm sàng tại các bệnh viện thuộc khu vực Hà Nội: Bệnh viện Tuệ Tĩnh, Bệnh viện YHCT Trung Ương, Bệnh viện YHCT Bộ Công An, Bệnh viện Bạch Mai, Bệnh viện Việt Đức và các bệnh viện thực hành của Học viện (đạt chuẩn Bệnh viện thực hành theo ND 111/2017/NĐ-CP)

6.1.3. Thực hành:(Tổ chức dạng SEMINAR)

Bảng 6.1.3. Cơ sở vật chất giảng dạy của HP

STT	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ thực hành
1	Máy chiếu PROJECTER, LAPTOP
2	loa, mic...
3

6.2. Yêu cầu đối với học viên

- Học viên phải có giáo trình.

- Học viên phải tự đọc tối thiểu đầy đủ tài liệu học tập (tại mục 10), đảm bảo kết quả thi kết thúc học phần với kiến thức có trong giáo trình, trong tài liệu tham khảo và kiến thức cập nhật mới.

- Dự lớp học lý thuyết: Học viên có trách nhiệm tham gia đầy đủ các buổi học và các hoạt động học tập tại lớp; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

- Thực hành/thảo luận: Thực hiện đầy đủ các bài thực hành/thảo luận phân theo cá nhân, theo nhóm. Đọc trước nội dung liên quan đến phần thực hành/thảo luận và viết báo cáo tóm tắt qui trình thực hành trước các buổi học.

- Tự học: Chủ động tổ chức giờ tự học bao gồm: Ôn bài học trước, tự đọc giáo trình và tài liệu tham khảo có liên quan tới chuẩn bị cho bài học mới theo tên bài kèm nội dung ghi tại cột 2 trong các bảng ở mục 8 (bao gồm cả phần tự đọc không giảng trên lớp - nếu có), phân phối thời gian tự học ôn tập phục vụ cho các bài thảo luận/kiểm tra/thi hết thực hành/ thi kết thúc học phần (các hình thức ghi tại mục 9.3); Đảm bảo thời gian tự học theo quy định.

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự lý thuyết tối thiểu đạt 80 %. Hoàn thành 100% số bài kiểm tra và bài thực hành.

7. Mô tả chung học phần/ mô đun

Giúp học viên đạt được kiến thức tổng hợp, phân tích, kỹ năng chẩn đoán, điều trị một số bệnh lý sinh dục – y học giới tính YHCT kết hợp YHHD. Có thái độ cảm thông, sẵn sàng giúp đỡ, tôn trọng sự riêng tư trong hoạt động chuyên môn về bệnh lý sinh dục và giới trong việc học tập và nghiên cứu.

8. Kế hoạch, nội dung giảng dạy học phần/ mô đun, liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

8.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Bảng 8.1.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

Tuần/ Buổi (... tiết/b)	Các nội dung cơ bản của bài học (chương)	Số tiết (LT/ KT/ Tự học)	CDR của bài học (chương)/ chủ đề	Liên quan đến CLO nào ở bảng 5.1	PP giảng dạy đạt CDR	Hoạt động học của Sinh viên	Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.1.1)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Buổi 1 (8 tiết)	Chương 1. Sinh lý sinh dục YHHĐ Triệu chứng bệnh lý nam khoa 1. Giải phẫu hệ sinh dục 2. Sinh lý sinh dục sinh sản nam nữ 3. Triệu chứng bệnh lý nam khoa	4/0/4	CDR 5, CDR 6	CLO1 CLO2 CLO3	1. Thuyết trình 2. Động não 3. Giải quyết vấn đề	1. Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi, 2. suy nghĩ - trả lời 3. Suy nghĩ - Trả lời; Lắng nghe ghi chép	
Buổi 2 (8 tiết)	Chương 2. Biện chứng luận trị bệnh lý nam nữ khoa 1. Bệnh nguyên bệnh cơ 2. Biện chứng luận trị và chẩn đoán bệnh 3. Phương pháp điều trị	4/0/4	CDR 5, CDR 6	CLO1 CLO2 CLO3	1. Thuyết trình 2. Động não 3. Giải quyết vấn đề	1. Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi, 2. suy nghĩ - trả lời 3. Suy nghĩ - Trả lời; Lắng nghe ghi chép	

<p>Buổi 3 (4 tiết)</p>	<p>Chương 4: Suy sinh dục nam A. Y học hiện đại 1. Đại cương, nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh Suy sinh dục nam 2. Triệu chứng Suy sinh dục nam và các xét nghiệm cận lâm sàng để chẩn đoán Suy sinh dục nam. 4. Chẩn đoán xác định và chẩn đoán phân biệt Suy sinh dục nam 5. Các phương pháp điều trị, phòng bệnh Suy sinh dục nam bằng y học hiện đại. B. Y học cổ truyền 1. Nguyên nhân, biện chứng luận trị chứng Suy sinh dục nam. 2. Triệu chứng, biện chứng luận trị và phương pháp điều trị các thể bệnh chứng Suy sinh dục nam. 3. Phương pháp điều trị không dùng thuốc, thảo dược điều trị Suy sinh dục nam 4. Phòng bệnh</p>	<p>4/0/0</p>	<p>CDR 5 , CDR 6</p>	<p>CLO1 CLO2 CLO3</p>	<p>1. Thuyết trình 2. Động não 3. Giải quyết vấn đề</p>	<p>1. Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi, 2. suy nghĩ - trả lời 3. Suy nghĩ - Trả lời; Lắng nghe ghi chép</p>
<p>Buổi 4 (8 tiết)</p>	<p>Chương 5: Vô sinh nam nữ A. Y học hiện đại 1. Định nghĩa và phân loại Vô sinh. 2. Triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng chẩn đoán Vô sinh. B. Y học cổ truyền 1. Nguyên nhân gây vô sinh</p>	<p>4/0/4</p>	<p>CDR 5 , CDR 6</p>	<p>CLO1 CLO2 CLO3</p>	<p>1. Thuyết trình 2. Động não 3. Giải</p>	<p>1. Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi, 2. suy nghĩ - trả lời 3. Suy nghĩ - Trả lời; Lắng</p>

					pháp điều trị Bệnh lý Suy sinh dục nam theo YHHD. 3. Phân tích được nguyên nhân, biện chứng luận trị, chẩn đoán và pháp phương điều trị Bệnh Suy sinh dục nam bằng YHCT					6. Viết bệnh án	
Buổi 1 (4 tiết)	Case lâm sàng bệnh Vô sinh Nam				1. Giải thích cơ chế bệnh nguyên, bệnh sinh và triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng, vận dụng một cách thành thạo để chẩn đoán được Bệnh Vô sinh Nam theo YHHD		CLO1 CLO2 CLO3	Máy chiếu PROJECTER , LAPTOP, loa, mic...	1. Giảng dạy trên lâm sàng, hướng dẫn thăm khám, điều trị bệnh nhân tại khoa thực tập. 2. Động não 3 Giải quyết vấn đề 3. Thảo luận 4. Vấn đáp	1. Nghe, Trả lời, Ghi chép 2. Suy nghĩ – trả lời 3. Tiến hành phân tích, chỉ định cận lâm sàng, chẩn đoán và phương pháp điều trị 5. Phản biện 6. Viết bệnh án	Đánh giá cho điểm bài 2
Buổi 2 (4 tiết)											
Buổi 3 (4 tiết)											
Buổi 4 (4 tiết)											
Buổi 5 (4 tiết)						0/22/0/0					
Buổi 6 (2 tiết)											
Buổi 1 (4 tiết)	Case lâm sàng bệnh Vô sinh Nữ				1. Giải thích cơ chế bệnh nguyên, bệnh sinh và	0/22/0/0	CLO1 CLO2	Máy chiếu PROJECTER	1. Giảng dạy trên lâm sàng, hướng	1. Nghe, Trả lời, Ghi chép	Đánh giá cho

Buổi 2 (4 tiết)			triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng, vận dụng một cách thành thạo để chẩn đoán được Bệnh Vô sinh nữ theo YHHD	CLO3	, LAPTOP, loa, mic...	đến thăm khám, điều trị bệnh nhân tại khoa thực tập. 2. Động não 3 Giải quyết vấn đề 3. Thảo luận 4. Vấn đáp	2. Suy nghĩ – trả lời 3. Tiến hành phân tích, chỉ định cận lâm sàng, chẩn đoán và phương pháp điều trị 5. Phản biện 6. Viết bệnh án	điểm bài 3
Buổi 3 (4 tiết)			2. Phân tích được các chỉ định cận lâm sàng, chẩn đoán và phương pháp điều trị Vô sinh nữ theo YHHD.					
Buổi 4 (4 tiết)			3. Phân tích được nguyên nhân, biện chứng luận trị, chẩn đoán và pháp phương điều trị Vô sinh nữ bằng YHCT					
Buổi 5 (4 tiết)								
Buổi 1 (4 tiết)	Case lâm sàng bệnh viêm màng tinh		1. Giải thích cơ chế bệnh nguyên, bệnh sinh và triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng, vận dụng một cách thành thạo để chẩn đoán được viêm màng tinh mãn tính theo YHHD	CLO1 CLO2 CLO3	Máy chiếu PROJECTER , LAPTOP, loa, mic...	1. Giảng dạy trên lâm sàng, hướng dẫn thăm khám, điều trị bệnh nhân tại khoa thực tập. 2. Động não 3 Giải quyết vấn đề 3. Thảo luận 4. Vấn đáp	1. Nghe, Trả lời, Ghi chép 2. Suy nghĩ – trả lời 3. Tiến hành phân tích, chỉ định cận lâm sàng, chẩn đoán và phương pháp điều trị 5. Phản biện 6. Viết bệnh án	Đánh giá cho điểm bài 4
Buổi 2 (4 tiết)								
Buổi 3 (4 tiết)		0/20/0/0						
Buổi 4 (4 tiết)								
Buổi 5 (4 tiết)								

9. Phương pháp đánh giá học phần

9.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

9.2. Rubric:

Ví dụ Rubric 1: Đánh giá bài kiểm tra/bài tập lớn/ Bài tập của bài thực hành

Tiêu chí đánh giá	Trọng số %	Chuẩn đầu ra của Học phần	Mô tả mức chất lượng				Điểm	
			8.5-10 điểm	7.0-8.4 điểm	5.5- 6.9 điểm	4.0-5.4 điểm		0 – 3.9 điểm
Bệnh án lâm sàng	20%	CLO1 CLO2 CLO3	Chữ viết rõ ràng; trình bày đẹp, sạch sẽ; Bỏ cục chặt chẽ, mạch lạc; Không lỗi chính tả. Kết quả chẩn đoán và điều trị đúng, đầy đủ	Chữ viết rõ ràng; trình bày đẹp; Bỏ cục tương đối chặt chẽ; mô tả kết quả chưa rõ ràng Kết quả chẩn đoán và điều trị đúng đến 85%	Chữ viết đọc được; Bỏ cục chưa chặt chẽ; không mô tả được kết quả bài toán Kết quả chẩn đoán và điều trị đúng đến 70%	Chữ viết xấu, khó đọc; Bỏ cục không rõ ràng; còn một số lỗi chính tả Kết quả chẩn đoán và điều trị đúng đến 55%	Cầu thả; Không có bố cục cụ thể; sai nhiều lỗi chính tả; Kết quả chẩn đoán và điều trị đúng dưới 40%	100%
Hỏi Thi lâm sàng	80%		Lập luận logic đầy đủ	Lập luận logic, chưa đầy đủ	Có lập luận; chưa rõ logic	Có lập luận; chưa logic	Lập luận sai, không lập luận	

9.3. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Bảng 9.3.1. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm với học phần có cả lý thuyết và thực hành

Thành phần đánh giá chính	Trọng số điểm (%)	Nội dung đánh giá	Bài đánh giá	Trọng số con (%)	Rubric	Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1	Mô tả cách thực hiện
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Điểm thi lâm sàng kết thúc học phần	33.4%	Theo từng chủ đề	01 bài	100%	Rubric 1 Rubric 2	CLO1 CLO2 CLO3	Theo KH của Bộ môn
Điểm thi kết thúc học phần	66.6%	Thi trắc nghiệm trên máy	Bài kết thúc học phần	100%	Không	CLO1 CLO2 CLO3	Theo KH của Bộ môn

9.4. Ma trận đề kiểm tra và thang điểm đánh giá

Ví dụ:

Thời gian: 20 phút ;

Tổng số câu: 40

Chuẩn đầu ra học phần/mô đun	Trọng số	Tổng số câu hỏi	Số câu hỏi bậc 1 (Tái hiện: Nhớ)	Số câu hỏi bậc 2 (Tái tạo: Hiểu, Áp dụng)	Số câu hỏi bậc 3 (Lập luận sáng tạo: Phân tích, Tổng hợp, Đánh giá, Sáng tạo)
CLO1	50%	20	6 (30%)	10 (50%)	4 (20%)
CLO2	25%	10	3 (30%)	5 (50%)	2 (20%)
CLO3	25%	10	3 (30%)	5 (50%)	2 (20%)
Tổng	100%	40	12	20	8

Điểm thi được tính theo thang điểm 10.

9.5. Điểm học phần

Cách đánh giá: Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

Điểm đánh giá kết thúc học phần = (Điểm tổng kết phần lâm sàng X 1.0 + Điểm tổng kết phần lý thuyết X 2.0)/3.

9.1 Điểm lý thuyết: Điểm thi kết thúc học phần thi test hoặc luận văn.

Điểm đánh giá kết thúc học phần = (Điểm tổng kết phần lâm sàng X 1.0 + Điểm tổng kết phần lý thuyết X 2.0)/3.

9.1 Điểm lý thuyết: Điểm thi kết thúc học phần thi tự luận hoặc luận văn.

9.2 Điểm thực hành/lâm sàng: Điểm thi lâm sàng sau khi kết thúc thời gian thực tập lâm sàng tại các Bệnh viện thực tập.

Điểm đánh giá kết thúc lâm sàng = (Điểm bệnh án X 20 + Điểm hỏi thi lâm sàng X 80)/100

9.3 Điểm tổng kết học phần:

- Các môn học có lý thuyết và thực hành: căn cứ tỷ lệ tín chỉ từng phần để tổng hợp thành điểm chung

- Các môn học chuyên ngành: điểm lý thuyết và thực hành tính độc lập.

- Điểm lý thuyết và thực hành phải đạt từ 6, riêng môn chuyên ngành phải từ 7 trở lên thang điểm 10, làm tròn đến 0,5.

10. Tài liệu học tập

10.1. Tài liệu chính (TLC)

[1]. Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam (2016), *Giáo trình hệ sinh dục*, tài liệu lưu hành nội bộ.

[2]. Tài liệu phát tay.

10.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

1. Bệnh học giới tính nam, Trần Quán Anh, Nguyễn Bửu Triều, NXB Y học (2009)

2. Giáo trình học tập: Bệnh học cơ sở hệ sinh dục nam (Tài liệu lưu hành nội bộ)

3. <https://www.ncbi.nlm.nih.gov/pubmedhealth/PMHT0025040/>

Reproductive System

11. Hướng dẫn thực hiện

✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.

✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.

✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

✓ Sinh viên thực hiện đầy đủ và trung thực các nhiệm vụ học tập, kiểm tra, đánh giá theo Đề cương chi tiết học phần và hướng dẫn của giảng viên giảng dạy học phần.

12. Cấp phê duyệt

TRƯỞNG KHOA

(Ký, ghi rõ họ tên)

Hà Nội, ngày tháng năm 2023

BỘ MÔN

(Ký, ghi rõ họ tên)

Đoàn Minh Phụng

Cập nhật đề cương chi tiết lần 1: <i>Ngày/tháng/năm.</i>	Người cập nhật
Cập nhật đề cương chi tiết lần 2: <i>Ngày/tháng/năm.</i>	Người cập nhật

Hà Nội, ngày 4 tháng 11 năm 2023

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN:
MÔN: CHUYÊN ĐỀ NHI**

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/ mô đun:

* Tiếng Việt: Chuyên đề Nhi (YHCT + YHHĐ)

* Tiếng Anh: Pediatrics Topics (traditional medicine + modern medicine)

- Mã học phần/ mô đun: 151307

- Số tín chỉ: 2 LT/3LS

- Số tiết đối với các hoạt động học tập: 120 tiết

+ Lý thuyết: 30 tiết

+ Lâm sàng: 86 tiết

+ Kiểm tra, đánh giá: 04 tiết

+ Thời gian tự học: 120 tiết

- Đối tượng học (năm thứ 1): Tiến sĩ

- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input checked="" type="checkbox"/>	

- Điều kiện tham gia học phần:

+ Học phần tiên quyết: Lý luận Y học cổ truyền

+ Học phần học trước:

+ Học phần song hành: Không

- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn Nhi

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	Ts. Trần Quang Minh	0912355774	tranquangminh260878@gmail.com
2			
3			

4	Giảng viên thỉnh giảng/Giảng viên mới (khi có nhu cầu)		
---	---	--	--

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Bảng 3.1. Mục tiêu của học phần/ mô đun

Ký hiệu Mục tiêu	Nội dung MT HP
MT1	Trình bày được đặc điểm sinh lý, bệnh lý trẻ em, các khái niệm và nội dung về chẩn đoán nhi khoa YHCT
MT2	Có kiến thức chuyên sâu trong chẩn đoán và điều trị, chăm sóc, phòng một số bệnh hay gặp ở nhi khoa theo YHCT, có kết hợp YHHĐ.
MT3	Có kỹ năng thu thập thông tin; kỹ năng làm việc nhóm; kỹ năng giao tiếp tốt với bệnh nhi và người nhà bệnh nhi;
MT4	Nghiêm túc, tích cực, chăm chỉ trong học tập, tự nghiên cứu, tự học.

Bảng 3.2. Mối liên hệ MT HP đến MT của CTĐT

MT CTĐT	(1)	(2)	(3)
MT 2: Có kiến thức lý thuyết và lâm sàng tiên tiến chuyên sâu ở vị trí hàng đầu của một lĩnh vực thuộc ngành y học cổ truyền, có khả năng hành nghề chuyên nghiệp dựa trên bằng chứng ở một lĩnh vực chuyên môn; phân tích, tổng hợp đánh giá dữ liệu để đưa ra giải pháp xử lý trong một số lĩnh vực chuyên ngành y học cổ truyền, kết hợp y học cổ truyền với y học hiện đại một cách khoa học.			x
MT3: Tôn trọng luật pháp, thực hiện đúng, đầy đủ yêu cầu nghề nghiệp, trung thực, khách quan, tác phong hành nghề chuyên nghiệp và ý thức học tập phát triển nghề nghiệp suốt đời, có khả năng đồng cảm, chia sẻ và hết lòng phục vụ người bệnh. Luôn đặt quyền lợi được chăm sóc sức khỏe an		x	

toàn - chất lượng của người bệnh và của cộng đồng.			
--	--	--	--

1 – Mức đóng góp ít; 2 – Mức đóng góp vừa ; 3 – Mức đóng góp nhiều

4. Chuẩn đầu ra (CĐR) của học phần/ mô đun (ký hiệu: CLO)

Sau khi học xong học phần, người học có thể:

Bảng 4.1. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun

Ký hiệu CĐR	Nội dung CĐR HP (CLO)
CLO1	Giải thích được tường tận các đặc điểm sinh lý, bệnh tật của trẻ em theo YHCT
CLO2	Phân tích được chẩn đoán, biện chứng luận trị, pháp điều trị, dùng thuốc và không dùng thuốc đối với một số bệnh hay gặp ở nhi khoa theo YHCT, có kết hợp YHHĐ
CLO3	Giao tiếp có hiệu quả với bệnh nhi, người nhà bệnh nhi.
CLO4	Vận dụng thuần thực được các kỹ năng của YHCT và YHHĐ để thăm khám bệnh nhi, đưa ra chẩn đoán, điều trị một số bệnh thường gặp ở bệnh nhi.
CL05	Có khả năng cao làm việc độc lập hoặc phối hợp theo nhóm trong học tập tại trường học, bệnh viện thực hành.
CL06	Tuân thủ tốt các nội quy học tập, các nguyên tắc về đạo đức trong chăm sóc sức khỏe nhân dân

5. Ma trận mức độ đóng góp của chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (CLO) vào chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO)

1 – Thấp; 2 – Trung bình ; 3 – Cao

Bảng 5.1.Mối liên hệ của CĐR HP (CLO) đến CĐR của CTĐT (PLO)

PLO	1	2	3	4	5	6	7
CLO1				(3)			
CLO2				(3)	(2)		
CLO3				(3)			
CLO4					(2)		
CLO5						(3)	(3)
CLO6				(3)			

6. Yêu cầu của học phần/ mô đun

6.1. Yêu cầu của về điều kiện cơ sở vật chất tổ chức giảng học phần/ mô đun:

6.1.1. Lý thuyết: Giáo trình, tài liệu tham khảo như mục 10.1 và 10.2

Máy chiếu, loa, mic, bảng, phấn...

6.1.2. Lâm sàng: thực tập tại các bệnh viện Châm cứu Trung ương, Y học cổ truyền Trung ương (đạt chuẩn Bệnh viện thực hành theo NĐ 111/2017/NĐ-CP)

Bảng 6.1.3. Cơ sở vật chất giảng dạy của HP

STT	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ lâm sàng
1	Máy chiếu PROJECTER, LAPTOP

2	loa, mic
3	Ổng nghe tim phổi, máy đo huyết áp, nhiệt độ, búa gõ phản xạ, gối xem mạch

6.2. Yêu cầu đối với học viên

- Học viên phải có giáo trình.
- Học viên cần có ống nghe tim phổi, máy đo huyết áp, nhiệt độ, búa gõ phản xạ, gối xem mạch...
- Học viên phải tự đọc tối thiểu đầy đủ tài liệu học tập (tại mục 10), đảm bảo kết quả thi kết thúc học phần với kiến thức có trong giáo trình, trong tài liệu tham khảo và kiến thức cập nhật mới.
- Dự lớp học lý thuyết: Học viên có trách nhiệm tham gia đầy đủ các buổi học và các hoạt động học tập tại lớp; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.
- Lâm sàng/thảo luận: Thực hiện đầy đủ các yêu cầu lâm sàng /thảo luận phân theo cá nhân, theo nhóm. Chuẩn bị đầy đủ nội dung liên quan đến phần lâm sàng/thảo luận và viết báo cáo/ bệnh án trước các buổi học.
- Tự học: Chủ động tổ chức giờ tự học bao gồm: Ôn bài học trước, **tự đọc** giáo trình và tài liệu tham khảo có liên quan tới chuẩn bị cho bài học mới theo tên bài kèm nội dung ghi tại cột 2 trong các bảng ở mục 8 (bao gồm cả phần tự đọc không giảng trên lớp - nếu có), phân phối thời gian tự học ôn tập phục vụ cho các bài thảo luận/kiểm tra/thi hết thực hành/ thi kết thúc học phần (các hình thức ghi tại mục 9.3); Đảm bảo thời gian tự học theo quy định.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự lý thuyết tối thiểu đạt 80 %. Hoàn thành 100% số bài kiểm tra và bài thực hành.

7. Mô tả chung học phần/ mô đun

Nội dung gồm các kiến thức về đặc điểm nhi khoa YHCT, Nguyên tắc điều trị và chẩn đoán nhi khoa YHCT, các kiến thức chuyên sâu về bệnh học và điều trị nhi khoa YHCT có kết hợp YHHĐ gồm nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, các thể lâm sàng, điều trị và phòng bệnh các bệnh thường gặp ở trẻ em.

Tư vấn giáo dục sức khỏe về phòng bệnh, bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe trẻ em.

Sau khi học xong học phần học viên có kiến thức chuyên sâu về Nhi khoa Y học cổ truyền có kết hợp Y học hiện đại

8. Kế hoạch, nội dung giảng dạy học phần/ mô đun, liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

8.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Bảng 8.1.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

Tuần/ Buổi (... tiết/b)	Các nội dung cơ bản của bài học (chương)	Số tiết (LT/ KT/ Tự học)	CDR của bài học (chương)/ chủ đề	Liên quan đến CLO nào ở bảng 5.1	PP giảng dạy đạt CDR	Hoạt động học của Sinh viên	Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.1.1)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Buổi 1 (4 tiết)	CHƯƠNG I: Đại cương về nhi khoa y học cổ truyền - Đặc điểm nhi khoa y học cổ truyền - Nguyên tác điều trị nhi khoa y học cổ truyền	4/0/4	...	CLO1 CLO2	1. Thuyết trình 2. Động não 3. Giải quyết vấn đề	1. Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi, 2. suy nghĩ - trả lời 3. Suy nghĩ - Trả lời; Lắng nghe ghi chép	
Buổi 2 (2 tiết)	CHƯƠNG I: Đại cương về nhi khoa y học cổ truyền - Chẩn đoán nhi khoa y học cổ truyền	2/0/4	.	CLO1 CLO2	1. Thuyết trình 2. Động não 3. Giải quyết vấn đề	1. Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi, 2. suy nghĩ - trả lời 3. Suy nghĩ - Trả lời; Lắng nghe ghi chép	

Buổi 3 (4 tiết)	Chương 2: Tiêu hóa - Táo bón mạn tính chức năng	4/0/4		CLO2 CLO3 CLO4	1. Thuyết trình 2. Động não 3. Giải quyết vấn đề	1. Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi, 2. suy nghĩ - trả lời 3. Suy nghĩ - Trả lời; Lắng nghe ghi chép	
Buổi 4 (4 tiết)	Chương 2: Tiêu hóa - Tiêu chảy	4/0/4		CLO2 CLO3 CLO4	1. Thuyết trình 2. Động não 3. Giải quyết vấn đề	1. Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi, 2. suy nghĩ - trả lời 3. Suy nghĩ - Trả lời; Lắng nghe ghi chép	
Buổi 5 (4 tiết)	Chương 2: Tiêu hóa - Suy dinh dưỡng - Sa trực tràng	4/0/4		CLO2 CLO3 CLO4	1. Thuyết trình 2. Động não 3. Giải	1. Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi, 2. suy nghĩ - trả lời 3. Suy nghĩ - Trả lời; Lắng nghe ghi	

Buổi 6 (4 tiết)	Chương 3: Hồ hạp - Hen phế quản	4/0/4			CLO2 CLO3 CLO4	1. Thuyết trình 2. Động não 3. Giải quyết vấn đề	1. Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi, 2. suy nghĩ - trả lời 3. Suy nghĩ - Trả lời; Lắng nghe ghi chép	chép
Buổi 7 (4 tiết)	Chương 4: Thần kinh - Liệt VII ngoại biên	4/0/4			CLO2 CLO3 CLO4	1. Thuyết trình 2. Động não 3. Giải quyết vấn đề	1. Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi, 2. suy nghĩ - trả lời 3. Suy nghĩ - Trả lời; Lắng nghe ghi chép	
Buổi 8 (4 tiết)	Chương 4: Thần kinh - Bại não - Các chứng liệt	4/0/4			CLO2 CLO3 CLO4	1. Thuyết trình	1. Nghe, ghi chép, đặt câu hỏi, 2. suy nghĩ - trả lời	

									3. Suy nghĩ - Trả lời; Lắng nghe ghi chép	
									2. Động não 3. Giải quyết vấn đề	
								0,5 tiết		
										KTHP

8.2. Kế hoạch, nội dung giảng dạy thực hành/ lâm sàng và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Bảng 8.2.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lâm sàng và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

Tuần/ Buổi (... tiết/b)	Các nội dung cơ bản của bài TH/LS (chương)	Số tiết (TH/LS/ KT/ Tự học)	CDR của bài TH/LS (chương)	Liên quan đến CLO nào ở bảng 5.1	Trang thiết bị quy chiếu ở bảng 6.1.3	PP giảng dạy đạt CDR	Hoạt động học của SV	Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.2.1)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
Buổi 1 4 tiết	Bài 1: Đặc điểm nhi khoa y học cổ truyền	04/0/0/4	1. Vận dụng tốt kiến thức về phân loại các đặc điểm sinh lý của trẻ theo YHCT và YHHĐ 2. Vận dụng tốt kiến thức về phân loại các đặc điểm bệnh lý của trẻ theo YHCT và YHHĐ	CLO1 CL02	Phòng bệnh, phòng thảo luận, hồ sơ bệnh án	1. Động não 2. Giải quyết vấn đề 3. Thảo luận 4. Vấn đáp	1. Nghe, Trả lời, Ghi chép 2. Suy nghĩ – trả lời 3. Tiến hành phân tích tình huống theo nhóm 4. Viết báo cáo	Đánh giá cho điểm bài 1

4 tiết	Bài 2: Nguyên tắc điều trị nhi khoa y học cổ truyền	04/0/0/4	Vận dụng tốt kiến thức về nguyên tắc điều trị trẻ em theo YHCT có kết hợp YHHĐ	CLO1 CL02	Phòng bệnh, Phòng thảo luận, hồ sơ bệnh án	1. Động não 2. Giải quyết vấn đề 3. Thảo luận 4. Vấn đáp	1. Nghe, Trả lời, Ghi chép 2. Suy nghĩ – trả lời 3. Tiến hành phân tích tình huống theo nhóm 4. Viết báo cáo	Đánh giá cho điểm bài 2
8 tiết	Bài 3: Chẩn đoán nhi khoa y học cổ truyền	08/0/0/8	Vận dụng tốt kiến thức trong chẩn đoán nhi khoa	CLO1 CL02	Phòng bệnh, Phòng thảo luận, hồ sơ bệnh án	1. Động não 2. Giải quyết vấn đề 3. Thảo luận 4. Vấn đáp	1. Nghe, Trả lời, Ghi chép 2. Suy nghĩ – trả lời 3. Tiến hành phân tích tình huống theo nhóm 4. Viết báo cáo	Đánh giá cho điểm bài 3
8 tiết	Bài 4: Táo bón mạn tính chức năng	08/0/0/8	Vận dụng tốt kiến thức trong chẩn đoán, điều trị, chăm sóc, dự phòng cho trẻ táo bón mạn tính chức năng	CLO1 CL02 CL03	Phòng bệnh, Phòng thảo luận, hồ sơ bệnh án	1. Động não 2. Giải quyết vấn đề 3. Thảo luận 4. Vấn đáp	1. Nghe, Trả lời, Ghi chép 2. Suy nghĩ – trả lời 3. Tiến hành phân tích tình huống theo nhóm	Đánh giá cho điểm bài 4

8 tiết	Bài 5: Tiêu chảy			Vận dụng tốt kiến thức trong chẩn đoán, điều trị, chăm sóc, dự phòng cho trẻ tiêu chảy	CLO1 CL02 CL03	Phòng bệnh, Phòng thảo luận, hồ sơ bệnh án	1. Động não 2. Giải quyết vấn đề 3. Thảo luận 4. Vấn đáp	4. Viết báo cáo 1. Nghe, Trả lời, Ghi chép 2. Suy nghĩ – trả lời 3. Tiến hành phân tích tình huống theo nhóm 4. Viết báo cáo	Đánh giá cho điểm bài 5
8 tiết	Bài 6: Suy dinh dưỡng		08/0/0/8	Vận dụng tốt kiến thức trong chẩn đoán, điều trị, chăm sóc, dự phòng cho trẻ suy dinh dưỡng	CLO1 CL02 CL03	Phòng bệnh, Phòng thảo luận, hồ sơ bệnh án	1. Động não 2. Giải quyết vấn đề 3. Thảo luận 4. Vấn đáp	1. Nghe, Trả lời, Ghi chép 2. Suy nghĩ – trả lời 3. Tiến hành phân tích tình huống theo nhóm 4. Viết báo cáo	Đánh giá cho điểm bài 6
8 tiết	Bài 7: Sa trực tràng		08/0/0/8	Vận dụng tốt kiến thức trong chẩn đoán, điều trị, chăm sóc, dự phòng cho trẻ sa trực tràng	CLO1 CL02 CL03	Phòng bệnh, Phòng thảo luận, hồ sơ bệnh án	1. Động não 2. Giải quyết vấn đề 3. Thảo luận 4. Vấn đáp	1. Nghe, Trả lời, Ghi chép 2. Suy nghĩ – trả lời 3. Tiến hành phân tích tình huống theo nhóm 4. Viết báo cáo	Đánh giá cho điểm bài 4

16 tiết	Bài 8: Hen phế quản		16/0/0/8	Vận dụng tốt kiến thức trong chẩn đoán, điều trị, chăm sóc, dự phòng cho trẻ hen phế quản	CLO1 CL02 CL03	Phòng bệnh, Phòng thảo luận, hồ sơ bệnh án	1. Động não 2. Giải quyết vấn đề 3. Thảo luận 4. Vấn đáp	4. Viết báo cáo 1. Nghe, Trả lời, Ghi chép 2. Suy nghĩ – trả lời 3. Tiến hành phân tích tình huống theo nhóm 4. Viết báo cáo	Đánh giá cho điểm bài 8
8 tiết	Bài 9: Liệt VII ngoại biên		08/0/0/8	Vận dụng tốt kiến thức trong chẩn đoán, điều trị, chăm sóc, dự phòng cho trẻ liệt VII ngoại biên	CLO1 CL02 CL03	Phòng bệnh, Phòng thảo luận, hồ sơ bệnh án	1. Động não 2. Giải quyết vấn đề 3. Thảo luận 4. Vấn đáp	1. Nghe, Trả lời, Ghi chép 2. Suy nghĩ – trả lời 3. Tiến hành phân tích tình huống theo nhóm 4. Viết báo cáo	Đánh giá cho điểm bài 9
16 tiết	Bài 10: Bại não và các chứng liệt		16/0/0/8	Vận dụng tốt kiến thức trong chẩn đoán, điều trị, chăm sóc, dự phòng cho trẻ bại não và các chứng liệt	CLO1 CL02 CL03	Phòng bệnh, Phòng thảo luận, hồ sơ bệnh án	1. Động não 2. Giải quyết vấn đề 3. Thảo luận 4. Vấn đáp	1. Nghe, Trả lời, Ghi chép 2. Suy nghĩ – trả lời 3. Tiến hành phân tích tình huống theo nhóm 4. Viết báo cáo	Đánh giá cho điểm bài 10

								4. Viết báo cáo	
Thi hết lâm sàng: Chấm hợp điểm các bài	4,0 tiết								KTTH

9. Phương pháp đánh giá học phần

9.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

9.2. Rubric:

Rubric 1 – Nội dung thuyết trình thảo luận lâm sàng (có slides đi kèm)

STT	Nội dung tính điểm	Tỉ trọng	Chuẩn đầu ra học phần	Mức độ				
				8.5- 10 điểm	7.0-8.4 điểm	5.5- 6.9 điểm	4.0-5.4 điểm	0 – 3.9 điểm
1	Nội dung báo cáo	25%	CLO1 CLO2 CLO4	- Nội dung chuyên môn đúng, theo đúng đảm bảo trích dẫn phù hợp - Nội dung đúng hệ thống, biện chứng lập luận logic	- Nội dung chuyên môn đúng, theo trích dẫn còn sai sót - Nội dung tương đối đúng hệ thống, biện chứng lập luận logic	- Nội dung chuyên môn đúng, trích dẫn chưa phù hợp - Nội dung chưa theo hệ thống lập luận chưa logic	Nội dung chuyên môn chưa đúng, trích dẫn chưa phù hợp - Nội dung chưa phù hợp - Nội dung chưa theo hệ thống, biện chứng lập luận chưa logic	Nội dung chuyên môn chưa đúng, trích dẫn chưa phù hợp - Nội dung chưa theo hệ thống, biện chứng lập luận chưa logic
2	Hình thức các slides	10%	CLO1 CLO2 CLO4	- Các slide rõ ràng, dễ theo dõi, Đảm bảo tính hệ thống liên lạc trong trình bày	- Các slide rõ ràng, dễ theo dõi, Chưa đảm bảo tính hệ thống liên lạc trong trình bày	- Các slide chưa rõ ràng, khó theo dõi - Chưa đảm bảo tính hệ thống liên lạc trong trình bày	- Các slide chưa rõ ràng, khó theo dõi - Chưa đảm bảo tính hệ thống liên lạc trong trình bày	- Các slide chưa rõ ràng, khó theo dõi - Chưa đảm bảo tính hệ thống liên lạc trong trình bày

				<ul style="list-style-type: none"> - Khuyến khích một số hiệu ứng khi cần thiết 	<ul style="list-style-type: none"> - Hiệu ứng xuất hiện chưa phù hợp 	<ul style="list-style-type: none"> - Hiệu ứng xuất hiện khi cần thiết 	<ul style="list-style-type: none"> - Hiệu ứng xuất hiện khi cần thiết 	<ul style="list-style-type: none"> - Lạc trong trình bày 	<ul style="list-style-type: none"> - Lạc trong trình bày
3	Kỹ năng trình bày	25%	CLO1 CLO2 CLO4	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết trình rõ ràng, đầy đủ nội dung, đủ thời lượng - Thuyết trình sinh động, tự tin, tạo được sự hứng thú quan tâm của người nghe. 	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết trình rõ ràng, đầy đủ nội dung, đủ thời lượng - Thuyết trình sinh động, thiếu tự tin, chưa tạo được sự hứng thú quan tâm của người nghe 	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết trình rõ ràng, đầy đủ nội dung, vượt thời lượng - Thuyết trình thiếu tự tin, chưa tạo được sự hứng thú quan tâm của người nghe 	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết trình không rõ ràng, đầy đủ nội dung, vượt thời lượng - Thuyết trình khó khăn, chưa tạo được sự hứng thú quan tâm của người nghe 	<ul style="list-style-type: none"> - Hiệu ứng xuất hiện ảnh hưởng đến theo dõi 	
4	Trả lời câu hỏi	10%	CLO1 CLO2 CLO4	<ul style="list-style-type: none"> - Trả lời đúng nội dung ($\geq 85\%$) - Trả lời ngắn gọn, đi thẳng vào trọng tâm vấn đề 	<ul style="list-style-type: none"> - Trả lời tương đối đúng nội dung ($\geq 70\%$) - Trả lời ngắn gọn, đi thẳng vào trọng tâm vấn đề 	<ul style="list-style-type: none"> - Trả lời còn nhiều chỗ nội dung chưa chính xác - Trả lời chưa đi vào trọng tâm vấn đề 	<ul style="list-style-type: none"> - Trả lời còn nhiều chỗ nội dung chưa chính xác - Trả lời chưa đi vào trọng tâm vấn đề 	<ul style="list-style-type: none"> - Trả lời sai cơ bản nội dung; lan man 	
5	Làm việc nhóm 1. Thành viên nhóm 2. Trưởng nhóm	15%	CLO5 CLO6	<ul style="list-style-type: none"> - Tham gia nhiệt tình - Hoàn thành công việc được phân công - Chia sẻ công việc thành viên 	<ul style="list-style-type: none"> - Tham gia nhiệt tình - Hoàn thành công việc được phân công - Ít chia sẻ công việc thành viên 	<ul style="list-style-type: none"> - Tham gia nhiệt tình - Hoàn thành công việc được phân công - Không chia sẻ công việc thành viên 	<ul style="list-style-type: none"> - Tham gia không nhiệt tình - Chưa hoàn thành công việc được phân công - Không chia sẻ công việc thành viên 		

<ul style="list-style-type: none"> - Tham gia ý kiến chung 2. - Kế hoạch rõ ràng - Phân công cụ thể - Giám sát thành viên - Kiểm soát kết quả - Đánh giá thành viên 	<ul style="list-style-type: none"> - Ít tham gia ý kiến chung 2. - Kế hoạch rõ ràng - Phân công cụ thể - Giám sát thành viên - Kiểm soát kết quả - Chưa đánh giá thành viên 	<ul style="list-style-type: none"> - Ít tham gia ý kiến chung 2. - Kế hoạch đầy đủ - Không phân công cụ thể - Giám sát thành viên - Chưa kiểm soát kết quả - Chưa đánh giá thành viên 	<ul style="list-style-type: none"> - Ít tham gia ý kiến chung 2. - Kế hoạch rõ ràng - Phân công cụ thể - Giám sát thành viên - Chưa kiểm soát kết quả - Chưa đánh giá thành viên 	<ul style="list-style-type: none"> - Ít tham gia ý kiến chung 2. - Kế hoạch đầy đủ - Không phân công cụ thể - Giám sát thành viên - Chưa kiểm soát kết quả - Chưa đánh giá thành viên 	<ul style="list-style-type: none"> - Ít tham gia ý kiến chung 2. - Kế hoạch không rõ ràng - Không phân công cụ thể - Giám sát thành viên - Chưa kiểm soát kết quả - Chưa đánh giá thành viên

9.3. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Bảng 9.3.1. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm học phần

Thành phần đánh giá chính	Trọng số điểm (%)	Nội dung đánh giá	Bài đánh giá	Trọng số con (%)	Rubric	Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1	Mô tả cách thực hiện
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Điểm thực hành	40%	Theo chủ đề	01 bài	100%	Rubric 1	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6	Theo KH của Bộ môn
Điểm thi kết thúc học phần	60%	Thi trắc nghiệm trên máy	Bài kết thúc học phần	100%	Không	CLO1 CLO2 CLO4	Theo KH của Bộ môn

9.4. Ma trận đề kiểm tra và thang điểm đánh giá

Thời gian: 20 phút ;

Tổng số câu: 40

Chuẩn đầu ra học phần/mô đun	Trọng số	Tổng số câu hỏi	Số câu hỏi bậc 1 (Tái hiện: Nhớ)	Số câu hỏi bậc 2 (Tái tạo: Hiểu, Áp dụng)	Số câu hỏi bậc 3 (Lập luận sáng tạo: Phân tích, Tổng hợp, Đánh giá, Sáng tạo)
CLO1 CLO2	100%	03	1	1	1
Tổng	100%	03	1	1	1

Điểm thi được tính theo thang điểm 10.

9.5. Điểm học phần

Cách đánh giá: Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

9.3 Điểm tổng kết học phần:

- Điểm đánh giá kết thúc học phần = (Điểm tổng kết phần lâm sàng X 1.0 + Điểm tổng kết phần lý thuyết X 2.0)/3

- Điểm đạt khi: điểm đánh giá kết thúc học phần từ 5,5 điểm trở lên theo thang điểm 10.

10. Tài liệu học tập

10.1. Tài liệu chính (TLC)

[1]. Nhi khoa Y học cổ truyền, Khoa Y học cổ truyền, Đại học Y Hà Nội, Nhà xuất bản Y học, năm 2017.

10.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

[1]. Giáo trình Nhi Khoa Y học cổ truyền, Bộ môn Nhi, Học viện Y dược học cổ truyền Việt Nam.

11. Hướng dẫn thực hiện

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.
- ✓ Sinh viên thực hiện đầy đủ và trung thực các nhiệm vụ học tập, kiểm tra, đánh giá theo Đề cương chi tiết học phần và hướng dẫn của giảng viên giảng dạy học phần.

12. Cấp phê duyệt

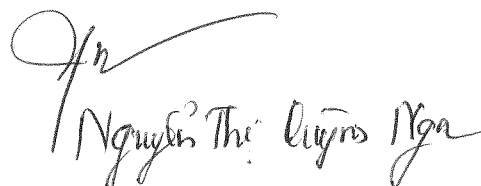
TRƯỞNG KHOA

(Ký, ghi rõ họ tên)

Hà Nội, ngày tháng năm 2023

BỘ MÔN

(Ký, ghi rõ họ tên)


Nguyễn Thị Quỳnh Nga

13. Tiến trình cập nhật đề cương

Cập nhật đề cương chi tiết lần 1: <i>Ngày/tháng/năm.</i>	Người cập nhật
Cập nhật đề cương chi tiết lần 2: <i>Ngày/tháng/năm.</i>	Người cập nhật

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/MÔ ĐUN

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-HVYDCT, ngày tháng ... năm 2023
của Giám đốc Học viện)

Trình độ đào tạo: Tiến sĩ, Ngành: Y học cổ truyền Mã số đào tạo: 9720115

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/mô đun:
- * Tiếng Việt: Chuyên đề Lão khoa (YHCT+YHHĐ)
- * Tiếng Anh: Traditional medicine Geriatrics
- Mã học phần/ mô đun: 151309
- Số tín chỉ: 05(01LT/ 04LS)
- Số tiết đối với các hoạt động học tập: tiết
 - + Lý thuyết: 15 tiết
 - + Thực hành/ Lâm sàng: 120 tiết
 - + Bài tập:..... tiết
 - + Thảo luận, hoạt động nhóm:tiết
 - + Kiểm tra:.....tiết
 - + Thời gian tự học: tiết
- Đối tượng học (năm thứ):
- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp						Thực tập và khóa luận tốt nghiệp
		Kiến thức cơ sở khối ngành		Kiến thức cơ sở ngành		Kiến thức ngành		
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	
Bắt buộc	Tự chọn	Bắt buộc	Tự chọn	Bắt buộc	Tự chọn	Bắt buộc	Tự chọn	
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	

- Điều kiện tham gia học phần:
 - + Học phần tiên quyết (đã học và thi đạt yêu cầu):
 - + Học phần học trước (đã học):
 - + Học phần song hành:
- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn Lão

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Điện thoại	Email
1	PGS.Ts Phạm Vũ Khánh	0913563042	Bsyphamvukhanh@yahoo.com

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun

Bảng 3.1. Mục tiêu của học phần/ mô đun

Ký hiệu Mục tiêu	Nội dung MT HP
MT HP1	Phân tích được sự thay đổi sinh lý, bệnh lý của người cao tuổi
MT HP2	Vận dụng được các nguyên tắc điều trị bệnh nhân lão khoa
MT HP3	Vận dụng được các kiến thức đã học để chẩn đoán và điều trị một số bệnh thường gặp ở người cao tuổi.
MT HP4	Thực hiện chính xác kỹ năng giao tiếp và thăm khám lâm sàng với bệnh nhân người cao tuổi

Bảng 3.2. Mối liên hệ MT HP đến MT của CTĐT

MT CTĐT	(1)	(2)	(3)
MT HP1		2	
MT HP2		2	
MT HP3		2	
MT HP4			2

4. Chuẩn đầu ra (CĐR) của học phần/ mô đun (ký hiệu: CLO)

Bảng 4.1. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun

Ký hiệu CĐR	Nội dung CĐR HP (CLO)
CLO1	Phân tích được sự thay đổi sinh lý, bệnh lý của người cao tuổi
CLO2	Vận dụng được các nguyên tắc điều trị bệnh nhân lão khoa
CLO3	Vận dụng được các kiến thức đã học để chẩn đoán và điều trị một số bệnh thường gặp ở người cao tuổi.
CLO4	Thực hiện chính xác kỹ năng giao tiếp và thăm khám lâm sàng với bệnh nhân người cao tuổi

5. Ma trận mức độ đóng góp của chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (CLO) vào chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO)

Bảng 5.1. Mối liên hệ của CĐR HP (CLO) đến CĐR của CTĐT (PLO)

PLO	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CLO 1				2			
CLO 2				2			
CLO 3				2	2		
CLO4							2

6. Yêu cầu của học phần/ mô đun

6.1. Yêu cầu của về điều kiện cơ sở vật chất tổ chức giảng học phần/ mô đun:

6.1.1. Lý thuyết:

Phòng học có máy chiếu, mic

6.1.2. Lâm sàng:

Bệnh viện Tuệ Tĩnh, Bệnh viện Châm cứu TW, Bệnh viện YHCT Hà Nội, Bệnh viện Đống Đa

6.2. Yêu cầu đối với sinh viên

- Dự lớp: Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

✓ Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

✓ Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

✓ Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

✓ Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm

- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên

- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi kết thúc học phần

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80 %; các buổi học lâm sàng phải đạt 100% số buổi có mặt tham gia.

✓ Trong quá trình học tập, sinh viên được khuyến khích đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới dưới nhiều hình thức khác nhau.

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: Số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt trên 80%, số tiết tham dự thực hành đạt 100%

7. Mô tả chung học phần/ mô đun

Môn học Bệnh học và Điều trị Lão bao gồm Y học cổ truyền kết hợp Y học hiện đại mô tả về những thay đổi tâm sinh lý và bệnh lý ở người cao tuổi theo quan điểm YHHD và YHCT. Từ đó, đưa ra các nguyên tắc điều trị bệnh lý người cao tuổi theo YHHD và YHCT. Môn học hướng dẫn học viên cách thức chẩn đoán và điều trị các bệnh Lão khoa thông thường bằng các liệu pháp YHCT kết hợp với YHHD.

8. Kế hoạch, nội dung giảng dạy học phần/ mô đun, liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

8.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Bảng 8.1.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

Tuần/ Buổi (4tiết/b)	Các nội dung cơ bản của bài học (chương)	Số tiết (LT/ KT/ Tự học)	CĐR của bài học (chương)/ chủ đề	Liên quan đến CLO nào ở bảng 5.1	PP giảng dạy đạt CĐR	Hoạt động học của SV	Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.1.1)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Đại cương về lão khoa YHHD + YHCT	4/	Trình bày được đặc điểm sinh lý, bệnh lý của người cao tuổi theo YHHD + YHCT	CLO1	Phương pháp giảng dạy tích cực kết hợp giảng truyền thống	Đọc tài liệu, thảo luận nhóm	

2	Nguyên tắc điều trị bệnh người cao tuổi YHHD + YHCT	4	Trình bày được các nguyên tắc điều trị bệnh người cao tuổi	CLO2	Phương pháp giảng dạy tích cực kết hợp giảng truyền thống	Đọc tài liệu, thảo luận nhóm
3	Bệnh học và Điều trị một số bệnh lý ở người cao tuổi	4	Vận dụng được các kiến thức đã học để chẩn đoán và điều trị bệnh ở người cao tuổi.	CLO3	Phương pháp giảng dạy tích cực kết hợp giảng truyền thống	Đọc tài liệu, thảo luận nhóm
4	Giải đáp thắc mắc	3	Vận dụng được các kiến thức đã học để chẩn đoán và điều trị bệnh ở người cao tuổi.	CLO1 CLO2 CLO3	Phương pháp giảng dạy tích cực kết hợp giảng truyền thống	Đọc tài liệu, thảo luận nhóm

8.2. Kế hoạch, nội dung giảng dạy thực hành/ lâm sàng và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Bảng 8.2.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy thực hành/ lâm sàng và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

Tuần/ Buổi (4 tiết/b)	Các nội dung cơ bản của bài TH/LS (chương)	Số tiết (TH/LS/ KT/ Tự học)	CĐR của bài TH/LS (chương)	Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1	Trang thiết bị quy chiều ở bảng 6.1.3	PP giảng dạy đạt CĐR	Hoạt động học của SV	Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.2.1)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Chẩn đoán và điều trị tăng huyết áp	4	Thăm khám, phát hiện chính xác các triệu chứng cơ năng, thực thể Chẩn đoán và Điều trị đúng bệnh Tận tụy với sự nghiệp chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khoẻ người cao tuổi, tôn trọng, cảm thông và hết lòng phục vụ người bệnh Tôn trọng và chân thành hợp tác với đồng nghiệp	CLO2, CLO3, CLO4,		Phương pháp giảng dạy tích cực kết hợp giảng truyền thống	Thảo luận nhóm	
2	Chẩn đoán và điều trị TBMMN	4	Thăm khám, phát hiện chính xác các triệu chứng cơ năng, thực thể Chẩn đoán và Điều trị đúng	CLO2, CLO3, CLO4,		Phương pháp giảng dạy tích	Thảo luận nhóm	

			<p>bệnh</p> <p>Tận tụy với sự nghiệp chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khoẻ người cao tuổi, tôn trọng, cảm thông và hết lòng phục vụ người bệnh</p> <p>Tôn trọng và chân thành hợp tác với đồng nghiệp</p>			<p>cực kết hợp giảng truyền thống</p>		
3	Chẩn đoán và Điều trị Đái tháo đường	4	<p>Thăm khám, phát hiện chính xác các triệu chứng cơ năng, thực thể</p> <p>Chẩn đoán và Điều trị đúng bệnh</p> <p>Tận tụy với sự nghiệp chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khoẻ người cao tuổi, tôn trọng, cảm thông và hết lòng phục vụ người bệnh</p> <p>Tôn trọng và chân thành hợp tác với đồng nghiệp</p>	CLO2, CLO3, CLO4,		<p>Phương pháp giảng dạy tích cực kết hợp giảng truyền thống</p>	Thảo luận nhóm	
4	Chẩn đoán và Điều trị Loãng xương, thoái hóa khớp	4	<p>Thăm khám, phát hiện chính xác các triệu chứng cơ năng, thực thể</p> <p>Chẩn đoán và Điều trị đúng bệnh</p> <p>Tận tụy với sự nghiệp chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khoẻ người cao tuổi, tôn trọng, cảm thông và hết lòng phục vụ người bệnh</p> <p>Tôn trọng và chân thành hợp tác với đồng nghiệp</p>	CLO2, CLO3, CLO4,		<p>Phương pháp giảng dạy tích cực kết hợp giảng truyền thống</p>	Thảo luận nhóm	
5	Chẩn đoán và Điều trị COPD	4	<p>Thăm khám, phát hiện chính xác các triệu chứng cơ năng, thực thể</p> <p>Chẩn đoán và Điều trị đúng bệnh</p> <p>Tận tụy với sự nghiệp chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khoẻ người cao tuổi, tôn trọng, cảm thông và hết lòng phục vụ người bệnh</p> <p>Tôn trọng và chân thành hợp tác với đồng nghiệp</p>	CLO2, CLO3, CLO4,		<p>Phương pháp giảng dạy tích cực kết hợp giảng truyền thống</p>	Thảo luận nhóm	
6	Chẩn đoán và Điều trị	4	<p>Thăm khám, phát hiện chính xác các triệu chứng cơ năng,</p>	CLO2, CLO3,		<p>Phương pháp</p>	Thảo luận	

	Alzheimer		<p>thực thể</p> <p>Chẩn đoán và Điều trị đúng bệnh</p> <p>Tận tụy với sự nghiệp chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khoẻ người cao tuổi, tôn trọng, cảm thông và hết lòng phục vụ người bệnh</p> <p>Tôn trọng và chân thành hợp tác với đồng nghiệp</p>	CLO4,		<p>giảng dạy tích cực kết hợp giảng truyền thống</p>	nhóm	
7	Chẩn đoán và Điều trị mất ngủ	4	<p>Thăm khám, phát hiện chính xác các triệu chứng cơ năng, thực thể</p> <p>Chẩn đoán và Điều trị đúng bệnh</p> <p>Tận tụy với sự nghiệp chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khoẻ người cao tuổi, tôn trọng, cảm thông và hết lòng phục vụ người bệnh</p> <p>Tôn trọng và chân thành hợp tác với đồng nghiệp</p>	CLO2, CLO3, CLO4,		<p>Phương pháp giảng dạy tích cực kết hợp giảng truyền thống</p>	Thảo luận nhóm	
8	Chẩn đoán và Điều trị Rối loạn chuyển hóa Lipid	4	<p>Thăm khám, phát hiện chính xác các triệu chứng cơ năng, thực thể</p> <p>Chẩn đoán và Điều trị đúng bệnh</p> <p>Tận tụy với sự nghiệp chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khoẻ người cao tuổi, tôn trọng, cảm thông và hết lòng phục vụ người bệnh</p> <p>Tôn trọng và chân thành hợp tác với đồng nghiệp</p>	CLO2, CLO3, CLO4,		<p>Phương pháp giảng dạy tích cực kết hợp giảng truyền thống</p>	Thảo luận nhóm	
9	Chẩn đoán và Điều trị Parkinson	4	<p>Thăm khám, phát hiện chính xác các triệu chứng cơ năng, thực thể</p> <p>Chẩn đoán và Điều trị đúng bệnh</p> <p>Tận tụy với sự nghiệp chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khoẻ người cao tuổi, tôn trọng, cảm thông và hết lòng phục vụ người bệnh</p> <p>Tôn trọng và chân thành hợp tác với đồng nghiệp</p>	CLO2, CLO3, CLO4,		<p>Phương pháp giảng dạy tích cực kết hợp giảng truyền thống</p>	Thảo luận nhóm	

9. Phương pháp đánh giá học phần

Trường hợp học phần/mô đun có cả lý thuyết và thực hành:

Bảng 9.3.1. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

* *Chỉ tiêu đánh giá:*

- Lý thuyết: Thi theo hình thức thi trắc nghiệm khách quan.
- Lâm sàng: Cách làm, trình bày bệnh án.
Thực hiện các chỉ tiêu lâm sàng.
Đánh giá theo bảng kiểm.

* *Phương pháp đánh giá:*

Nội dung	Số lần	Phương pháp	Trọng số
Điểm thi kết thúc học phần	01	Thi test	0,2
Điểm thi lâm sàng	01	Vấn đáp trên bệnh nhân, bệnh án	0.1

* *Phương pháp tính điểm môn học:*

Điểm TKMH = (Điểm TKLT* 2 + Điểm TKLS)/3

10. Tài liệu học tập

10.1. Tài liệu chính (TLC)

[1] Tên tác giả (năm xuất bản). *Tên giáo trình*. Nơi xuất bản: Tên nhà xuất bản.

- Lão khoa Y Học cổ truyền – Nhà xuất bản Giáo dục
- Bệnh học lão khoa, đại cương lão khoa – Nhà xuất bản Y học

11. Hướng dẫn thực hiện

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

12. Cấp phê duyệt

TRƯỞNG KHOA
(Ký, ghi rõ họ tên)

Hà Nội, ngày tháng năm
BỘ MÔN/MÔ ĐUN
(Ký, ghi rõ họ tên)

13. Tiến trình cập nhật đề cương

Cập nhật đề cương chi tiết lần 1: <i>Ngày/tháng/năm.</i>	Người cập nhật
Cập nhật đề cương chi tiết lần 2: <i>Ngày/tháng/năm.</i>	Người cập nhật

Hà Nội, ngày tháng năm 2023

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN:
NGHIÊN CỨU PHÁT TRIỂN THUỐC Y HỌC CỔ TRUYỀN**

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/ mô đun:

* Tiếng Việt: NGHIÊN CỨU PHÁT TRIỂN THUỐC Y HỌC CỔ TRUYỀN

* Tiếng Anh: Traditional medicines discovery and development

- Mã học phần/ mô đun: 251310

- Số tín chỉ: 03 LT/ 02 TH/LS

- Số tiết đối với các hoạt động học tập: 250 tiết

+ Lý thuyết: 45 tiết

+ Thực hành/ Lâm sàng/Seminar: 60 tiết

+ Kiểm tra, đánh giá: 2 tiết

+ Thời gian tự học: 88 tiết

- Đối tượng học (năm thứ): Tiến sĩ YHCT

- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luyện tốt nghề nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input checked="" type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input checked="" type="checkbox"/>	

- Điều kiện tham gia học phần:

+ Học phần tiên quyết:

+ Học phần học trước:

+ Học phần song hành: Không

- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn Thực vật – Dược liệu

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	PGS. TS. Nguyễn Duy Thuận	0913328031	thuanhvdyd@gmail.com
2	PGS. TS. Phương Thiện Thương	0972872418	phuongthienthuong@yahoo.com
3	PGS. TS. Nguyễn Quốc Huy	0984398989	huyhup2010@gmail.com

4	TS. Trần Thị Thu Hiền	0915380664	hien@dotochy.com
5	Giảng viên thỉnh giảng theo yêu cầu của học phần		

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Bảng 3.1. Mục tiêu của học phần/ mô đun

Ký hiệu Mục tiêu	Nội dung MT HP
MT1	Nắm vững và hiểu được khái niệm về thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền; lịch sử phát triển thuốc cổ truyền dùng để phòng và điều trị bệnh; vai trò của dược liệu và thuốc cổ truyền
MT2	Phân tích được nguyên tắc tìm kiếm và phát triển thuốc dược liệu và thuốc cổ truyền (phát triển thuốc mới từ thuốc đã biết và phát triển thuốc từ dược liệu mới); nội dung, các bước tiến hành trong việc nghiên cứu phát triển thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
MT3	Phân tích được các quy định và quy trình nghiên cứu sản xuất, lưu thông phân phối thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
MT4	Vận dụng được kiến thức đã học vào phân tích, đánh giá việc nghiên cứu phát triển thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền tại địa phương/ đơn vị
MT5	Có khả năng tổ chức hoạt động và làm việc theo nhóm, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm

Bảng 3.2. Mối liên hệ MT HP đến MT của CTĐT

MT CTĐT	(1)	(2)	(3)
MT1		2	1
MT2		2	1
MT3		2	1
MT4	2	2	
MT5	2		

1 – Mức đóng góp ít; 2 – Mức đóng góp vừa ; 3 – Mức đóng góp nhiều

4. Chuẩn đầu ra (CĐR) của học phần/ mô đun (ký hiệu: CLO)

Sau khi học xong học phần, người học có thể:

Bảng 4.1. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun

Ký hiệu CĐR	Nội dung CĐR HP (CLO)

CLO1	Phân tích được khái niệm về thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền; lịch sử phát triển thuốc cổ truyền dùng để phòng và điều trị bệnh; vai trò của dược liệu và thuốc cổ truyền
CLO2	Phân tích được nguyên tắc tìm kiếm và phát triển thuốc dược liệu và thuốc cổ truyền (phát triển thuốc mới từ thuốc đã biết và phát triển thuốc từ dược liệu mới); nội dung, các bước tiến hành trong việc nghiên cứu phát triển thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
CLO3	Phân tích được các quy định và quy trình nghiên cứu sản xuất, lưu thông phân phối thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
CLO4	Vận dụng được kiến thức đã học vào phân tích, đánh giá việc nghiên cứu phát triển thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền tại địa phương/ đơn vị
CLO5	Có khả năng tổ chức hoạt động và làm việc theo nhóm, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm

5. Ma trận mức độ đóng góp của chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (CLO) vào chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO)

1 – Thấp; 2 – Trung bình; 3 – Cao

Bảng 5.1. Mối liên hệ của CDR HP (CLO) đến CDR của CTĐT (PLO)

PLO	1	2	3	4	5	6	7
CLO1				2			
CLO2				2			
CLO3				2			
CLO4		2				2	1
CLO5		2				2	1

6. Yêu cầu của học phần/ mô đun

6.1. Yêu cầu của về điều kiện cơ sở vật chất tổ chức giảng học phần/ mô đun:

6.1.1. Lý thuyết: Giáo trình, tài liệu tham khảo như mục 10.1 và 10.2

Có máy chiếu projector, máy tính, các tài liệu giảng dạy và tài liệu học tập

6.1.2. Lâm sàng: không có

6.1.3. Thực hành:

Bảng 6.1.3. Cơ sở vật chất giảng dạy của HP

STT	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ thực hành
1	Tủ sấy
2	Tủ bảo quản mẫu tiêu bản/ dược liệu
3	Mẫu tiêu bản tươi/ khô/ mẫu dược liệu
4	Phòng thực hành trang bị máy chiếu/ màn hình

5	Phòng thực hành được trang bị đầy đủ mẫu cây thuốc/ vị thuốc/ dược liệu hoặc tranh ảnh, cơ sở dữ liệu về các cây thuốc, vị thuốc, nhóm thuốc trong chương trình giảng dạy
6	Phòng thực hành được trang bị đầy đủ máy móc, trang thiết bị, dụng cụ, vật tư, dung môi, hóa chất phục vụ kiểm tra, đánh giá các cây thuốc, vị thuốc trong chương trình giảng dạy.

6.2. Yêu cầu đối với học viên

- Học viên phải có giáo trình.
- Học viên phải tự đọc tối thiểu đầy đủ tài liệu học tập (tại mục 10), đảm bảo kết quả thi kết thúc học phần với kiến thức có trong giáo trình, trong tài liệu tham khảo và kiến thức cập nhật mới.
- Dự lớp học lý thuyết: Học viên có trách nhiệm tham gia đầy đủ các buổi học và các hoạt động học tập tại lớp; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.
- Thực hành/thảo luận: Thực hiện đầy đủ các bài thực hành/thảo luận phân theo cá nhân, theo nhóm. Đọc trước nội dung liên quan đến phần thực hành/thảo luận và viết báo cáo tóm tắt qui trình thực hành trước các buổi học.
- Tự học: Chủ động tổ chức giờ tự học bao gồm: Ôn bài học trước, **tự đọc** giáo trình và tài liệu tham khảo có liên quan tới chuẩn bị cho bài học mới theo tên bài kèm nội dung ghi tại cột 2 trong các bảng ở mục 8 (bao gồm cả phần tự đọc không giảng trên lớp - nếu có), phân phối thời gian tự học ôn tập phục vụ cho các bài thảo luận/kiểm tra/thi hết thực hành/ thi kết thúc học phần (các hình thức ghi tại mục 9.3); Đảm bảo thời gian tự học theo quy định.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự lý thuyết tối thiểu đạt 80 %. Hoàn thành 100% số bài kiểm tra và bài thực hành.

7. Mô tả chung học phần/ mô đun

Học phần Nghiên cứu phát triển thuốc YHCT dành cho đối tượng Tiến sĩ YHCT là học phần quan trọng trong chương trình đào tạo Tiến sĩ YHCT, giữ vai trò trong việc cung cấp cho người học khái niệm, lịch sử phát triển thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền dùng để phòng và điều trị bệnh; vai trò của dược liệu trong việc nghiên cứu tìm kiếm thuốc mới; nguồn gốc dược liệu để phát triển thuốc trên thế giới và ở Việt Nam; nguyên tắc tìm kiếm và phát triển thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền (phát triển thuốc mới từ thuốc đã biết và phát triển thuốc từ dược liệu mới); nội dung, các bước tiến hành trong việc nghiên cứu phát triển một thuốc mới (Các bước tiến hành nghiên cứu và phát triển; Nghiên cứu thành phần hoá học và sàng lọc tác dụng dược lý, dược động học; nghiên cứu dạng bào chế; nghiên cứu tính an toàn và tác dụng của thuốc trên lâm sàng); các quy định và quy trình nghiên cứu sản xuất, lưu thông phân phối thuốc.

Từ đó người học có thể nhận biết được tầm quan trọng của dược liệu và thuốc cổ truyền trong chăm sóc sức khoẻ, góp phần bảo tồn và phát triển dược liệu, thuốc cổ truyền.

8. Kế hoạch, nội dung giảng dạy học phần/ mô đun, liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

8.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Bảng 8.1.1.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

Tuần/ Buổi (4 tiết/b)	Các nội dung cơ bản của bài học (chương)	Số tiết (LT/KT/ Tự học)	CDR của bài học (chương)/ chủ đề	Lquan đến CLO nào ở bảng 4.1	PP giảng dạy đạt CDR	Hoạt động học của SV	Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.1.1)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Khái niệm thuốc dược liệu; lịch sử phát triển thuốc dùng để phòng và điều trị bệnh	4/0/4	Phân tích được khái niệm về thuốc từ dược liệu; lịch sử phát triển thuốc dùng để phòng và điều trị bệnh	CLO 1	Thuyết trình ngắn tích cực hoá người học	- Đọc tài liệu - Lắng nghe, trao đổi - Trả lời câu hỏi	
2	Vai trò của dược liệu trong việc nghiên cứu tìm kiếm thuốc mới; nguồn gốc được liệu để phát triển thuốc trên thế giới và ở Việt Nam	4/0/4	Phân tích được vai trò của dược liệu trong việc nghiên cứu tìm kiếm thuốc mới; nguồn gốc dược liệu để phát triển thuốc trên thế giới và ở Việt Nam	CLO 1	Thuyết trình ngắn tích cực hoá người học	- Đọc tài liệu - Lắng nghe, trao đổi - Trả lời câu hỏi	
3	Nguyên tắc tìm kiếm và phát triển thuốc mới từ dược liệu (phát triển thuốc mới từ thuốc đã biết và phát triển thuốc từ dược liệu mới)	8/0/8	Phân tích được các nguyên tắc tìm kiếm và phát triển thuốc mới từ dược liệu (phát triển thuốc mới từ thuốc đã biết và phát triển thuốc từ dược liệu mới)	CLO 2	Thuyết trình ngắn tích cực hoá người học	- Đọc tài liệu - Lắng nghe, trao đổi - Trả lời câu hỏi	
4	Nội dung, các bước tiến hành trong việc nghiên	12/0/12	Phân tích được nội dung, các bước tiến hành trong việc	CLO 2	Thuyết trình ngắn tích cực hoá người học	- Đọc tài liệu - Lắng nghe, trao đổi - Trả lời câu hỏi	

Tuần/ Buổi (4 tiết/b)	Các nội dung cơ bản của bài học (chương)	Số tiết (LT/KT/ Tự học)	CĐR của bài học (chương)/ chủ đề	Lquan đến CLO nào ở bảng 4.1	PP giảng dạy đạt CĐR	Hoạt động học của SV	Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.1.1)
	cứu phát triển một thuốc mới (Các bước tiến hành nghiên cứu và phát triển; Nghiên cứu thành phần hoá học và sàng lọc tác dụng dược lý, dược động học; nghiên cứu dạng bảo chế; nghiên cứu tính an toàn và tác dụng của thuốc trên lâm sàng)		nghiên cứu phát triển một thuốc mới				
5	Các quy định và quy trình nghiên cứu sản xuất, lưu thông phân phối thuốc	8/0/8	Phân tích được các quy định và quy trình nghiên cứu sản xuất, lưu thông phân phối thuốc.	CLO 3	Thuyết trình ngắn tích cực hoá người học	- Đọc tài liệu - Lắng nghe, trao đổi - Trả lời câu hỏi	
6	Nghiên cứu phát triển thuốc được liệu, thuốc cổ truyền (bài tập thảo luận nhóm)	9/0/9	Vận dụng các kiến thức đã học để phân tích hoặc thiết kế một nghiên cứu phát triển thuốc mới từ dược liệu	CLO 1 CLO 2 CLO 3	Bài tập thảo luận nhóm	- Đọc tài liệu - Lắng nghe, trao đổi - Trả lời câu hỏi - Phán biện, nhận xét	

Tuần/ Buổi (4 tiết/b)	Các nội dung cơ bản của bài học (chương)	Số tiết (LT/KT/ Tự học)	CĐR của bài học (chương)/ chủ đề	Lquan đến CLO nào ở bảng 4.1	PP giảng dạy đạt CĐR	Hoạt động học của SV	Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.1.1)
9	Kiểm tra	0/2/2		CLO 1 CLO 2 CLO 3	Tự luận ngắn kết hợp trắc nghiệm khách quan	Làm bài kiểm tra theo yêu cầu	Bài kiểm tra thường xuyên
10	Tiêu luận kết thúc học phần	0/0/16		CLO 1 CLO 2 CLO 3			

8.2. Kế hoạch, nội dung giảng dạy thực hành/ làm sàng và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Bảng 8.2.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy thực hành/ làm sàng và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

Tuần/ Buổi (4 tiết/b)	Các nội dung cơ bản của bài TH/LS (chương)	Số tiết (TH/LS/ KT/ Tự học)	CĐR của bài TH/LS (chương)	Lquan đến CLO nào ở bảng 4.1	Trang thiết bị quy chiếu ở bảng 6.1.3	PP giảng dạy đạt CĐR	Hoạt động học của SV	Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.2.1)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1-7	Thực hành nghiên cứu phát triển thuốc y học cổ truyền	56//0/46	Vận dụng được kiến thức đã học vào phân tích, đánh giá việc nghiên cứu phát triển thuốc được liệu, thuốc cổ truyền tại địa phương/ đơn vị	CLO 4 CLO 5	Các TTB theo yêu cầu	Bài tập nhóm/ nhân theo chủ đề	Làm bài tập nhóm/ cá nhân theo yêu cầu	
8	Báo cáo thực hành	4 tiết		CLO 4 CLO 5		Báo cáo, thảo luận theo nhóm/ cá nhân theo chủ đề	Báo cáo theo nhóm/ cá nhân theo chủ đề	

9. Phương pháp đánh giá học phần

9.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

9.2. Rubric:

Rubric 1: Đánh giá bài kiểm tra/bài tập lớn/ Bài tập của bài thực hành

Tiêu chí đánh giá	Trọng số %	Chuẩn đầu ra của Học phần	Mô tả mức chất lượng				Điểm
			8.5-10 điểm	7.0-8.4 điểm	5.5- 6.9 điểm	4.0-5.4 điểm	
Kết quả bài kiểm tra/bài tập lớn	50%	CLO 1 CLO 2 CLO 3 CLO 4	Kết quả đúng, đầy đủ	Kết quả đúng đến 85%	Kết quả đúng đến 70%	Kết quả đúng đến 55%	Kết quả đúng dưới 40%
Lập luận	30%		Lập luận logic	Lập luận logic, chưa đầy đủ	Có lập luận; chưa rõ logic	Có lập luận; chưa logic	Lập luận sai, không lập luận
Hình thức trình bày;	20%		Chữ viết rõ ràng; trình bày đẹp, sạch sẽ; Bố cục chặt chẽ, mạch lạc; Không lỗi chính tả	Chữ viết rõ ràng; trình bày đẹp; Bố cục tương đối chặt chẽ; mô tả kết quả chưa rõ ràng	Chữ viết đọc được; Bố cục chưa chặt chẽ; không mô tả được kết quả	Chữ viết xấu, khó đọc; Bố cục không rõ ràng; còn một số lỗi chính tả	Câu trả; Không có bố cục cụ thể; sai nhiều lỗi chính tả;
							100%

Rubric 2 – Nội dung thuyết trình thảo luận nhóm (có slides đi kèm)

STT	Nội dung tính điểm	Tỉ trọng	Chuẩn đầu ra học phần	Mức độ				
				8.5-10 điểm	7.0-8.4 điểm	5.5- 6.9 điểm	4.0-5.4 điểm	0-3.9 điểm
1	Nội dung báo cáo	25%	CLO 4	- Nội dung môn chuyên đúng, theo đúng	- Nội dung môn chuyên đúng, theo đúng	- Nội dung chuyên môn	Nội dung chuyên môn chưa đúng, dẫn chưa phù hợp	

STT	Nội dung tính điểm	Tỉ trọng	Chuẩn đầu ra học phần	Mức độ				
				8.5-10 điểm	7.0-8.4 điểm	5.5- 6.9 điểm	4.0-5.4 điểm	0-3.9 điểm
2	Hình thức các slides	10%	CLO 4	<p>đảm bảo trích dẫn phù hợp</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nội dung đúng hệ thống, logic 	<p>đảm bảo trích dẫn phù hợp</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nội dung tương đối đúng hệ thống, logic 	<p>đúng, theo trích dẫn còn sai sót</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nội dung tương đối đúng hệ thống, logic 	<p>- Nội dung chưa theo hệ thống</p>	<p>trích dẫn chưa phù hợp</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nội dung chưa theo hệ thống, logic
3	Kỹ năng trình bày	25%	CLO 4	<ul style="list-style-type: none"> - Các slide rõ ràng, dễ theo dõi, - Đảm bảo tính hệ thống liên lạc trong trình bày - Hiệu ứng xuất hiện chưa phù hợp 	<ul style="list-style-type: none"> - Các slide rõ ràng, dễ theo dõi, - Chưa đảm bảo tính hệ thống liên lạc trong trình bày - Hiệu ứng xuất hiện khi cần thiết 	<ul style="list-style-type: none"> - Các slide chưa rõ ràng, khó theo dõi - Chưa đảm bảo tính hệ thống liên lạc trong trình bày - Hiệu ứng xuất hiện khi cần thiết 	<ul style="list-style-type: none"> - Các slide chưa rõ ràng, khó theo dõi - Chưa đảm bảo tính hệ thống liên lạc trong trình bày - Hiệu ứng xuất hiện khi cần thiết 	<ul style="list-style-type: none"> - Các slide chưa rõ ràng, khó theo dõi - Chưa đảm bảo tính hệ thống liên lạc trong trình bày - Hiệu ứng xuất hiện ảnh hưởng đến theo dõi
				<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết trình rõ ràng, đầy đủ nội dung, đủ thời lượng - Thuyết trình sinh động, tự tin, tạo được sự hứng thú quan tâm của người nghe chưa tốt 	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết trình rõ ràng, đầy đủ nội dung, đủ thời lượng - Thuyết trình sinh động, thiếu tự tin, chưa tạo được sự hứng thú quan tâm của người nghe 	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết trình rõ ràng, đầy đủ nội dung, vượt thời lượng ít - Thuyết trình thiếu tự tin, chưa tạo được sự hứng thú quan tâm của người nghe 	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết trình rõ ràng, đầy đủ nội dung, vượt thời lượng nhiều - Thuyết trình khó khăn, chưa tạo được sự hứng thú quan tâm của người nghe 	

STT	Nội dung tính điểm	Tỉ trọng	Chuẩn đầu ra học phần	Mức độ				
				8.5-10 điểm	7.0-8.4 điểm	5.5- 6.9 điểm	4.0-5.4 điểm	0-3.9 điểm
4	Trả lời câu hỏi	10%	CLO 4	<ul style="list-style-type: none"> - Trả lời đúng nội dung ($\geq 85\%$) - Trả lời ngắn gọn, đi thẳng vào trọng tâm vấn đề 	<ul style="list-style-type: none"> - Trả lời tương đối đúng nội dung ($\geq 70\%$) - Trả lời ngắn gọn, đi thẳng vào trọng tâm vấn đề 	<ul style="list-style-type: none"> - Trả lời còn nhiều chỗ không chính xác - Trả lời có nói tới trọng tâm vào vấn đề 	<ul style="list-style-type: none"> - Trả lời còn nhiều chỗ chính xác - Trả lời chưa đi vào trọng tâm vấn đề 	<ul style="list-style-type: none"> - Trả lời sai cơ bản nội dung; lan man
5	<p>Làm việc nhóm</p> <p>1. Thành viên nhóm</p> <p>2. Trưởng nhóm</p>	15%	CLO 5	<ul style="list-style-type: none"> 1. - Tham gia nhiệt tình - Hoàn thành công việc được phân công - Chia sẻ công việc thành viên - Tham gia ý kiến chung 2. - Kế hoạch rõ ràng - Phân công cụ thể - Giám sát thành viên - Kiểm soát kết quả - Đánh giá thành viên 	<ul style="list-style-type: none"> 1. - Tham gia nhiệt tình - Hoàn thành công việc được phân công - Chia sẻ công việc thành viên - Ít tham gia ý kiến chung 2. - Kế hoạch rõ ràng - Phân công cụ thể - Giám sát thành viên - Chưa kiểm soát kết quả - Chưa đánh giá thành viên 	<ul style="list-style-type: none"> 1. - Ít tham gia nhiệt tình - Hoàn thành công việc được phân công - Không chia sẻ công việc thành viên - Ít tham gia ý kiến chung 2. - Kế hoạch đầy đủ - Không phân công cụ thể - Giám sát thành viên - Chưa kiểm soát kết quả - Chưa đánh giá thành viên 	<ul style="list-style-type: none"> 1. - Tham gia không nhiệt tình - Chưa hoàn thành công việc được phân công - Không chia sẻ công việc thành viên - Ít tham gia ý kiến chung 2. - Kế hoạch không rõ ràng - Không phân công cụ thể - Giám sát thành viên - Chưa kiểm soát kết quả - Chưa đánh giá thành viên 	

Rubric 3. Đánh giá tiêu luận

Tiêu chí		Nội dung yêu cầu	Tỉ trọng	CDR học phần	Mức độ chất lượng			
					8,5 – 10 điểm	7,0 – 8,4 điểm	5,0 – 6,9 điểm	0 – 4,9 điểm
Nội dung	Đặt vấn đề	<ul style="list-style-type: none"> - Ngắn gọn, rõ ràng - Phù hợp giữa mục tiêu và tên tiêu luận 	10%	CLO 1 CLO 2 CLO 3	<p>Viết ngắn gọn, rõ ràng; dẫn dắt đưa ra các mục tiêu phù hợp với tên tiêu luận và dài không quá 1,5 trang.</p>	<p>Viết ngắn gọn, rõ ràng; dẫn dắt tương đối tốt để đưa ra được mục tiêu phù hợp tên tiêu luận và dài không quá 2 trang.</p>	<p>Viết chưa thật súc tích; dẫn dắt để đưa ra được mục tiêu tương đối phù hợp tên tiêu luận và dài quá 2 trang.</p>	<p>Viết dài dòng, không rõ ràng; đưa ra mục tiêu không phù hợp tên tiêu luận và dài quá 2 trang.</p>
	Tổng quan tài liệu	<ul style="list-style-type: none"> - Hệ thống hóa được thông tin liên quan quan trọng: + Về cơ sở lý luận + Về thực tiễn trong nước + Về thực tiễn ngoài nước 	20%		<p>Đáp ứng yêu cầu đầy đủ cả 3 nội dung về cơ sở lý luận, thực tiễn trong nước và nước ngoài</p>	<p>- Thiếu 1 nội dung hoặc</p> <p>- Cả 3 nội dung trình bày cơ bản đáp ứng yêu cầu</p>	<p>Trình bày cả 3 nội dung đáp ứng yêu cầu</p>	<p>- Thiếu hai nội dung hoặc</p> <p>- 2/3 nội dung trình bày không đáp ứng yêu cầu</p>
	Phương pháp, phương tiện tiên tiến hành và kết quả	<ul style="list-style-type: none"> - Phương pháp và tiện nghi nghiên cứu - Phù hợp với mục tiêu - Tương đối chính xác 	20%		<p>Đáp ứng đầy đủ và chính xác cả 2 nội dung: phù hợp với mục tiêu và tương đối chính xác</p>	<p>- Đáp ứng đầy đủ một nội dung và một nội dung đạt trên 50% yêu cầu; hoặc</p> <p>- 2 nội dung đáp ứng trên 2/3 yêu cầu</p>	<p>Đáp ứng mỗi nội dung trên 50% yêu cầu</p>	<p>- Thiếu 1 nội dung hoặc</p> <p>- Cả hai nội dung không đáp ứng yêu cầu</p>
	Kết quả	<ul style="list-style-type: none"> - Đáp ứng được mục tiêu - Trung thực, đáng tin cậy 	20%		<p>Đáp ứng cả 4 nội dung đầy đủ và chính xác</p>	<p>Đáp ứng 4 nội dung đầy đủ; hoặc</p> <p>- cả 4 nội dung đều đạt trong đó 3</p>	<p>Đáp ứng ít nhất 2 nội dung và các nội dung còn lại đạt yêu cầu</p>	<p>- Từ 3/4 nội dung không đạt yêu cầu; hoặc</p> <p>- Thiếu 2 nội dung</p>

Tiêu chí	Nội dung yêu cầu	Tỉ trọng	CDR học phần	Mức độ chất lượng			
				8,5 – 10 điểm	7,0 – 8,4 điểm	5,0 – 6,9 điểm	0 – 4,9 điểm
Kết luận và đề xuất	<ul style="list-style-type: none"> - Minh chứng rõ ràng, chính xác - Nhận xét, bàn luận ngắn gọn, logic, xác đáng - Thâu tóm được nội dung - Đề xuất đúng vấn đề 	10%		Thâu tóm được nội dung yêu cầu đầy đủ chính xác và có đề xuất xác đáng	- Đáp ứng đầy đủ và chính xác 1 nội dung yêu cầu và tiêu chí còn lại đạt trên 50% hoặc - cả 2 tiêu chí đáp ứng trên 70%	Cả 2 nội dung đáp ứng yêu cầu trên 50%	<ul style="list-style-type: none"> - Thiếu 1 nội dung Hoặc - Cả 2 nội dung không đạt yêu cầu
				Tài liệu tham khảo	<ul style="list-style-type: none"> - Trích dẫn đủ, đúng quy định - Viết tài liệu tham khảo đúng quy định - Tài liệu tham khảo có cả tiếng Việt và tiếng nước ngoài 	10%	
Trình bày	<ul style="list-style-type: none"> - Format đúng quy định - Bảng biểu rõ ràng, chính xác - Lỗi chính tả: 	10%		Đúng và chính các cả 3 nội dung yêu cầu	Format đúng quy định, 2/3 số Bảng biểu rõ ràng, chính xác, lỗi chính tả 5-10	Format một vài chỗ chưa đúng quy định, Bảng biểu rời mắt khó hiểu, - Lỗi chính tả 11-20	<ul style="list-style-type: none"> - Format > 5 chỗ chưa đúng quy định, - Nhiều Bảng biểu rời mắt khó hiểu hoặc vẽ sai - Lỗi chính tả > 20

9.3. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Bảng 9.3.1. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Thành phần đánh giá chính	Trọng số điểm (%)	Nội dung đánh giá	Bài đánh giá	Trọng số con (%)	Rubric	Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1	Mô tả cách thực hiện
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Điểm kiểm tra thường xuyên	10%	Thảo luận nhóm/ bài tập lớn/ kiểm tra	Điểm đánh giá quá trình	100%	Rubric 1	CLO1 CLO2	Theo KH của Bộ môn
Điểm thực hành	30%	Theo từng chủ đề	Báo cáo thực hành	100%	Rubric 1 Rubric 2	CLO3 CLO4	Theo KH bài giảng
Điểm kết thúc học phần	60%	Tiểu luận	Bài kết thúc học phần	100%	Rubric 3	CLO1 CLO2	Theo KH của Bộ môn

9.4. Ma trận đề kiểm tra và thang điểm đánh giá

Điểm tiểu luận kết thúc học phần được tính theo thang điểm 10.

9.5. Điểm học phần

Cách đánh giá: Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

9.1 Điểm lý thuyết = điểm tiểu luận kết thúc học phần

9.2 Điểm thực hành/lâm sàng = điểm báo cáo phần thực hành

9.3 Điểm tổng kết học phần:

- Điểm đánh giá kết thúc học phần = (Điểm tổng kết phần thực hành/lâm sàng X 1.0 + Điểm tổng kết phần lý thuyết X 2.0)/3

- Điểm đạt khi: điểm đánh giá kết thúc học phần từ 5,5 điểm trở lên theo thang điểm 10.

10. Tài liệu học tập

10.1. Tài liệu chính (TLC)

[1]. Bộ môn Thực vật - Dược liệu – Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam (2023), *Nghiên cứu phát triển thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền*, Tài liệu lưu hành nội bộ

10.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

[1] Bộ Y tế (2018), *Thông tư 21/2018/TT-BYT Quy định việc đăng ký lưu hành thuốc cổ truyền, dược liệu*

[2] Bộ Y tế (2021), *Thông tư 39/2021/TT-BYT Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 21/2018/TT-BYT ngày 12 tháng 09 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định việc đăng ký lưu hành thuốc cổ truyền, dược liệu*

11. Hướng dẫn thực hiện


- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.
- ✓ Sinh viên thực hiện đầy đủ và trung thực các nhiệm vụ học tập, kiểm tra, đánh giá theo Đề cương chi tiết học phần và hướng dẫn của giảng viên giảng dạy học phần.

12. Cấp phê duyệt

TRƯỞNG KHOA
(Ký, ghi rõ họ tên)

Hà Nội, ngày tháng năm 2023

BỘ MÔN
(Ký, ghi rõ họ tên)


Trần Phú Lưu Hiền

13. Tiến trình cập nhật đề cương

Cập nhật đề cương chi tiết lần 1: <i>Ngày/tháng/năm.</i>	Người cập nhật
Cập nhật đề cương chi tiết lần 2: <i>Ngày/tháng/năm.</i>	Người cập nhật

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Trình độ đào tạo: Tiến sĩ

Ngành: YHCT

Mã số đào tạo:

1. Thông tin tổng quát về học phần

- Tên học phần:

* Tiếng Việt: Dược và an toàn thuốc y học cổ truyền

* Tiếng Anh: Pharmacy and Safe traditional pharmacy

- Mã học phần:

- Số tín chỉ: 2 LT/3TH

- Số tiết đối với các hoạt động học tập:

+ Lý thuyết: 30 tiết

+ Thực hành: 45 tiết

+ Bài tập:..... tiết

+ Thảo luận, hoạt động nhóm:tiết

+ Kiểm tra:.....tiết

+ Thời gian tự học:tiết

- Đối tượng học: Tiến sĩ YHCT

- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo:

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>						Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở khối ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

12

- Điều kiện tham gia học phần:

+ Học phần tiên quyết (đã học và thi đạt yêu cầu):

+ Học phần học trước (đã học):

+ Học phần song hành:

- Đơn vị phụ trách học phần: Bộ môn Dược cổ truyền

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	PGS.TS. Vũ Đức Lợi	0917879959	Ducloi82@gmail.com
2	ThS. Lê Thị Thu Hà	0986621299	lethuhadhn2906@gmail.com
3	ThS. Trần Thị Hồng Nhung	0979428801	<u>nhungtrandkh@gmail.com</u>
4	Các Giảng viên mời giảng theo nhu cầu của Bộ môn: PGS.TS. Đỗ Thị Hà, TS. Trần Minh Ngọc, PGS.TS. Phùng Hòa Bình, PGS. TS. Trần Việt Hùng,.....		

3. Mục tiêu của học phần

Bảng 3.1. Mục tiêu của học phần

Ký hiệu Mục tiêu	Nội dung MT HP
MT HP1	Trình bày đại cương về Thuốc YHCT (các dạng thuốc, phương pháp bào chế, tiêu chuẩn, văn bản quản lý về thuốc YHCT)
MT HP2	Trình bày được tác dụng bất lợi của thuốc cổ truyền trên bệnh nhân nói chung và các bệnh nhân là đối tượng đặc biệt nói riêng; tương tác của thuốc cổ truyền và tương tác thuốc cổ truyền với tân dược; công tác Cảnh giác dược và Thông tin thuốc tại các cơ sở khám chữa bệnh.
MT HP3	Vận dụng các kiến thức về thuốc cổ truyền để hướng dẫn sử dụng thuốc đảm bảo an toàn, hiệu quả và kinh tế, bào chế được một số dạng thuốc YHCT

MT HP4	Thể hiện được sự chính xác, cẩn thận, tinh thần làm việc có trách nhiệm trong việc phát hiện, đánh giá các vấn đề về bào chế, sử dụng, quản lý thuốc y học cổ truyền
--------	--

Bảng 3.2. Mối liên hệ MT HP đến MT của CTĐT

PLO	3	4	7	8	11	12	13	Ghi chú
CLO 1	3	3						Không đóng góp cho các PLO khác
CLO 2	3	3						
CLO 3			3	3				
CLO 4			3	3				
CLO 5					3	3	3	

Ghi chú: Mức độ đóng góp của mục tiêu học phần/ modun (MT HP) vào mục tiêu của chương trình đào tạo (MT CTĐT) được xác định cụ thể:

- 1 – MT HP có đóng góp ít vào MT CTĐT
- 2 – MT HP có đóng góp vừa vào MT CTĐT
- 3 – MT HP có đóng góp nhiều vào MT CTĐT

Chú thích: 3, 2, 1 phụ thuộc vào mức hỗ trợ của MT HP đối với MT CTĐT ở mức bắt đầu (1) hoặc mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế, ... (2) hay mức thuần thục (3)

4. Chuẩn đầu ra (CĐR) của học phần (ký hiệu: CLO)

Bảng 4.1. Chuẩn đầu ra của học phần

Ký hiệu CĐR	Nội dung CĐR HP (CLO)
CLO1	Có kiến thức cơ bản về đại cương thuốc YHCT
CLO2	Có kiến thức về tác dụng bất lợi của thuốc cổ truyền trên các đối tượng bệnh nhân, tương tác của thuốc cổ truyền và tương tác thuốc cổ truyền với tân dược; Cảnh giác dược và Thông tin thuốc tại các cơ sở khám chữa bệnh.

CLO3	Vận dụng được những kiến thức về thuốc cổ truyền vào thực hành nghề nghiệp có hiệu quả, phục vụ cho công tác bào chế, quản lý, tư vấn sử dụng thuốc hợp lý, an toàn thuốc YHCT
CLO4	Tuân thủ các nguyên tắc về đạo đức và an toàn trong thực hành nghề nghiệp.

5. Ma trận mức độ đóng góp của chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (CLO) vào chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO)

Mức độ đóng góp của chuẩn đầu ra của học phần/ modun (CLO) vào chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO) được xác định cụ thể:

- 1 – CLO có đóng góp ít vào PLO
- 2 – CLO có đóng góp vừa vào PLO
- 3 – CLO có đóng góp nhiều vào PLO

Chú thích: 3, 2, 1 phụ thuộc vào mức hỗ trợ của CLO đối với PLO ở mức bắt đầu (1) hoặc mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế, ... (2) hay mức thuần thực (3)

Bảng 5.1. Mối liên hệ của CDR HP (CLO) đến CDR của CTĐT (PLO)

PLO	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
CLO 1	1	1	2										
CLO 2	1	1	2										
CLO 3				1	1	1	1	1	2	2	2	2	2
CLO 4									2	2	2	2	2

6. Yêu cầu của học phần/ mô đun

6.1. Yêu cầu của về điều kiện cơ sở vật chất tổ chức giảng học phần/ mô đun:

6.1.1. Lý thuyết: Máy chiếu, loa, mic, bảng, bút viết bảng/phấn.

6.1.2. Thực hành:

Bảng 6.1.3. Cơ sở vật chất giảng dạy của HP

STT	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ thực hành
1	Máy vi tính/laptop, máy chiếu, loa, mic, phần mềm giảng online
2	Bài 1: Chảo gang, bếp đun, dầm sàng, dao cào.
3	Bài 2: Soxhlet, nồi cách thủy, dao, bếp điện, khay inox, chày cối, bản mỏng silicagel, dụng cụ thủy tinh, dụng cụ pha chế siro, tạo thuốc cốm

4	Bài 3: Chảo gang, bản mỏng silicagen, cối chày, máy xay, dầm, sàng, dao cầu, máy tạo viên hoàn mềm.
5	Bài 4: Tủ sấy, dao cầu, khay inox sấy máy xay, bộ rây, dụng cụ thủy tinh, máy tạt viên hoàn cứng

STT	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ thực hành
1	Máy chiếu, loa, micro
2	Bảng, bút viết bảng/phấn
3	Máy tính kết nối Internet

6.2. Yêu cầu đối với học viên

- Dự lớp: Học viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

✓ Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

✓ Học viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

✓ Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

✓ Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm.

- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: Số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80%; Học viên phải hoàn thành các bài tập và đạt điểm 4/10 trở lên; tham gia đủ và đạt điểm 4/10 trở lên đối với các bài kiểm tra trên lớp.

7. Mô tả chung học phần/ mô đun

Học phân dành cho đối tượng Tiên sĩ YHCT là học phân quan trọng trong chương trình đào tạo TS chuyên ngành YHCT, cung cấp cho người học các nội dung về các phương pháp bào chế các dạng bào chế thuốc YH cổ truyền và tương tác thuốc YHCT, các văn bản quản lý thuốc YHCT.

8. Kế hoạch, nội dung giảng dạy học phân/ mô đun, liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

8.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Bảng 8.1.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy lý thuyết và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

Tuần/ Buổi (04 tiết/b)	Các nội dung cơ bản của bài học (chương)	Số tiết (LT/KT/ Tự học)	CĐR của bài học (chương)/ chủ đề	Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1	PP giảng dạy đạt CĐR	Hoạt động học của HV	Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.1.1)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Bài 1: Đại cương về Thuốc YHCT	04	Hiểu biết về đại cương thuốc cổ truyền (Kn, pp bào chế, các dạng bào chế, tiêu chuẩn, pp kiểm nghiệm, pp quản lý, sử dụng thuốc YHCT)	CLO 1 CLO 4	GV sử dụng tài liệu và projector để thuyết trình	Nghe, ghi chép, thảo luận, trả lời, đọc tài liệu.	

2	Bài 1: Đại cương tác dụng bất lợi của thuốc cổ truyền	04	Hiểu biết về đại cương tác dụng bất lợi của thuốc cổ truyền	CLO 1 CLO 4	GV sử dụng tài liệu và projector để thuyết trình	Nghe, ghi chép, thảo luận, trả lời, đọc tài liệu.	
3	Bài 2: Chú ý khi sử dụng thuốc cổ truyền trên các đối tượng bệnh nhân đặc biệt (Phần 1)	04		CLO 1 CLO 4	GV sử dụng tài liệu và projector để thuyết trình	Nghe, ghi chép, thảo luận, trả lời, đọc tài liệu.	
4	Bài 3: Chú ý khi sử dụng thuốc cổ truyền trên các đối tượng bệnh nhân đặc biệt (Phần 2)	04		CLO 1 CLO 4	GV sử dụng tài liệu và projector để thuyết trình	Nghe, ghi chép, thảo luận, trả lời, đọc tài liệu.	
5	Bài 4: Tương tác thuốc cổ truyền: - TT thuốc CT-thuốc CT	04	Hiểu biết về tương tác thuốc cổ truyền	CLO 1 CLO 4	GV sử dụng tài liệu và projector để thuyết trình	Nghe, ghi chép, thảo luận, trả lời, đọc tài liệu.	

	- TT thuốc CT-thuốc tân dược						
6	Bài 5: Cảnh giác dược tại cơ sở khám chữa bệnh (Phần 1)	02	Hiểu biết đại cương về Cảnh giác dược	CLO 2 CLO 4	GV sử dụng tài liệu và projector để thuyết trình	Nghe, ghi chép, thảo luận, trả lời, đọc tài liệu.	
7	Bài 6: Cảnh giác dược tại cơ sở khám chữa bệnh (Phần 2)	04	Hiểu biết về quy trình cảnh giác dược tại cơ sở khám chữa bệnh	CLO 2 CLO 4	GV sử dụng tài liệu và projector để thuyết trình	Nghe, ghi chép, thảo luận, trả lời, đọc tài liệu.	
8	Bài 7: Cảnh giác dược tại cơ sở khám chữa bệnh (Phần 3)	04	Hiểu biết về sai sót liên quan đến thuốc: phát hiện và các giải pháp phòng tránh trong thực hành lâm sàng	CLO 2 CLO 4	GV sử dụng tài liệu và projector để thuyết trình	Nghe, ghi chép, thảo luận, trả lời, đọc tài liệu.	
9	Bài 8: Thông tin thuốc tại cơ sở khám chữa bệnh	04	Hiểu biết về vai trò, nội dung và quy trình thông tin	CLO 2 CLO 4	GV sử dụng tài liệu và projector để	Nghe, ghi chép, thảo luận, trả lời, đọc tài liệu.	

			thuốc tại cơ sở khám chữa bệnh		thuyết trình		
Kiểm tra (Theo lịch phòng ĐT SĐH)							

Ghi chú:

- (3) Số tiết (LT/KT...): Xác định số tiết lý thuyết, kiểm tra của từng chương
- (6) PP giảng dạy đạt CDR: Nêu tên các PP giảng dạy sử dụng trong từng chương để đạt CDR
- (7) Hoạt động học của SV: Xác định các nội dung SV cần chuẩn bị tại nhà (đọc tài liệu nào, từ trang thứ mấy, LVN để giải quyết BT, làm dự án); Hoạt động tại lớp (thảo luận nhóm, làm BT thường xuyên số. ...).

8.2. Kế hoạch, nội dung giảng dạy thực hành và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra:

Bảng 8.2.1. Kế hoạch, nội dung giảng dạy thực hành và liên kết nội dung chương mục với chuẩn đầu ra

Tuần/ Buổi (... tiết/b)	Các nội dung cơ bản của bài TH/LS (chương)	Số tiết (TH/LS/ KT/ Tự học)	CDR của bài TH/LS (chương)	Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1	Trang thiết bị quy chiếu ở bảng 6.1.3	PP giảng dạy đạt CDR	Hoạt động học của HV	Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 8.2.1)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
	Bài 1: Bào chế thuốc cổ truyền (vị thuốc, cao, đơn, ..)	04	Bào chế được dạng thuốc cổ truyền	CLO 3 CLO 4	1, 2, 3	Hướng dẫn lần thực nghiệm, mô phỏng	Thao tác thực hiện, thảo luận	

	Bài 2: Bào chế thuốc cổ truyền (siro, viên hoàn, ..)	04	Bào chế được dạng thuốc cổ truyền	CLO 3 CLO 4	1, 2, 3	Hướng dẫn lần thực nghiệm, mô phỏng	Thao tác thực hiện, thảo luận	
1	Bài 3: Xây dựng danh mục Phản ứng bất lợi của thuốc cổ truyền (Phần 1)	04	Xây dựng được danh mục Phản ứng bất lợi của thuốc cổ truyền tại cơ sở khám chữa bệnh	CLO 3 CLO 4	1, 2, 3	- Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học. - Hướng dẫn thảo luận nhóm	- Thảo luận nhóm - Viết báo cáo - Trình bày	
2	Bài 4: Xây dựng danh mục Phản ứng bất lợi của thuốc cổ truyền (Phần 2)	04	Xây dựng được danh mục Phản ứng bất lợi của thuốc cổ truyền tại cơ sở khám chữa bệnh	CLO 3 CLO 4	1, 2, 3	- Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học. - Hướng dẫn thảo luận nhóm	- Thảo luận nhóm - Viết báo cáo - Trình bày	

3	<p>Bài 5: Xây dựng danh mục Chú ý sử dụng thuốc cổ truyền trên các đối tượng bệnh nhân đặc biệt (Phần 1)</p>	04	<p>Xây dựng được danh mục Chú ý sử dụng thuốc cổ truyền trên BN đặc biệt tại cơ sở khám chữa bệnh</p>	<p>CLO 3 CLO 4</p>	1, 2, 3	<p>- Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học. - Hướng dẫn thảo luận nhóm</p>	<p>- Thảo luận nhóm - Viết báo cáo - Trình bày</p>	
4	<p>Bài 5: Xây dựng danh mục Chú ý sử dụng thuốc cổ truyền trên các đối tượng bệnh nhân đặc biệt (Phần 2)</p>	04	<p>Xây dựng được danh mục Chú ý sử dụng thuốc cổ truyền trên BN đặc biệt tại cơ sở khám chữa bệnh</p>	<p>CLO 3 CLO 4</p>	1, 2, 3	<p>- Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học. - Hướng dẫn thảo luận nhóm</p>	<p>- Thảo luận nhóm - Viết báo cáo - Trình bày</p>	

5	Bài 6: Xây dựng danh mục Tương tác thuốc bất lợi của thuốc cổ truyền (Phần 1)	04	Xây dựng được danh mục Tương tác thuốc cổ truyền tại cơ sở khám chữa bệnh	CLO 3 CLO 4	1, 2, 3	- Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học. - Hướng dẫn thảo luận nhóm	- Thảo luận nhóm - Viết báo cáo - Trình bày
6	Bài 7: Xây dựng danh mục Tương tác thuốc bất lợi của thuốc cổ truyền (Phần 2)	04	Xây dựng được danh mục Tương tác thuốc cổ truyền tại cơ sở khám chữa bệnh	CLO 3 CLO 4	1, 2, 3	- Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học. - Hướng dẫn thảo luận nhóm	- Thảo luận nhóm - Viết báo cáo - Trình bày
7	Bài 8: Thực hiện quy trình thông tin thuốc cho bệnh nhân (Phần 1)	04	Xây dựng được danh mục Tương tác thuốc cổ truyền	CLO 3 CLO 4	1, 2, 3	- Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học. - Hướng dẫn thảo luận nhóm dựa trên tình huống.	- Thảo luận nhóm - Viết báo cáo

			tại cơ sở khám chữa bệnh				- Trình bày	
8	Bài 9: Thực hiện quy trình thông tin thuốc cho bệnh nhân (Phần 2)	04	Xây dựng được danh mục Tương tác thuốc cổ truyền tại cơ sở khám chữa bệnh	CLO 3 CLO 4	1, 2, 3	- Thuyết trình ngắn tích cực hóa người học. - Hướng dẫn thảo luận nhóm dựa trên tình huống.	- Thảo luận nhóm - Viết báo cáo - Trình bày	

Ghi chú:

- (3) Số tiết (TH/LS/KT...): Xác định số tiết thực hành, lâm sàng, kiểm tra... của từng chương
- (6) PP giảng dạy đạt CDR: Nêu tên các PP giảng dạy sử dụng trong từng chương để đạt CDR
- (7) Hoạt động học của SV: Xác định các nội dung SV cần chuẩn bị tại nhà (đọc tài liệu nào, từ trang thứ mấy, LVN để giải quyết BT, làm dự án); Hoạt động tại lớp (thảo luận nhóm, làm BT thường xuyên số.).

9. Phương pháp đánh giá học phần

9.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

9.2. Rubric:

9.2.1. Rubric đánh giá chuyên cần và bài kiểm tra thường xuyên:

- Đi học đạt tối thiểu 80% số tiết lý thuyết, nếu đi học đạt tối thiểu 80% số tiết lý thuyết trong học phần học viên sẽ không được dự thi kết thúc phân lý thuyết.

- Làm đầy đủ bài kiểm tra thường xuyên, thiếu bài nào phải kiểm tra bù bài đó.

9.2.2. Rubric đánh giá bài thực hành:

Thực hành không được vắng mặt buổi nào, vắng hoặc trượt bài nào phải thực tập bù bài đó theo qui định.

9.2.3. Rubric đánh giá tiểu luận kết thúc học phần:

Đầy đủ theo yêu cầu về nội dung và trình bày tiểu luận.

9.3. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Bảng 9.3.1. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Thành phần đánh giá chính	Trọng số điểm (%)	Nội dung đánh giá	Bài đánh giá	Trọng số con (%)	Rubric	Lquan đến CLO nào ở bảng 5.1	Mô tả cách thực hiện
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Lý thuyết	80%	Điểm chuyên cần	Tham gia \geq 80%				
		Điểm kiểm tra thường xuyên	Buổi số 4 Buổi số 8	20%		CLO 1 CLO 2 CLO 4	Học viên làm bài kiểm tra về các nội dung đã được học.
		Điểm Báo cáo tiểu luận		60%		CLO 1 CLO 2 CLO 4	Học viên báo cáo kết quả học tập qua làm tiểu luận kết thúc học phần.
Thực hành	20%	Điểm chuyên cần	Tham gia 100%				

		Điểm bài thực hành	Điểm đánh giá cho từng buổi thực hành			CLO 3 CLO 4	Học viên báo cáo kết quả bài thực hành theo nhóm.
		Điểm thi thực hành	Điểm trung bình cộng của 8 bài thực hành			CLO 3 CLO 4	

9.4. Ma trận đề kiểm tra và thang điểm đánh giá

9.5. Điểm học phần

$Điểm\ học\ phần = 20\% \text{ điểm kiểm tra thường xuyên} + 20\% \text{ điểm thực hành} + 60\% \text{ thi kết thúc học phần (tiểu luận)}$

10. Tài liệu học tập

10.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Bộ Y tế (2010), Một số chuyên đề thuốc cổ truyền, NXB Y học, Hà Nội
2. Bộ Y tế (2014), *Dược học cổ truyền* – Sách đào tạo Dược sỹ đại học, NXB Y học, Hà Nội
3. Bộ môn Dược học cổ truyền – Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam – *Thực hành Dược cổ truyền* – Tài liệu lưu hành nội bộ.
4. Vũ Đức Lợi (2017), *Thực hành thực vật, dược liệu, dược cổ truyền*, NXB Đại học Quốc Gia Hà Nội.
5. Bộ Y tế (2015), *Hướng dẫn Quốc gia về Cảnh giác dược*, Nhà XB Y học, Hà Nội.
6. Hoàng Thị Kim Huyền và J.R.B.J Brouwers (2014), *Dược lâm sàng – Những nguyên lý cơ bản và sử dụng thuốc trong điều trị - Tập II*, NXB Y học, Hà Nội.

10.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

Nghị định 131/2020/NĐ-CP ngày 02 tháng 11 năm 2020 Ban hành Quy định về tổ chức, hoạt động dược lâm sàng của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.

11. Hướng dẫn thực hiện

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.

- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho học viên vào buổi học đầu tiên của học phần.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

12. Cấp phê duyệt

Hà Nội, ngày tháng ... năm 202...

TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG BỘ MÔN

TS. Nguyễn Văn Quân



PGS.TS. Vũ Đức Lợi

13. Tiến trình cập nhật đề cương

Cập nhật đề cương chi tiết lần 1: <i>Ngày/tháng/năm.</i>	Người cập nhật
Cập nhật đề cương chi tiết lần 2: <i>Ngày/tháng/năm.</i>	Người cập nhật